

Phụ lục IV
KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THPT Hoàng Cầu
Tổ: Xã hội

Họ và tên giáo viên:
Nguyễn Thị Lan Phương

TÊN BÀI DẠY: Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Chương I. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

Bài 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Giúp HS thấy được

- Những sự kiện quan trọng của tình hình thế giới sau CTTG 2.
- + Sự hình thành trật thế mới sau chiến tranh thế giới thứ 2: Hội nghị I-an ta (2/1945).
- + Sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc (mục đích, nguyên tắc hoạt động cơ bản ...).

2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng tư duy khái quát; biết nhận định, đánh giá những vấn đề lớn của LSTG

3. Về thái độ:

- Giúp HS nhận thức rõ sau CTTG II tình hình thế giới diễn ra ngày càng căng thẳng, diễn biến phức tạp, đặc biệt giữa 2 phe.
- Giúp HS liên hệ với CM VN thời kì này, đặc biệt là biết đặt CM VN trong mối liên hệ mật thiết với CM thế giới.

4. Năng lực hướng tới: Qua bài học HS thấy được quan hệ quốc tế sau CTTG2, Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế có vị trí quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, an ninh thế giới..., mối quan hệ giữa VN với LHQ ra sao?

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Láp tốp: tài liệu liên quan: Bản đồ thế giới hoặc bản đồ châu Âu và châu Á, sơ đồ tổ chức LHQ

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, tranh ảnh các tổng thư kí LHQ...

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục tiêu:* Gây kích thích sự hứng thú cho học sinh, để các em sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới.

b. *Phương pháp:* thông qua kênh hình bằng TVHD.GV chọn tranh ảnh, hoặc 1 đoạn phim phù hợp.

- Qua sự kiện này hình thành cho HS thấy được cục diện QHQT phức tạp sau CTTG 2, sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động và vai trò của LHQ ra sao, mối quan hệ giữa VN với LHQ, qua mqh này VN cần làm gì để vừa bảo vệ vững chắc đất nước vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế hiệu quả...

- Giáo viên cho học sinh xem đoạn phim Mĩ thả bom nguyên tử xuống Nhật bản (6 hoặc 9/8/1945)

Sau đó giáo viên đặt câu hỏi. Qua đoạn phim em có suy nghĩ gì?

HS trả lời:

- Sự tàn khốc của chiến tranh...
- Cần chấm dứt CT đưa LSTG sang một trang mới...
- Cần có một tổ chức Quốc tế có những nguyên tắc để bảo vệ thế giới...

c. *Dự kiến sản phẩm:* Sau đó GV bổ sung đưa ra vấn đề tìm hiểu bài học:

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân Trước hết GV giúp HS làm rõ khái niệm “quan hệ quốc tế”, “trật tự thế giới” là gì? (có thể đặt câu hỏi gợi mở cho HS tìm hiểu khái niệm) GV yêu cầu HS đọc mục 1 SGK, rút ra những vấn đề cơ bản: <i>?Hội nghị Ianta được triệu tập trong bối cảnh lịch sử nào</i> →GV gọi cá nhân HS trình bày từng vấn đề. GV nhận xét, chốt ý GV sử dụng H₁ SGK: Thủ tướng Anh - Socxin, Tổng thống Mĩ - Ph.Rudoven, Chủ tịch hội đồng bộ trưởng Liên Xô - I.Xtalin tại hội nghị Ianta. <i>? Theo em, từ hoàn cảnh LS trên việc giải quyết những yêu cầu đó được thực hiện như thế nào ?</i> GV tiếp tục gọi HS trả lời vấn đề. GV chốt ý.	<u>I. Hội nghị Ianta (2 - 1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc.</u> - 4 - 11/2/1945, Hội nghị quốc tế được triệu tập ở Ianta (Liên Xô), với sự tham dự của nguyên thủ 3 cường quốc: Tổng thống Mĩ Ru do ven, HDBT Liên Xô Xít ta lin, Thủ tướng Anh Sốc sin, hội nghị đã đưa ra những quyết định quan trọng: +Nhanh chóng tiêu diệt tận gốc CNPX Đức và CNQP Nhật. + Thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

GV sử dụng bản đồ TG để chỉ các khu vực đóng quân, phạm vi thế lực của LX, Mỹ và đồng minh của Mỹ ở châu Âu và châu Á. (Có thể gọi 1 em HS trình bày trên bản đồ) GV liên hệ với tình hình CM VN thời kì này sau khi CM tháng Tám thành công GV: có thể đặt thêm câu hỏi: <i>Vì sao lại có thể phân chia như vậy? Căn cứ vào đâu?</i> Gọi HS trình bày quan điểm của mình và GV chốt ý: Căn cứ vào vị trí, sức mạnh và sự đóng góp của mỗi bên trong cuộc chiến. GV: <i>Căn cứ vào nội dung trên của Hội nghị, em hãy cho biết thực chất của hội nghị Ianta là gì? Ý nghĩa của hội nghị đó?</i> <i>Thế nào là trật tự hai cực Ianta?</i> GV gọi đại diện nhóm trình bày vấn đề, nhóm khác bổ sung, sau đó GV nhận xét và chốt ý: Đó là sự sắp xếp, cân bằng quyền lực giữa những nước lớn (cụ thể là 2 nước: Liên Xô và Mỹ) trên cơ sở thoả thuận tại Hội nghị Ianta.	+ Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa 3 cường quốc ở châu Âu và châu Á. - Những quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thoả thuận sau đó của 3 cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới- trật tự 2 cực Ianta. (thường được gọi là Trật tự 2 cực Ianta do Mỹ và LX đứng đầu mỗi cực
*Hoạt động 2: Hoạt động nhóm: GV dẫn dắt vấn đề: Trong những thoả thuận đó, có 1 nội dung hết sức quan trọng đó chính là phải thành lập 1 tổ chức mang tầm quốc tế nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới - tổ chức Liên hợp quốc ra đời GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu các vấn đề thứ tự như sau: ? Sự thành lập tổ chức LHQ? ? Mục đích? ? Nguyên tắc hoạt động?	II. Sự thành lập Liên hợp quốc. - 25/4 – 26/6/1945: hội nghị quốc tế 50 nước họp tại Xanphranxixcô (Mỹ) → quyết định thành lập tổ chức LHQ. - 24/10/1945: LHQ họp phiên đầu tiên, bản Hiến chương chính thức có hiệu lực → ngày LHQ

<i>? Các cơ quan chính của LHQ?</i> GV gọi HS đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. Sau khi các HS trình bày xong GV bổ sung và chốt từng vấn đề rồi cho các em ghi và có thể hỏi thêm: GV sử dụng H₂ SGK: Lễ kí Hiến chương LHQ tại Xanphranxixcô. HS có thể đọc ở SGK. GV sử dụng sơ đồ tổ chức LHQ <i>? Tổ chức LHQ có những vai trò gì mà em biết qua sách, báo, đài...? Hãy liên hệ với thực tế?</i> <i>? Hiện nay LHQ có những tổ chức nào trên thế giới?</i> HS liệt kê: WHO, UNESCO, UNICEF, FAO, vv... <i>? Mối quan hệ giữa Việt Nam và LHQ thể hiện như thế nào?</i> -GV tiếp tục gọi HS trả lời vấn đề. GV chốt ý. - Liên hệ tình hình Việt Nam tháng 5/2014 (giàn khoan 981...)	* Mục đích: -Duy trì hoà bình và an ninh thế giới. -Phát triển mqh hữu nghị giữa các dân tộc -Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết. *Nguyên tắc hoạt động: 5 nguyên tắc - Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc. - Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước. - Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào. - Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình. - Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn: Anh, Mĩ, Pháp LX (nay LB Nga), TQ. * Hiến chương LHQ còn quy định bộ máy của LHQ gồm 6 cơ quan Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Hội đồng Quản thác, Toà án Quốc tế và Ban Thư kí * Vai trò: - Duy trì hoà bình và an ninh thế giới. - Thúc đẩy việc giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực. - Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế. - Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo... *Việt Nam - LHQ: - 20/9/1977: VN gia nhập LHQ - thành viên 149. - 2007: VN là uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ (nhiệm kì 2008 - 2009).
---	--

Phần III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập (Không dạy)	III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập
--	---

3. Hoạt động luyện tập: Yêu cầu HS phải vận dụng những kiến thức vừa học được để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể:

GV nhấn mạnh lại vấn đề đã học hôm nay:

Câu 1: Sau CTTG II, 1 trật tự TG mới được xác lập, với đặc trưng lớn nhất là gì?

HS: TG chia làm 2 phe, 2 cực là TBCN và XHCN.

Câu 2: VN phải làm gì để giành độc lập và XD phát triển đất nước?

HS: suy nghĩ trả lời: 2 ý:

- Giành độc lập thời kì chống Pháp, Mĩ (1945-1975).

- XD phát triển đất nước (1975-2000).

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng: Thống kê và tìm hiểu về một số tổ chức LHQ hoạt động tại VN, tổ chức VH-GD đã giúp đỡ nước ta như thế nào, tìm hiểu và đánh giá tác động.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tổ chức LHQ

- Học bài cũ, tìm hiểu trước bài 2: Phân thành tựu công cuộc XD CNXH ở Liên Xô từ 1945 đến nửa đầu những năm 70.

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991), LIÊN BANG NGA (1991 - 2000), phần I

TÊN BÀI DẠY: Chương II: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991), LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Bài 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991), LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Những nét lớn về công cuộc XD CNXH của Liên Xô từ 1945 đến giữa những năm 70: Khó khăn của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ 2; công cuộc khôi phục kinh tế từ 1945 - 1950; công cuộc xây dựng CNXH.

2. Kỹ năng:

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện lịch sử.

3. Thái độ:

- Khâm phục tinh thần lao động, tự lực, tự cường của nhân dân Liên Xô.
- Thấy được ưu điểm của nhà nước XHCN và những hạn chế nhất định trong vấn đề phát triển kinh tế.

4. Năng lực hướng tới:

- Thấy được những thành tựu XDCNXH ở Liên Xô là vô cùng to lớn, có tác động tích cực đến vị thế của LX trên trường quốc tế. Liên xô thực sự là thành trì của CNXH.
- VN vận dụng cơ hội trong quan hệ quốc tế như thế nào để giành độc lập và XD đất nước.

II- CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Máy tính, bản đồ Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 - 1991
- Tranh ảnh về các nhân vật quan trọng: Gagarin, Stalin...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Xem sách giáo khoa, tìm hiểu các tư liệu về chuyến bay đầu tiên của Gagarin..

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động khác...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Gây kích thích sự hứng thú cho học sinh, thông qua kênh hình bằng TVHD.

- Qua sự kiện này hình thành cho HS được những thành tựu XDCNXH ở Liên Xô là vô cùng to lớn, có tác động tích cực đến vị thế của LX trên trường quốc tế. Liên xô thực sự là thành trì của CNXH.
- Vào bài giáo viên cho học sinh xem 2 đoạn phim (2 bức tranh):
- Hậu quả của chiến tranh đối với Liên Xô
- Liên Xô Phóng vệ tinh nhân tạo hoặc nhà du hành vũ trụ Gagarin, hoặc hình ảnh các nhà du hành Liên Xô và Bác Phạm Tuân bay vào vũ trụ...

a. Phương pháp: Giáo viên đặt câu hỏi. Qua đoạn phim (bức tranh) em có suy nghĩ gì?

GV cho biết: giai đoạn LS những năm 60-70 của TKXX

HS suy nghĩ có thể trả lời:

- Thành tựu KHKT vĩ đại...
- Tác động đến cục diện TG...

c. Dự kiến sản phẩm: Sau đó GV bổ sung đưa ra vấn đề tìm hiểu bài học

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân: GV: nhắc lại hoặc mời HS nêu lại kiến thức LS 11 về Liên bang CHXHCN Xô Viết: thành lập 1922, gồm 13 bang: Nga, Ucraina, Bêla rút, ...(ILS 11 trang 56) GV giúp HS nhớ lại vai trò của LX trong CTTG II (trụ cột), sau đó đặt câu hỏi <i>? Cuộc chiến tranh thế giới thứ II đã để lại cho Liên Xô những hậu quả gì?</i> (27 triệu người chết; 1.710 thành phố bị tàn phá; hơn 7 vạn làng mạc; gần 32.000 nhà máy xí nghiệp...) => Nhiệm vụ đề ra là phải khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng CNXH. <i>? Vậy Đảng và nhà nước Liên Xô phải làm gì để hoàn thành nhiệm vụ đó?</i> -Thực hiện kế hoạch 5 năm (1946 - 1950) <i>-?Trong 5 năm 1946 – 1950 nhân dân LX đã giành được những thành tựu gì?</i> GV: Việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế có ý nghĩa hết sức quan trọng, là nền tảng vững chắc để ND LX tiến hành công cuộc xây dựng CNXH trong những năm tiếp theo	I. Liên Xô: a. Liên Xô (1945 - 1950) - Gánh chịu hậu quả chiến tranh rất nặng nề: khoảng 27 triệu người chết, 1710 thành phố, 7 vạn làng mạc, 32000 xí nghiệp bị tàn phá.... - Tinh thần tự lực, tự cường nhân dân Liên Xô đã hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 - 1950) * Thành tựu: - Hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế trước thời hạn (4 năm 3 tháng) - 1950: Sản lượng công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh. - 1950 :Sản xuất nông nghiệp đã đạt mức trước chiến tranh - 1949: Chế tạo thành công bom nguyên tử. => Phá thế độc quyền bom nguyên tử của Mĩ
*Hoạt động 2: Cả lớp và cá nhân - GV:Sau khi hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế,Liên Xô vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, kĩ thuật chưa được áp dụng nhiều vào sản xuất. Các ngành công nghiệp nặng chưa phát triển mạnh. →Liên	b.Liên Xô (1950 đến nửa đầu những năm 70) * Công nghiệp:

Xô vẫn tiếp tục công cuộc xây dựng CNXH ? Để xây dựng CNXH, Đảng và nhà nước Liên Xô đã đề ra những biện pháp gì? - Thực hiện các kế hoạch 5 năm (1951 - 1955) và (1956 - 1960), kế hoạch 7 năm (1959 - 1965). ? Trình bày những thành tựu mà ND Liên Xô đạt được trong thời gian này? - Sản lượng công nghiệp chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới. - Nông nghiệp: Năm 1970 đạt 186 triệu tấn, ¾ dân số có trình độ trung học và đại học ? GV hỏi: Hãy cho biết chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kì này? ? Theo em, những thành tựu LX đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH có ý nghĩa như thế nào? - Đối với trong nước? - Đối với quốc tế? HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung ý kiến và kết thúc bài học	+ Đến giữa những năm 70, LX trở thành cường quốc công nghiệp thứ 2 thế giới (sau Mỹ) + Đi đầu trong công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân: 1957: phóng thành công vệ tinh nhân tạo; 1961: phóng con tàu Phương Đông bay vòng quanh trái đất do phi công Ga ga rin... - <i>Nông nghiệp</i>: Sản lượng trung bình hàng năm tăng 16% (những năm 60) - <i>Chính trị, xã hội</i>: + Tương đối ổn định - <i>Đối ngoại</i>: LX chủ trương hoà bình anh ninh thế giới, ủng hộ PTGPDT, giúp đỡ các nước XHCN.
--	--

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN ĐẠT
GV: Hướng dẫn HS đọc thêm phần II.1-2	II. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến năm 1991: 1. Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở LX

<i>GV: Việc tìm hiểu về công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu, em hãy rút ra nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu?</i> HS: - Chủ quan? - Khách quan? GV bổ sung và rút ra Kết luận: - Đây là sự sụp đổ về một mô hình XD CNXH chưa đúng đắn, khoa học - GV: Liên hệ công cuộc XD CNXH ở Trung Quốc và Việt Nam để HS hiểu thêm. <i>Chuyển mục</i>	2. Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu 3. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở LX và các nước Đông Âu - Mô hình CNXH đã xây dựng có nhiều khuyết tật và thiếu sót; đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí; cơ chế quan liêu, bao cấp - Không bắt kịp bước phát triển của KHKT - Khi cải tổ thì mắc sai lầm - Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước => Đây là sự sụp đổ về một mô hình XD CNXH chưa đúng đắn, khoa học.
Tiết 3: GV: giới thiệu nét chung về LBN: Dân số: 143.782.338 (2004) Diện tích: tổng S: 17.075.200 km². Diện tích đất: 16.995.800 km². (2004) GV hướng dẫn HS quan sát Liên bang Nga trên lược đồ và giới thiệu khái quát Sau đó GV nêu câu hỏi: <i>Em hãy nêu những nét chính về tình hình Liên bang Nga từ năm 1991- 2000. Tình hình chung của nước Nga hiện nay như thế nào?</i> + Về kinh tế? + Về chính trị, xã hội? + Về đối ngoại? GV bổ sung và Kết luận	III. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 - Từ 1991, LBN là quốc gia kế tục Liên Xô. - Trong thập kỉ 90, dưới thời tổng thống En xin tình hình khó khăn và khủng hoảng k.tế, tranh chấp sắc tộc... - 1996- 2000, từng bước phục hồi và tăng trưởng... - Đối ngoại: CS ngả về phương Tây ko đạt được mong muốn, về sau khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á - Từ năm 2000, Putin lên làm Tổng thống, từng bước đưa LBN thoát khỏi khó khăn và khủng hoảng, k.tế p. triển, chính trị ổn

	định vị trí quốc tế được nâng cao để trở lại vị thế cường quốc ở châu Âu-Á. - Khó khăn: Xung đột sắc tộc...
--	---

3. Hoạt động luyện tập: Yêu cầu HS phải vận dụng những kiến thức vừa học được để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể:

GV nhấn mạnh lại vấn đề đã học hôm nay:

Câu 1: Cho biết những thành tựu XDCNXH ở Liên Xô? Tác dụng trong nước quốc tế?

Câu 2: VN học tập được gì để giành độc lập và XD phát triển đất nước?

HS: suy nghĩ trả lời: 2 ý:

- Giành độc lập thời kì chống Pháp, Mĩ (1945-1975): viện trợ vũ khí hiện đại: xe tăng, máy bay, tên lửa Sam1,2 bắn hạ B52...

- XD phát triển đất nước (1975-2000): xây dựng thủy điện Hòa Bình....

Câu 3: Hướng dẫn HS khái quát nội dung cơ bản nguyên nhân sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô nhấn mạnh: Đây ko phải là CNXH sụp đổ mà chỉ là sự sụp đổ về một mô hình XD CNXH chưa đúng đắn, khoa học

- Nét nổi bật của Liên Bang Nga 1996 đến 2000, kể về một số câu chuyện về TT Putin...

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

-Sưu tầm một số tranh ảnh, phim về sự giúp đỡ của LX đối với VN: thời kì chống Pháp, Mĩ (1945-1975) và XD phát triển đất nước (1975-1991)

-Tìm đọc một số tác phẩm về công cuộc XDCNXH ở Liên Xô: tác phẩm: Thép đã tôi thế đấy, Sông đông êm đềm...một số bài hát về nước Nga lời Việt: Đôi bờ, chiều bến cảng...

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

Học bài cũ chuẩn bị bài mới bài 3 **CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á**, soạn và nghiên cứu kĩ phần II.3

TÊN BÀI DẠY: Chương III. CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LA TINH (1945-2000)

Bài 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á.

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức.

- Biết được những biến đổi lớn lao của khu vực Đông Bắc Á (Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên) sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Trình bày được nét nổi bật về đường lối đổi mới của Trung quốc từ 12-1978.

2. Kỹ năng.

- Rèn luyện về kĩ năng tổng hợp và hệ thống hóa các sự kiện lịch sử.

- Biết khai thác các tranh ảnh, biểu đồ để hiểu nội dung các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ.

- Nhận thức được sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên không chỉ là thành quả đấu tranh của nhân dân các nước này mà còn là thắng lợi chung của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

- Nhận thức rõ quá trình xây dựng CNXH diễn ra không theo con đường thẳng tắp, bằng phẳng mà gặp ghềnh, khó khăn.

4. Năng lực hướng tới:

- Giúp học sinh thấy được KV Đông Bắc Á là khu vực có tiềm lực về kinh tế - chính trị trong những năm cuối TK 20 đầu 21.

- Đông Bắc Á, là KV năng động quan trọng ở châu á nói riêng và TG nói chung.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh về đất nước Trung Quốc, lãnh tụ Mao Trạch Đông, bán đảo Triều Tiên.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài cũ, đọc trước bài mới.
- Sưu tầm tranh ảnh về đất nước Trung Quốc và hai miền Triều Tiên.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục tiêu:* Gây kích thích sự hứng thú cho học sinh, thông qua kênh hình bằng TVHD.

Qua sự kiện này hình thành cho HS được những thành tựu Đông Bắc Á

b. *Phương Pháp:* giáo viên cho học sinh xem một số hình ảnh kinh tế của: Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan.

Sau đó giáo viên đặt câu hỏi. Qua các hình ảnh trên em có cảm nhận và suy nghĩ gì?

HS suy nghĩ có thể trả lời:

c. *Dự kiến sản phẩm:* HS trả lời xong, sau đó GV bổ sung đưa ra vấn đề tìm hiểu bài học

Sau khi CTTG thứ hai kết thúc, khu vực Đông Bắc Á có sự biến đổi to lớn, với sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên và sự thành lập nước CHND Trung Hoa. Các quốc gia trong khu vực đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đề hiểu thêm về khu vực này, chúng ta cùng tìm hiểu bài 3

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Thảo luận cả lớp. GV sử dụng kiêthức liên môn: dùng “Lược đồ khu vực Đông Bắc Á” để giới thiệu sơ lược về các nước ở khu vực này trước khi trở thành những quốc gia độc lập (trừ Nhật Bản) Gồm: Trung Quốc, NB, Hàn Quốc CHDCND Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông. ... Đài Loan, Hồng Kông. HS về nhà tìm hiểu thêm GV: <i>Sau chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Đông Bắc Á có những biến đổi lớn nào?</i> HS: Trả lời được hai biến đổi lớn về chính trị và kinh tế của khu vực. GV: <i>Những sự kiện chính trị nào thể hiện sự biến chuyển của khu vực Đông Bắc Á sau CTTG thứ hai?</i> HS trả lời được hai sự kiện cơ bản như SGK. GV giải thích vì sao từ năm 1949, trên bán đảo Triều Tiên lại xuất hiện hai nhà nước. GV: <i>Kinh tế khu vực có tốc độ tăng trưởng như thế nào?</i> HS đọc SGK suy nghĩ trả lời, GV nhận xét, bổ sung cho HS thấy được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của khu vực và lấy ví dụ minh họa	I. Nét chung về khu vực Đông Bắc Á - Gồm: Trung Quốc, NB, Hàn Quốc CHDCND Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông. * Cộng hòa Hàn quốc: Tổng DT: 98.480 km², DT đất: 98.190 km²; DS: 48.598.175 (2004). * CHDCND Triều Tiên: Tổng DT: 120.1540 km², DT đất: 120.410 km²; DS: 22.697.553 (2004). Sau CTTG II, khu vực Đông Bắc Á đã có những chuyển biến quan trọng: * Về chính trị: - Tháng 10/1949, nước CHND Trung Hoa ra đời. - Trên bán đảo Triều Tiên xuất hiện hai nhà nước theo hai chế độ khác nhau. (Hàn Quốc và Triều Tiên) * Về kinh tế: - Từ nửa sau TK XX, khu vực này có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, đời sống của nhân dân được nâng cao. (Ba con rồng: Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan; sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế TQ, Triều Tiên)
*Hoạt động 2: Cả lớp. GV: Hãy cho biết nét chung về TQ: HS: Tổng DT: 9.596.960 km², DT đất: 9.326.410 km²; DS: 1.298.847.624 (2004). GV giới thiệu bối cảnh Trung Quốc tiến hành công cuộc cải cách-đổi mới. GV: <i>Đường lối chung của công cuộc cải cách kinh tế-xã hội ở TQ được thể hiện ở những</i>	II. Trung Quốc 1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thành tựu mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959) (ko dạy) a. Sự ra đời của nước CHND Trung Hoa b. Trung Hoa thành tựu mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959)

<i>điểm nào? Liên hệ với đường lối đối mới hiện nay ở Việt Nam?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung và liên hệ với hoàn cảnh, nội dung và thành tựu của công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam và giải thích các thuật ngữ khó. GV: <i>Trong 20 năm tiến hành cải cách, đất nước Trung Quốc đã có những chuyển biến gì?</i> HS đọc SGK suy nghĩ trả lời để thấy được những biến đổi to lớn của TQ trên các mặt: - Kinh tế: - Đời sống nhân dân: - Văn hoá, giáo dục: - KH-KT: GV cho HS quan sát hình 9 SGK và nhận xét, có thể cho học sinh xem tranh và giới thiệu thêm về sự kiện TQ phóng thành công tàu “Thần Châu 5” vào vũ trụ. GV: <i>Đường lối đối ngoại của Trung Quốc có gì khác so với hai giai đoạn trước?</i> HS: Suy nghĩ trả lời, GV bổ sung và kết luận. -GV: Liên hệ sự kiện TQ phóng tàu vũ trụ Thần Châu 10, tàu Thiên Cung, Hằng Nga. GV hướng dẫn HS xem cầu Nam Phố (Thượng Hải) và rút ra nhận xét...Kết thúc bài - Vài nét về CSĐN TQ về Biển Đông. Thất bại tại vụ Kiện của Philipin với TQ. Ngày 2/7/2016, Tòa án quốc tế phán quyết phần thắng thuộc về Philipin và những luận điệu của TQ là vô căn cứ, mở ra giai đoạn ĐT có lợi cho VN...	2. Trung Quốc những năm không ổn định(1959- 1978) (ko dạy) 3. Công cuộc cải cách và mở cửa (từ năm 1978) * Đường lối mới: - Tháng 12, TƯ Đảng CSTQ đề ra Đường lối cải cách K.tế-XH, do Đặng Tiểu Bình đề xướng. - Nội dung căn bản của đường lối cải cách là: <i>Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước giàu mạnh, dân chủ, văn minh.</i> * Thành tựu: Sau 20 năm (1979-1998) đất nước TQ đã có những biến đổi quan trọng: - GDP tăng TB hàng năm 8%, năm 2000 GDP đạt 1080 tỉ USD, đời sống ND được cải thiện rõ rệt. - Cơ cấu kinh tế thay đổi từ 1 nước NN -> CN (CNXD:51%, D.vụ: 33%, NN: 16%) năm 2000. - KH-KT, văn hoá, giáo dục: Có nhiều thành tựu nổi bật: Từ 11/1999-3/2003, phóng 4 tàu ThầnChâu, 15/10/2003, phóng Thần Châu 5 do Dương Lợi Vĩ bay vào ko gian -> Qgia thứ 3 chinh phục vũ trụ (sau Nga, Mỹ) - Đối ngoại: Có nhiều thay đổi... →Vai trò và vị trí của Trung Quốc ngày càng được nâng cao.
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

Câu 1. Những biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau CTTG II?

Câu 2.Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện này?

Câu 3. Thời điểm, đường lối cải cách và những biến đổi của Trung quốc trong 20 năm cải cách-mở cửa?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

Câu 1. Hãy cho biết vị trí của VN trong Asean.

-Liên hệ về công cuộc đổi mới của Việt Nam 12-1986?

- Ý nghĩa của công cuộc đổi mới của TQ đối với vị thế của Trung Quốc hiện nay?

- Tìm đọc một số tác phẩm văn học nói lên tình hữu nghị VN -Trung Quốc.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Làm bài tập 1,2 SGK (trang 25)

- Đọc trước bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

TÊN BÀI DẠY: Bài 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Những nét lớn về quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á, những mốc chính của tiến trình cách mạng Lào và Campuchia
- Những giai đoạn phát triển và thành tựu xây dựng đất nước của các quốc gia Đông Nam Á, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.
- Hoàn cảnh ra đời, mục tiêu và các giai đoạn phát triển của ASEAN
- Những nét lớn về cuộc đấu tranh giành độc lập và thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Ấn

2. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng khái quát, tổng hợp, so sánh các sự kiện, sử dụng lược đồ...

3. Thái độ

- Nhận thức được tính tất yếu của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ; sự xuất hiện các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á
- Những nét tương đồng và đa dạng trong sự phát triển đất nước; đánh giá cao những thành tựu xây dựng đất nước của ND Đông Nam Á .

4. Hoạt động hướng tới:

- Nhận thức được tính tất yếu của sự hợp tác phát triển giữa các nước ASEAN, VN là thành viên không thể tách rời trong khu vực ĐNÁ.
- Đánh giá cao những thành tựu xây dựng đất nước của ND Ấn Độ, một quốc gia có vị trí quan trọng trong KV châu á. Mối quan hệ VN với Ấn Độ tầm nhìn và phát triển.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai
- Bảng thống kê các giai đoạn phát triển của CM Lào và Campuchia

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Xác định vị trí các quốc gia Đông Nam Á trên lược đồ khu vực Đông Nam Á sau CTTG II
- Tìm hiểu mối quan hệ giữa 3 nước Đông Dương trong lịch sử

III- PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống :

a. *Mục đích*: tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng tiếp thu bài học về tình hình các nước ĐNÁ và Ấn Độ sau CTTG thứ 2-1945.

b. *Phương pháp*: GV cho HS xem một đoạn phim về Đại Hội thể thao ĐNÁ(seagame), sau đó hỏi HS qua đoạn phim các em có cảm nhận và suy nghĩ gì?

-HS suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung...

c. *Dự kiến sản phẩm*: Sau khi HS trả lời xong GV bổ sung và chốt đồng thời chuyển vào nội dung bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở khu vực Đông Nam Á có sự thay đổi sâu sắc. Để hiểu thêm về quá trình giành độc lập, những thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước...chúng ta cùng tìm hiểu

BÀI 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

2. Hoạt động hình thành kiến thức

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cá nhân -GV: Sử dụng kiến thức liên môn: giới thiệu <i>Khái quát về KV Đông Nam á về: dân số, diện tích, ĐKTN, văn hoá...</i> GV hỏi: như vậy tình hình ĐNÁ, trước, trong, sau CTTG thứ 2 như thế nào? -HS dựa vào SGK suy nghĩ trả lời; GV bổ sung, nhận xét và kết luận. Chuyển mục.	I. Các nước Đông Nam Á 1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau chiến tranh thế giới thứ hai a. Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập - <i>Trước chiến tranh</i>: Là thuộc địa của các đế quốc Âu- Mỹ (trừ Thái Lan) - <i>Trong chiến tranh</i>: Thuộc địa của Nhật Bản - <i>Sau chiến tranh</i>: Nhiều nước đã giành được độc lập (Indônêxia, VN, Lào) hoặc đã giải phóng phần lớn lãnh thổ (Miến Điện, Mã Lai, Philippin)

	- Tiếp đó, nhân dân Đông Nam Á tiến hành kháng chiến chống thực dân Âu- Mỹ quay trở lại xâm lược và đều giành thắng lợi. - Hầu hết, các nước đều gia nhập tổ chức Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN).
*Hoạt động 2: Cả lớp GV: Hãy cho biết nét chung về Lào: HS: Tổng DT: 236.800 km², DT đất: 230.800 km²; DS: 6.086.117 (2004). CHDCND Lào GV: Em hãy cho biết tình hình Lào sau CTTG 2? HS: Dựa vào SGK trả lời GV: Nét đặc sắc của công cuộc ĐT giành độc lập của nước Lào? HS: Suy nghĩ trả lời GV gợi ý: - LS Lào gắn liền với LS nước ta - Khẳng định VN-Lào có nét tương đồng về nhiều mặt... HS: VN và Lào đoàn kết trong công cuộc chống Pháp và Mỹ-> hình thành nên tình hữu nghị Việt Lào GV: Kết luận và chốt và liên hệ về câu thơ của Hồ Chí Minh nói về tình hữu nghị Việt Lào: <i>Việt Lào hai nước chúng ta Tình sâu như nước Hồng Hà Cửu Long</i>	b.Lào (1945- 1975) - Ngày 12/10/1945, ND thủ đô Viêng chăng k/n thắng lợi, tuyên bố độc lập - Từ đầu 1946-1954, ND Lào thực hiện cuộc KC chống Pháp, chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân VN, kí hiệp định Giơnevơ, Lào giành độc lập. - Từ 1954-1975, ND Lào tiến hành KC chống Mỹ với sự giúp đỡ của ND VN...Lào kí Hiệp định Viêng chăng (2/1973), hoà hợp dân tộc và lập lại HB ở Lào. -Ngày 2/12/1975, nước CHDCND Lào được thành lập, mở ra giai đoạn XD và phát triển của Lào.
*Hoạt động 3: Cả lớp GV:Hãy cho biết nét chung về:Campuchia HS: Tổng DT: 181.040 km², DT đất: 176.520 km²; DS: 13.363.421 (2004). Vương quốc CPC GV: Em hãy cho biết tình hình CPC sau CTTG 2? HS: Dựa vào SGK trả lời	c. Campuchia (1945- 1993) - Từ cuối 1945-1954, ND CPC KC chống Pháp, 9/11/1954, Pháp kí hiệp ước trao trả độc lập cho CPC. - Từ 1954-1970, CP CPC do Xi-hanuc lãnh đạo theo đường lối trung lập, ko tham gia các khối L/m quân sự nào. - 18/3/1970, Cp Xi-hanuc bị Mỹ lật đổ ...CPC tiến hành KC chống Mỹ - Ngày 17/4/1975, thủ đô Phnôm pênh giải phóng, kết thúc thắng lợi cuộc KC chống Mỹ.

GV: Quá trình giành độc lập của CPC có gì giống và khác Lào? HS: -Điểm giống: -Điểm khác: GV: Mời HS trả lời... GV: Có thể kể một số câu chuyện về tội ác của Khơ me đỏ đối với ND CPC, liên hệ với VN... GV: Em hãy cho biết vài nét CPC hiện nay. Nếu HS ko trình bày được GV trình bày và chốt ý chuyển mục	Sau đó tập đoàn Khơ me đỏ do Pốt pốt cầm đầu thi hành CS diệt chủng tàn bạongày 7/1/1979, thủ đô Phnôm pênh được GP, nước CHND CPC ra đời. - Từ 1979-1991, diễn ra cuộc nội chiến kéo dài 10 năm kết thúc với sự thất bại của Khơ me đỏ. 10/1991, hiệp định hoà bình về CPC được kí kết. Sau cuộc tổng tuyển cử 1993, CPC trở thành VQ độc lập bước vào kì XD và P. triển
*Hoạt động 4: Cả lớp và cá nhân Trước hết GV giới thiệu tình hình chung của khu vực Đông Nam Á với hai nhóm nước cơ bản theo hai chiến lược phát triển kinh tế khác nhau. GV đặt câu hỏi: <i>Hãy cho biết đường lối phát triển kinh tế, mục tiêu, nội dung và thành tựu đạt được của nhóm các nước sáng lập ASEAN trong giai đoạn đầu sau khi giành được độc lập?</i> HS suy nghĩ, phát biểu ý kiến; GV nhận xét, bổ sung và kết luận GV: <i>Tại sao từ những năm 60, 70 trở đi, nhóm các nước sáng lập ASEAN đã thay đổi đường lối phát triển kinh tế? Mục tiêu, nội dung và thành tựu đạt được trong thời gian này?</i> HS trả lời, GV nhận xét và bổ sung, chốt ý - Trong những năm 70 của TK XX, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ là 7-7,5%, của Malaixia là 7,8 %, của Philippin là 6,3 %, của Thái Lan là 9 %, của Xingapo là 12 %	2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN Quá trình xây dựng và phát triển đất nước trải qua hai giai đoạn * Giai đoạn đầu sau khi giành được độc lập: Công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu (chiến lược kinh tế hướng nội) - Mục tiêu: Xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ - Nội dung: Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, chú trọng thị trường trong nước - Thành tựu: Đáp ứng được nhu cầu cơ bản của ND, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp... - Hạn chế: Đời sống người lao động còn khó khăn, tệ tham nhũng, quan liêu phát triển; chưa giải quyết được mqh giữa tăng trưởng với công bằng xã hội * Từ những năm 60, 70 trở đi: Công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo (chiến lược kinh tế hướng ngoại) - Mục tiêu: Khắc phục những hạn chế của chiến lược hướng nội, thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển nhanh

GV: hướng dẫn phần 2,b,c cho HS...	- Nội dung: Tiến hành mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu - Thành tựu: Bộ mặt kinh tế- xã hội các nước thay đổi, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao b. Nhóm các nước Đông Dương: (HD Đọc thêm) c. Các nước khác ở Đông Nam Á (HD Đọc thêm)
------------------------------------	---

Tiết 6 (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
Hoạt động 1: Hoạt động nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ - chuẩn bị thời gian 4 phút. - Nhóm 1: <i>Hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN?</i> - Nhóm 2: <i>Sự thành lập và mục tiêu của ASEAN?</i> - Nhóm 3: <i>Quá trình phát triển của ASEAN?</i> - Nhóm 4: <i>Hoạt động của ASEAN?</i> HS thảo luận, cử đại diện nhóm trình bày. GV bổ sung, chốt ý Các nước gia nhập ASEAN 1984: Brunây, 1995: Việt Nam, 1997: Lào và Mianma, 1999: Campuchia gia nhập GV: <i>Nội dung chính của hiệp ước Bali?</i> HS : Đọc SGK trả lời, GV hỏi tiếp: <i>Vì sao hiệp ước Bali được coi là bước phát triển của ASEAN?</i> GV gợi ý, HS trả lời – HS ko trả lời được GV trả lời và giải thích thêm.	I/3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN * Hoàn cảnh ra đời: - Sau khi giành độc lập, đất nước gặp nhiều khó khăn cần có sự hợp tác giúp đỡ nhau phát triển - Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực - Xu thế xuất hiện các tổ chức khu vực trên thế giới như EU * Sự thành lập: - 8- 8- 1967, Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia 5 nước: Ấn Độ, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin * Mục tiêu: Hợp tác giữa các nước thành viên nhằm phát triển kinh tế, văn hoá trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực * Những thành tựu chính: - 1967- 1975: Còn non trẻ, chưa có vị trí trên trường quốc tế - 2/1976, kí hiệp ước thân thiện và hợp tác ở ĐNA (Hiệp ước Bali), nhằm xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước. - Giải quyết vấn đề CPC bằng các giải pháp chính trị, nhờ đó quan hệ giữa 3 nước ĐĐ và Ase an được cải thiện 11- 2007 các nước

	thành viên đã ký bản hiến chương ASEAN nhằm xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh
*Hoạt động 2: cá nhân GV sử dụng kiến thức liên môn: dung lược đồ các nước Đông Nam Á để giới thiệu vài nét về khu vực, tập trung vào Ấn Độ: GV: Hãy cho biết nét chung về: Ấn Độ HS: Tổng DT: 3.287.590 km², DT đất: 2.973.190 km²; DS: 1.065.070.607 (2004). Cộng hòa Ấn Độ: ở Nam Á sau đó nêu câu hỏi: <i>Những sự kiện nào chứng tỏ phong trào đấu tranh ở Ấn Độ phát triển mạnh mẽ?</i> HS trả lời, GV chốt ý GV: <i>Trước sự lớn mạnh của phong trào thực dân Anh đã đối phó như thế nào?</i> HS dựa vào SGK trả lời, GV giải thích thêm về hậu quả của “phương án Maobátton” và nêu vấn đề: <i>Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ đã kết thúc chưa? Tại sao?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV kết luận và chuyển ý sang phần 2 GV: <i>Những thành tựu của Ấn Độ trong công cuộc xây dựng đất nước?</i> -HS: - Về kinh tế - Về KHKT, văn hoá, giáo dục Giải thích từ: Trung lập tích cực GV: <i>Em có nhận xét gì về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, CS đó có tác động như thế nào đối với TG và KV ASEAN?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV kết luận kết thúc bài	II. Ấn Độ: 1. Cuộc đấu tranh giành độc lập - Sau 1945, phong trào đòi ĐLDT phát triển mạnh mẽ - Thực dân Anh phải nhượng bộ, chia Ấn Độ thành hai quốc gia dựa trên cơ sở tôn giáo + Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo + Pakixtan của người theo Hồi giáo Hai nước này được hưởng quy chế tự trị - Đảng Quốc đại lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh... - 26/1/1950 Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà 2. Công cuộc xây dựng đất nước Trong thời kỳ xây dựng đất nước Ấn Độ đạt được nhiều thành tựu - Kinh tế: + Nông nghiệp: Tiến hành cách mạng xanh trong nông nghiệp, tự túc được lương thực; 1995 xuất khẩu gạo đứng thứ ba trên thế giới + Công nghiệp: Đứng thứ 10 trên thế giới... - KHKT, văn hoá, giáo dục: Có những bước tiến nhanh chóng + Công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ + 1974, thử thành công bom nguyên tử + 1975, phóng thành công vệ tinh nhân tạo

	- Đối ngoại: Hoà bình, trung lập; tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai?
- Thông qua việc tìm hiểu về các chiến lược phát triển kinh tế cùng những thành tựu mà các nước Đông Nam Á đạt được, em có nhận xét gì về quá trình xây dựng và phát triển của các nước này?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Hoàn chỉnh bảng thống kê về các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào(1945-1975) và cách mạng Campuchia (1945- 1993)
- Suru tầm tài liệu về tổ chức ASEAN và mối quan hệ giữa Việt Nam – ASEAN.
- Tìm hiểu nét chính PTĐTGPĐT và thành tựu XD đất nước của Ấn Độ sau khi giành độc lập.
- Tìm hiểu các tác phẩm văn học nói về mối quan hệ VN với các nước ĐNÁ, Ấn Độ.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Lập niên biểu quá trình phát triển của ASEAN.
- Chuẩn bị bài mới: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MỸ LA TINH
- +Tìm hiểu về cách mạng Cuba và lãnh tụ Phiden Catxtorô.
- +Tìm hiểu về chế độ phân biệt chủng tộc (APACTHAI).

TÊN BÀI DẠY: Bài 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MỸ LA TINH

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: Giúp học sinh thấy được:

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân châu Phi và khu vực Mỹ La Tinh diễn ra sôi nổi, các nước lần lượt giành và bảo vệ được nền độc lập của mình.

2.Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng đánh giá những sự kiện tiêu biểu , khái quát, tổng hợp vấn đề.

3.Thái độ:

- Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết quốc tế, ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi và khu vực Mỹ la tinh .
- Chia sẻ với những khó khăn mà nhân dân hai khu vực này đang phải đối mặt.

4. Năng lực hướng tới: Giúp HS thấy được ngoài châu Á, hai Khu vực châu Phi, Mỹ la tinh PTĐTGP dân tộc vẫn phát triển mạnh mẽ và đã tự giải phóng, đẩy CNTD, CNĐQ vào giai đoạn sụp đổ hàng loạt.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ châu Phi và khu vực Mĩ la Tinh sau CTTGII.
- Một số tư liệu, tranh ảnh về hai châu lục này.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và chuẩn bị bài ở nhà.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH BÀI HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 2 bức ảnh: Kim tự tháp (Ai Cập); Hình ảnh nhà lãnh đạo kiệt xuất Phidencaxtorô đến thăm VN.

Sau đó hỏi HS: em biết gì về 2 bức tranh đó? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:* HS trả lời các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân châu Phi và Mĩ La tinh bùng nổ và đã giành được thắng lợi;

tình hình kinh tế - xã hội ở đây cũng từng bước thay đổi nhưng còn không ít khó khăn và thách thức. Chúng ta sẽ tìm hiểu những vấn đề nêu trên trong bài 5.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân Sử dụng kiến thức liên môn: GV treo lược đồ châu Phi sau CTTGII lên bảng sau đó khái quát vài nét về châu Phi: HS: 54 quốc gia. DT: 30.3 triệu km²; DS: 800 triệu người (2000). sau đó đặt câu hỏi: <i>Tại sao sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào GPDĐ ở châu phi phát triển mạnh?</i> HS: Đọc tìm hiểu SGK, trả lời. GV củng cố ngắn gọn. - <i>Trình bày các giai đoạn chủ yếu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi?</i>	I. Các nước Châu Phi. 1. Vài nét về quá trình đấu tranh giành độc lập. Sau CTTGII phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi phát triển mạnh. - Những năm 50, PT diễn ra mạnh mẽ ở Bắc Phi tiêu biểu là Ai Cập (1952-1953), Li bi...sau đó lan sang các khu vực khác... - Năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi”. 17 nước giành được độc lập - Năm 1975 cách mạng Môđambích và Ănggôla thắng lợi → Đánh dấu sự sụp đổ

HS: Đọc tìm hiểu SGK ,trả lời. GV củng cố ngắn gọn. Ai Cập(1953), Libi(1952), Angiêri(1962), Tuynidi, Maroc, Xuđăng(1956),Gana (1957),Ghinê(1958) <i>GV: Vì sao năm 1960 gọi là năm châu Phi?</i> GV: giải thích thêm theo tài liệu tham khảo ở SGK(năm 1960 có 17 nước giành được độc lập. Cuối 1960 ở châu đã có 27 quốc gia độc lập, chiếm 1/2 diện tích và 3/4 dân số châu lục...) GV:Giải thích khái niệm Apacthai và đặt câu hỏi: <i>Vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được xếp vào phần DTGPDT?</i> (chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là một hình thái của chủ nghĩa thực dân...)	căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi. - Từ sau 1975: hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ. + 1980, Cuộc đấu tranh chống PBCT của nhân dân Rôđêdia và Tây Nam Phi giành thắng lợi và nước cộng hoà ra đời ở Dimbabuê +1990, Namibia tuyên bố độc lập +1993,Ở Nam Phi, cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc(Apacthai) giành thắng lợi, nước cộng hoà Nam phi được thành lập, 4/1994, bầu cử đa chủng tộc Nenxonmandê la làm tổng thống. => Thắng lợi LS, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của CNTD 2. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội (ko dạy)
*Hoạt động 2: Hoạt động cá nhân GV: Treo lược đồ khu vực Mĩ La Tinh lên bảng, khái quát vài nét về khu vực này: 33 quốc gia. DT: 20.5 triệu km²; DS: 517 triệu người (2000)...., sau đó nêu câu hỏi: <i>Tình hình khu vực MLT có gì khác so với châu Á và châu Phi sau CTTG2?</i> + Thời gian giành độc lập? + Tình hình đất nước sau khi giành độc lập? HS trả lời, GV chốt ý và hỏi tiếp: <i>Tiêu biểu cho PTGPDT ở khu vực Mĩ La Tinh là nước nào?</i> GV: Củng cố, bổ sung thêm, tạo biểu tượng về Phiđen Catxtorô.	II.Các nước Mĩ La Tinh. 1.Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập. - Đầu TK XIX, giành độc lập từ T.Dân TBN, BDN nhưng lại bị lệ thuộc vào Mĩ. - Sau CT cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển, tiêu biểu cho PTGPDT ở khu vực này là CM Cu Ba đã lật đổ chế độ độc tài Batixta, thành lập nước cộng hoà Cu Ba 1/1/1959 - Do ảnh hưởng của CM Cu ba, từ thập kỷ 60- 70, phong trào ngày càng phát triển và giành nhiều thắng lợi: Vênêxuêla, Goatêmalat, Pê ru, Nicanagoa, Chilê..

GV: Phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực này có những đặc điểm gì? - GV: gợi ý về hình thức ? GV: củng cố ngắn gọn, lấy dẫn chứng từ SGK.	- Hình thức đấu tranh khá phong phú: Bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, đấu tranh nghị trường, khởi nghĩa vũ trang. - Kết quả là chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các CP dân tộc dân chủ được thành lập. 2. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội (ko dạy)
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu nét chính phong trào GPDT ở Châu Phi, Mĩ La tinh.
- Điểm giống, khác nhau cơ bản giữa phong trào GPDT ở 2 khu vực này?
- Vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được xếp vào phần ĐTGPD?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Liên hệ GPDT ở Châu Phi, Mĩ La tinh với Việt Nam?
- (GV có thể gợi ý: Kháng chiến chống Pháp: là chống CNTD cũ; Kháng chiến chống Mĩ: là chống CNTD mới. có thể giải thích thêm thế nào là CNTD cũ, mới để HS dễ liên hệ).
- Hãy chỉ ra nét nổi bật của GPDT ở Châu Phi, Mĩ La tinh?
 - Tìm hiểu:
 - + Về hoạt động hữu nghị của lãnh tụ Phidencaxtorô đối với CMVN và lãnh tụ Hồ Chí Minh.
 - + Câu nói nổi tiếng của chủ tịch Phidencaxtorô đối với CMVN.
 - + Mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam - Cu Ba.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 6. Nước Mĩ
- Tìm hiểu các nội dung về nước Mĩ:
 - + Diện tích, dân số, tổng số bang, đặc khu kinh tế, con người lãnh thổ, sự kiện 11/9/2001.
 - + Mối quan hệ với Việt Nam: 1945-1994; 1995-nay.
 - + Chính đối ngoại của Mĩ hiện nay.

TÊN BÀI DẠY: Chương IV. MĨ - TÂY ÂU - NHẬT BẢN (1945 - 2000)

Bài 6. NƯỚC MĨ

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 112A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm được quá trình phát triển của nước Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 2000).

- Nhận thức được vị trí, vai trò hàng đầu của Mỹ trong đời sống quốc tế.
- Hiểu được những thành tựu cơ bản của Mỹ trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, thể thao, văn hoá,...

2.Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp để hiểu được thực chất của các vấn đề hoặc sự kiện.

3.Thái độ: Tự hào về thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trước một đế quốc Mỹ hùng mạnh.

4. Năng lực hướng tới:

- Nhận thức khách quan và toàn diện hơn về nước Mỹ và con người Mỹ.
- Ý thức hơn về trách nhiệm của tuổi trẻ ngày nay đối với công cuộc hiện đại hoá đất nước đứng trước một nước như Mỹ.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ nước Mỹ và bản đồ thế giới.
- Tài liệu về nước Mỹ có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh:

Tìm hiểu SGK, lưu ý về những thành tựu của Mỹ từ 1945 đến nay

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1.Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim hoặc 1 hình ảnh về “sự kiện 11/9/2001”.



Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim (hình ảnh) trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:* Dự kiến HS trả lời: vụ khủng bố 2 tòa tháp đôi của Mỹ ở Newyor (2 tòa tháp đôi là trung tâm thương mại thế giới đã từng là một biểu tượng của nước Mỹ...), các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới:

Sau chiến tranh thế giới thứ II, một nước tư bản đã vươn lên địa vị cường quốc số một thế giới, rất giàu có, đầy quyền lực và tham vọng, luôn theo đuổi mưu đồ bá chủ thế

giới - đó chính là nước Mỹ . Để hiểu thêm về nước Mỹ, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài 6...

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân <i>Vận dụng kiến thức liên môn</i> GV: Treo lược đồ khu vực Mĩ La Tinh lên bảng, khái quát vài nét về nước Mĩ (hoặc mời HS trả lời: Hợp chúng quốc Mĩ (Hoa kì). Tổng DT: 9.631.418 km², DT đất: 9.161.923 km²; DS: 293.027.571 (2004). GV: <i>chia lớp thành 4 nhóm.với thời gian 5 phút thứ tự các nhóm:</i> <i>Nhóm 1: Tìm hiểu về tình hình kinh tế Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> <i>Nhóm 2: Tìm hiểu về nguyên nhân của những thành tựu kinh tế Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu về tình hình KHKT của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> <i>Nhóm 4: Tìm hiểu về CS đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> Mời các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. Sau đó GV bổ sung và chốt. Chuyển sang giai đoạn từ 1973 đến 1991 <i>Nhóm 1:</i> - Sau khi HS trả lời, GV yêu cầu HS nhận xét về sự phát triển của kinh tế Mỹ - GV nhận xét - kết luận: Kinh tế Mỹ phát triển ở mọi lĩnh vực, Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất TG Nhóm 2: HS + Nguyên nhân khách quan? + Nguyên nhân chủ quan? (Buôn bán vũ khí thu 114 tỉ USD lợi nhuận chiếm hơn 50% tổng lợi nhuận)	I. Nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973. 1. Về kinh tế: - Sau chiến tranh thế giới thứ II , kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ. + Sản lượng công nghiệp chiếm hơn 1/2 sản lượng công nghiệp toàn TG + 1949: Sản lượng nông nghiệp bằng 2 lần sản lượng của các nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại. + Nắm trên 50% tàu bè đi lại trên biển. + Chiếm 3/4 dự trữ vàng của thế giới. + Kinh tế Mỹ chiếm tới gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới. => Mỹ trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới. * Nguyên nhân của sự phát triển: + Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhân công dồi dào... + Mỹ lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi từ buôn bán vũ khí. + Ứng dụng thành tựu KHKT hiện đại vào sản xuất tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm,... + Tập trung sản xuất và tư bản cao... + Do chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước.

Giáo viên kết luận: Sau chiến tranh, Mỹ hội tụ đủ mọi thuận lợi để phát triển kinh tế. Nhóm 3: - GV yêu cầu học sinh theo dõi SGK và nêu câu hỏi: <i>Mỹ đạt được những thành tựu khoa học- kỹ thuật gì? Nó có tác dụng như thế nào đến nước Mỹ?</i> HS: (kinh tế, xã hội,...) * GV kết luận và liên hệ (hiện nay Mỹ có những cửa hàng ăn miễn phí cho những người thất nghiệp) Nhóm 4: <i>CS đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> HS: <i>Mục tiêu của chiến lược toàn cầu?</i> GV hỏi thêm: <i>Trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu, Mỹ đã vấp phải khó khăn, thất bại gì?</i> - HS: Trả lời câu hỏi, nêu ví dụ để chứng minh. - Giáo viên chốt ý chuyển mục.	2. Về khoa học kỹ thuật: - Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng KH-KT lần thứ 2 và đạt được nhiều thành tựu lớn. - Đi đầu trong các lĩnh vực: Chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chinh phục vũ trụ và đi đầu cuộc "CM xanh" trong nông nghiệp. => Kinh tế phát triển nhanh, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân 3. Về chính trị - xã hội (ko dạy) 4. Chính sách đối ngoại: - Thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm bá chủ TG * Mục tiêu: + Ngăn chặn đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt CNXH. + Đàn áp phong trào GPDT, PTCN và cộng sản quốc tế; phong trào hoà bình, dân chủ thế giới + Không chế, chi phối các nước đồng minh. - Mỹ đã vấp phải nhiều khó khăn, thất bại: Các phong trào đấu tranh ở ngay trong nước Mỹ, nặng nề nhất là thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược VN
*Hoạt động 2: Hoạt động cá nhân - GV: Cho biết tình hình kinh tế Mỹ từ 1973- 1991? - Chính sách đối ngoại của Mỹ thời kỳ này có gì thay đổi? Tại sao? - HS trả lời, GV bổ sung và chốt ý. Nếu có thời gian GV có thể mở rộng về chính sách đối ngoại của Mỹ.	II. Nước Mỹ từ 1973 đến 1991 1. Kinh tế: - 1973 - 1982: Kinh tế khủng hoảng suy thoái. - Từ 1983 kinh tế bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại song không bằng trước 2. Đối ngoại: Có nhiều thay đổi - Sau thất bại Việt Nam vẫn tiếp tục chiến lược toàn cầu, đối đầu với LX. - 12- 1989 Mỹ - Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh, mở đầu thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế III. Nước Mỹ từ 1991 - 2000:

GV: Em biết gì về nước Mỹ trong giai đoạn này với 2 nhiệm kỳ của Tổng thống B.Clinton (1993 – 2001?) - Về kinh tế? - Về khoa học - kỹ thuật? - Về đối ngoại? - Quan hệ Việt- Mỹ? - Nhận xét về chiến lược “Cam kết và mở rộng” ? - Tháng 2- 1994 B.Clinton tuyên bố bãi bỏ cấm vận buôn bán với VN và đề nghị hai nước trao đổi cơ quan đại diện - Tháng 11- 2000 B.Clinton đến Hà Nội, đây là chuyến thăm VN đầu tiên của tổng thống Mỹ	1. Kinh tế: - Tuy có khó khăn nhưng kinh tế vẫn đứng đầu thế giới 2. Khoa học - kỹ thuật: Tiếp tục phát triển (chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế toàn thế giới). 3. Đối ngoại: - Thập kỷ 90, B. Clinton đưa ra chiến lược “Cam kết và mở rộng” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác - Sau khi trật tự hai cực Ianta tan rã, Mỹ tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới, thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” nhưng còn gặp nhiều khó khăn - Tháng 7- 1995 bình thường hoá quan hệ ngoại giao với VN
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu nét nổi bật về kinh tế Mỹ sau CTTG2, đặc biệt là giai đoạn 1945-1973.
- Chính sách đối ngoại của Mỹ sau CTTG2? Chú ý chiến lược toàn cầu: mục tiêu và giải pháp.
- Vì sao trước CTTG2 KHKT là ở Tây Âu, nhưng sau CTTG 2 KHKT là ở nước Mỹ?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ sau CTTG2?
- Vì sao sau CTTG 2 Mỹ đề ra chiến lược toàn cầu? chiến lược toàn cầu có ảnh hưởng đến VN như thế nào?
- Vì sao tháng 7- 1995, Mỹ thực hiện bình thường hoá quan hệ ngoại giao với VN? VN có cơ hội và thách thức gì qua sự kiện này?
- Tìm hiểu:
 - +Mối quan hệ VN-Mỹ từ 1995-nay.
 - +Từ 1995-nay, có những tổng thống nào đến thăm VN?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 7. Tây Âu
 - Tìm hiểu các nội dung về Tây Âu
- :
- + Diện tích, dân số, tổng số bang, đặc khu kinh tế, con người lãnh thổ
 - + Mối quan hệ với Việt Nam- Tây Âu, Liên minh châu Âu (EU).

TÊN BÀI DẠY: Chương IV. MỸ - TÂY ÂU - NHẬT BẢN (1945 - 2000)

Bài 7. TÂY ÂU

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh hiểu và trình bày được tình hình phát triển về kinh tế, đối ngoại, của các nước Tây Âu từ 1945- 2000, liên minh châu Âu (EU) từ 1957-2000.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhất là kỹ năng tư duy có tính khái quát xem xét các vấn đề của khu vực.

3. Thái độ: Hiểu rõ mối quan hệ Âu - Á trong lịch sử (Từng là những nước thực dân và những nước thuộc địa) và trong hiện nay (đối tác cùng phát triển).

4. Năng lực hướng tới: Hiểu được Tây Âu là KV kinh tế quan trọng với Liên minh Châu Âu (EU) là điểm đến quan trọng của VN trong tương lai: Hội nhập phát triển kinh tế, giáo dục, chuyển giao công nghệ...

II- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ thế giới "Chiến tranh lạnh" hoặc bản đồ Châu Âu.
- Hệ thống câu hỏi, bài tập - Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Hoàn thành bài tập trong tiết 8 mà giáo viên đã đưa ra.

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. **Mục đích:** giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. **Phương Pháp:** GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim hoặc 1 hình ảnh về “ Liên Xô tiến vào Beclin (Đức) tiêu diệt CNPX”. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim (hình ảnh) trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. **Dự kiến sản phẩm:** Dự kiến HS trả lời: cuộc tiến công giải phóng Béc lin của Hồng quân Liên Xô trong chiến tranh TG thứ 2/1945...), các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới:

Sau CTTG II dù không được như Mỹ, nhưng các nước Tây Âu đã có những bước tiến dài trong sự phát triển kinh tế, vươn lên trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - Tài chính lớn của thế giới, đồng thời có sự thay đổi lớn trong đường lối đối ngoại theo những

hướng khác nhau ? Để hiểu được những nét chính ấy của Tây Âu trong giai đoạn 1945-1973, chúng ta cùng tìm hiểu bài 7 - Tây Âu.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cả lớp và cá nhân - Yêu cầu 1 học sinh quan sát bản đồ, chỉ rõ vị trí các nước Tây Âu. Phân biệt 2 thuật ngữ "Đông Âu và "Tây Âu" -GV: Treo bản đồ châu Âu: chỉ các nước TA: CHLB Đức(Tây Đức), Anh, Pháp, Italia, Hà Lan, Phần Lan.... Cả lớp theo dõi, nhận xét - Giáo viên chốt lại GV: <i>Trình bày khái quát về tình hình kinh tế ở Tây Âu sau CTTG2 (1945-1950) ?</i> (Huy động nội lực trong nước đồng thời dựa vào viện trợ của Mỹ qua "kế hoạch MácSan") -GV: <i>Thực chất của " Kế hoạch MácSan" mà Mỹ tiến hành là gì ?</i> Cả lớp theo dõi, suy nghĩ trả lời- giáo viên bổ sung kết luận (thực hiện chiến lược toàn cầu...). chuyển mục -GV:<i>Trong giai đoạn 1945-1950 các nước Tây Âu đã thi hành đường lối đối ngoại ra sao ? Phân tích vì sao Tây Âu lại theo đuổi đường lối đối ngoại ấy ?</i> - GV: Vì sau CTTG 2 - Tây Âu suy yếu, phải nhận viện trợ của Mỹ -HS:- Các nước Tây Âu lo ngại ảnh hưởng to lớn của Liên Xô và các nước DCND Đông Âu đối với tình hình trong nước nên đã dựa vào thế lực của Mỹ. - Liên hệ quá trình Pháp quay trở lại tái chiếm Đông Dương, Anh xâm chiếm Miến Điện, Mã Lai... -GV: <i>Em hãy cho biết kết quả chung về kinh tế, đối ngoại của Tây Âu từ 1945-1950 ?</i>	I. Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1950 1. Kinh tế: - Bị chiến tranh tàn phá nặng nề - Dựa vào viện trợ của Mỹ qua "kế hoạch MácSan" - 1950 kinh tế cơ bản được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh. 2. Chính trị - xã hội (ko dạy) 3. Đối ngoại: - Ngày càng lệ thuộc vào Mỹ, liên minh chặt chẽ với Mỹ - Tìm cách tái chiếm các thuộc địa cũ => Từ 1945- 1950 các nước Tây Âu cơ bản đã ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối XHCN.

- HS trả lời, GV bổ sung, kết luận. Chuyển mục	
* Hoạt động 2: Cá nhân -GV: So với giai đoạn 1945-1950 thì giai đoạn 1950 - 1973 nền kinh tế Tây Âu có những bước phát triển như thế nào ? HS: xem SGK trả lời. GV bổ sung kết luận - Đức đứng thứ 3, Anh thứ 4, Pháp thứ 5 trong thế giới tư bản. - Tây Âu đuổi kịp, vượt Mỹ về vàng, dự trữ ngoại tệ, thị trường tiêu thụ.... - Trở thành đối thủ cạnh tranh khốc liệt với Mỹ như: chiến tranh vàng (1964-1965) chiến tranh trứng, sữa (1965)... -GV: Dựa vào SGK phân tích những yếu tố dẫn đến sự phát triển của kinh tế Tây Âu ? Đặc biệt giáo viên phân tích về tác dụng của KTKT, chính sách mở cửa ra thị trường thế giới.... -GV trình bày tình hình chính trị của Tây Âu từ sau 1950 và nêu câu hỏi: <i>Hãy cho biết chính sách đối ngoại của Tây Âu từ 1950 trở đi và nguyên nhân của nó?</i> - Anh theo đuôi Mỹ như "Hình với bóng" - CHLB Đức gia nhập khối NATO, là lực lượng xung kích của Mỹ chống Liên Xô, Đông Âu ... -Pháp rút khỏi bộ chỉ huy NATO, chống lại việc trang bị vũ khí hạt nhân cho quân đội CHLB Đức. Cùng với Thụy Điển, Phần Lan... đấu tranh đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược VN, mở rộng quan hệ với các nước thuộc địa cũ, Đông Âu, SNG... <i>Nguyên nhân:</i> - Vì kinh tế của một số nước có sự phát triển, thoát dần khỏi sự lệ thuộc Mỹ. - Xu thế toàn cầu hóa tác động.	II. Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973. 1. Kinh tế: - Phát triển nhanh - Đầu thập kỉ 70, Tây Âu trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới * Nguyên nhân phát triển + Nhờ áp dụng thành tựu của cách mạng KH-KT + Vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước có hiệu quả. + Tận dụng tốt các cơ hội có lợi bên ngoài 2. Chính trị (ko dạy) 3. Đối ngoại: - Một số nước như: Anh, Đức, Italia tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ - Tuy nhiên một số nước đã đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, dần dần khẳng định được ý thức độc lập, thoát khỏi sự lệ thuộc Mỹ (Pháp, Thụy Điển, Phần Lan..).

* Hoạt động 3: Cả lớp -GV: <i>Em hãy cho biết nét chính sự phát triển kinh tế của Tây Âu?</i> HS: Dựa vào SGK trả lời - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý (Năm 1992, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Pháp là 2,2 %; 1991, Anh là – 1,8% Năm 1983 số người thất nghiệp ở Italia là 2,5 triệu, chiếm 10 % lực lượng lao động; 1989, ở Tây Đức là 3 triệu người) (Anh: Người giàu chiếm chưa đầy 1% dân số nhưng nắm 50% số tư bản Đức: Người giàu chiếm 1,7 % dân số nhưng nắm 70% tư liệu sản xuất -GV: <i>Qua các sự kiện trên, hãy cho biết xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế giai đoạn này?</i> - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý (Năm 2000, mức tăng trưởng kinh tế Pháp và Anh là 3,8 %; Đức: 2,9 %; Italia: 3,0 %) -GV giải thích một số vấn đề về chính sách đối ngoại của Tây Âu cho HS hiểu - HS: lắng nghe và ghi nhớ -GV: Chính sách đối ngoại của Tây Âu thời kì này có những nét mới gì? - HS nghiên cứu SGK trả lời, GV bổ sung khắc sâu chốt và chuyển mục	III. Tây Âu từ năm 1973 – 1991 1. Kinh tế: - 1973 khủng hoảng dầu mỏ → Tây Âu lâm vào suy thoái, khủng hoảng - Kinh tế gặp nhiều khó khăn: Lạm phát, thất nghiệp, cạnh tranh ... 2. Chính trị - xã hội (ko dạy) 3. Đối ngoại: - 1975, các nước Tây Âu tham gia Định ước Henxinki về an ninh và hợp .tác châu Âu. - 1989, chiến tranh lạnh kết thúc - Tháng 10- 1990, nước Đức tái thống nhất. → Xu thế hoà hoãn, giảm bớt sự căng thẳng trong quan hệ giữa các nước TBCN và XHCN ngày càng phát triển. IV. Tây Âu từ năm 1991 – 2000: 1. Kinh tế: - Phục hồi và phát triển trở lại. - Giữa thập niên 90, chỉ riêng 15 nước EU đã có tổng sản phẩm quốc dân chiếm 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới. => Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới 2. Chính trị - Xã hội: (ko dạy) 3. Đối ngoại: - Có nhiều thay đổi tích cực(trừ Anh). - Một số nước Châu Âu trở thành đối trọng với Mỹ (VD: Pháp, Đức). - Mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới.
---	--

*Hoạt động 4: nhóm GV: chia lớp thành 3 nhóm.với thời gian 5 phút thứ tự các nhóm: Nhóm 1: Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của LM châu Âu. Nhóm 2: Tìm hiểu về mục tiêu của LM châu Âu. Nhóm 3: Tìm hiểu về quan hệ ngoại giao Việt Nam – EU.: GV bổ sung thêm một số kiến thức... (Năm 2004, EU kết nạp thêm 10 nước → 25 nước. Năm 2007, thêm 2 nước → 27 nước) Sự kiện: nước Anh năm: 2016 trưng cầu dân ý rút khỏi LM châu Âu (EU); TL: Rời EU: 51.89%, ở lại: 48.11%. GV: Chốt -Như vậy, đến cuối thập kỉ 90, EU trở thành tổ chức liên kết KT- CT lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới. GV: có thể bổ sung những mặt hàng VN là thế mạnh ở thị trường EU: hàng dệt may, tôm đông lạnh, trái cây...	V. Liên minh châu Âu(EU): 1.Quá trình hình thành và phát triển: - 1951: Sáu nước Tây Âu: Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lucsambua thành lập “Cộng đồng than-thép châu Âu” - 1957: Ký hiệp ước Rôma → Thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” - 1- 7- 1967, ba tổ chức này hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời - 1- 1- 1993: đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU). Nam 2007: 27 nước. 2. Mục tiêu: - Hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực: kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, và an ninh chung → tiến tới xây dựng một châu Âu không biên giới. - Tổ chức KV lớn nhất hành tinh chiếm ¼ GDP thế giới - 6/1979: Bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên. - 1- 1- 1999: phát hành đồng tiền chung châu Âu (EURO). - 1- 1- 2002: Đồng EURO chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU. => Mở ra cơ hội phát triển mới cho các thành viên của EU. 3.Cơ cấu tổ chức: Gồm 5 cơ quan chính(SGK) 4.Quan hệ ngoại giao Việt Nam – EU: - 1990, quan hệ Việt Nam – EU chính thức được thiết lập -> thúc đẩy quan hệ hợp tác cùng phát triển.
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu nét nổi bật về kinh tế Tây Âu sau CTTG2, Kế hoạch Mácsan có ý nghĩa như thế nào đến sự phục hồi Tây Âu sau CTTG2?

- Chính sách đối ngoại của Tây Âu sau CTTG2? Chú ý khối quân sự Nato (Liên minh quân sự của Mỹ-Tây Âu).

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao kinh tế Tây Âu phát triển mạnh mẽ từ sau CTTG2?
- Vì sao đến cuối thập kỉ 90, EU trở thành tổ chức liên kết KT- CT lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới.
- Vì sao nói: Tây Âu là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới nửa sau thế kỷ XX ?
- Tìm hiểu:
 - +Mối quan hệ VN-EU từ 1990-nay.
 - +Từ 1990-nay, có những nhà lãnh đạo cấp cao nào đã đến thăm VN?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 8. Nhật Bản
- Tìm hiểu các nội dung về Nhật Bản
- : + Diện tích, dân số, tổng số bang, đặc khu kinh tế, con người lãnh thổ
- + Mối quan hệ với Việt Nam- Nhật Bản

TÊN BÀI DẠY: Bài 8: NHẬT BẢN

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:** Giúp học sinh:

- Nhận thức được quá trình phát triển của Nhật Bản từ sau CTTG thứ hai.
- Trình bày được vai trò kinh tế quan trọng của Nhật Bản(là một trung tâm kinh tế- tài chính, khoa học- kỹ thuật) trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á
- Lý giải được sự phát triển “thần kỳ” của Nhật Bản

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, nhất là đi sâu tìm hiểu thực chất của một số vấn đề quan trọng

3.Thái độ:

- Cảm phục ý chí và nghị lực của người dân Nhật Bản trong công cuộc tái thiết đất nước, XD và phát triển kinh tế...

4. Năng lực hướng tới:

- Làm cho HS thấy được quan hệ giữa nước ta với Nhật Bản đã bước sang một thời kỳ mới với những tầm cao mới. Ngày nay Nhật Bản đã trở thành một đối tác chiến lược trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của nước ta.

II- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bản đồ nước Nhật hoặc bản đồ châu Á

- Tranh, ảnh, tài liệu có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, tranh ảnh những thành tựu kinh tế của Nhật....

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kĩ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kĩ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim hoặc 1 hình ảnh về việc: Mỹ thả bom nguyên tử xuống NB tháng 8/1945. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim (hình ảnh) trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:* Dự kiến HS trả lời: bom hạt nhân do Mỹ thả xuống NB 8/1945..., các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới:

Ngoài hai trung tâm của CNTB là Mỹ và Tây Âu. Ở châu Á có một nước được xếp vào một trong ba trung tâm kinh tế thế giới, đó là nước nào? Nước đó đã tiến những bước “thần kỳ” và trở thành một siêu cường kinh tế ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 8: Nhật Bản

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cá nhân - GV sử dụng bản đồ giới thiệu đôi nét về đất nước và con người Nhật Bản, sau đó đặt câu hỏi: <i>Em hãy cho biết Nhật Bản bước ra khỏi CTTG thứ hai trong tình trạng như thế nào?</i> - HS dựa vào SGK trả lời, GV nhận xét, bổ sung và so sánh với nước Mỹ - GV tiếp tục cung cấp kiến thức: Sau chiến tranh, tuy chính phủ Nhật vẫn được phép tồn tại và hoạt động, nhưng mọi hoạt động của chính phủ Nhật đều nằm dưới sự chỉ huy và giám sát của lực lượng Đồng minh. Từ 1945- 1952 Nhật Bản đã tiến hành một loạt cải cách nhằm khôi phục và phát triển đất nước. -GV: <i>qua những cải cách trên NB có bước phục hồi kinh tế như thế nào?</i>	I.Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1952 1. Hoàn cảnh lịch sử - Là nước bại trận, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh + Khoảng 3 triệu người chết và mất tích + Cơ sở vật chất bị phá huỷ trầm trọng + Thảm họa thất nghiệp, đói rét đe dọa... - Bị quân đội Mỹ chiếm đóng 2.Công cuộc phục hồi đất nước * Chính trị (Ko dạy)

-HS: nghiên cứu SGK trả lời. GV bổ sung kết luận. -GV: trên cơ sở đó, CS đối ngoại của Nhật có điểm gì mới so với trước CT? -HS: nghiên cứu SGK trả lời. GV bổ sung kết luận. Chuyển mục GV: <i>Những cải cách kinh tế của Nhật sau chiến tranh và kết quả?</i> HS trả lời, GV bổ sung và nêu vấn đề: <i>Em có nhận xét gì về các chính sách và biện pháp, kinh tế của Mỹ đối với Nhật?</i> HS: suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, chốt: Nhìn chung là tích cực, khoan hồng. Mỹ không trực trị mà thông qua chính quyền Nhật Bản, đã thực hiện một loạt cải cách chính trị, kinh tế có lợi cho Nhật, tạo nên một luồng không khí mới trong xã hội Nhật Bản - GV: <i>Chính sách đối ngoại của Nhật và biểu hiện của chính sách đó?</i> HS: nghiên cứu SGK trả lời. GV bổ sung kết luận. - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận và chuyển ý: Sau khi phục hồi được nền kinh tế, từ 1952 Nhật Bản bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt, nhất là từ 1952- 1973	* Kinh tế: - Thực hiện ba cuộc cải cách dân chủ + Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế: Giải tán các “Daibatxu” + Cải cách ruộng đất + Dân chủ hoá lao động - Từ 1950- 1951, kinh tế Nhật được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh 3. Chính sách đối ngoại: - Liên minh chặt chẽ với Mỹ - 1951, ký hiệp ước hoà bình Xanphranxixcô và hiệp ước an ninh Mỹ- Nhật → Nhật đứng dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mỹ
*Hoạt động 2: tập thể, cá nhân GV yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi: <i>Những biểu hiện của sự phát triển kinh tế Nhật Bản?</i> HS trả lời, GV bổ sung một vài số liệu - Tổng thu nhập quốc dân	II. Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973 * Kinh tế: Phát triển nhanh → “thần kỳ” - Từ 1960- 1969, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 10,8 %

+ 1950 đạt 20 tỉ USD, bằng 1/17 Mỹ + 1968 đạt 183 tỉ USD, bằng 1/4 Mỹ - Từ 1950- 1971, xuất khẩu tăng 30 lần, nhập khẩu tăng 21 lần - Từ 1950- 1960 tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân hàng năm của Nhật gấp 6 lần của Mỹ GV dẫn dắt: Từ trong hoang tàn đổ nát sau chiến tranh, chỉ sau vài ba thập kỷ, Nhật đã vươn lên thành một siêu cường kinh tế. Vậy: <i>Những nhân tố nào thúc đẩy kinh tế Nhật phát triển như vậy?</i> - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận GV: <i>Hạn chế của nền kinh tế Nhật Bản?</i> - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận GV: <i>Cho biết biện pháp và xu hướng phát triển KH- KT Nhật Bản?</i> - HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, kết luận GV khai thác hình 21 SGK và nhận xét về sự phát triển KH-KT Nhật Bản GV khái quát ngắn gọn chính sách đối ngoại của Nhật. chuyển mục	- Từ 1970- 1973 tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 7,8 % - Năm 1968, Nhật vươn lên đứng thứ hai thế giới TBCN (sau Mỹ) - Đầu những năm 70, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới * Nguyên nhân phát triển: - Chú trọng con người → nhân tố quyết định - Vai trò lãnh đạo, quản lý của nhà nước... - Sự năng động, nhạy bén của giới kinh doanh - Ứng dụng thành tựu KH- KT vào sản xuất - Chi phí quốc phòng thấp 1% GDP - Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài * Hạn chế: - Thiếu nguyên, nhiên liệu → Nhập khẩu - Sự mất cân đối trong nền kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp - Sự cạnh tranh của Mỹ, Tây Âu và các nước NICs * Khoa học- kỹ thuật: - Nhật rất coi trọng giáo dục và KH- KT - Đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua các bằng phát minh, sáng chế - Đi sâu vào lĩnh vực công nghiệp dân dụng * Chính trị- xã hội: (Ko dạy) * CS đối ngoại: - Tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ - 1956, bình thường hoá Q/h với Liên Xô và gia nhập LHQ.
*Hoạt động 3: Cá nhân GV: <i>Tình hình phát triển kinh tế của Nhật giai đoạn 1973- 1991?</i>	III. Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 1991 * Kinh tế:

- HS trả lời, GV bổ sung, kết luận - Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần Tây Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới GV: <i>Chính sách đối ngoại của Nhật từ sau 1973 có điểm gì mới?</i> HS trả lời, GV giới thiệu thêm về học thuyết Phucuda, kaipu. GV chốt kết thúc bài	- Từ 1973, tiếp tục tăng trưởng nhưng xen kẽ suy thoái - Nửa sau những năm 80, trở thành siêu cường tài chính số một thế giới * Đối ngoại: - Tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ - Tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN - 21- 9- 1973, thiết lập quan hệ ngoại giao với VN IV. Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2000 * Kinh tế: - Suy thoái, nhưng vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn của TG * Chính trị: (Ko dạy) * Đối ngoại: Coi trọng quan hệ với phương Tây, mở rộng quan hệ trên phạm vi toàn cầu, chú trọng các nước Đông Nam Á
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nguyên nhân phát triển kinh tế Nhật Bản? VN có thể học hỏi những gì từ Nhật Bản?

- Khái quát chính sách đối ngoại của Nhật trong thời kỳ chiến tranh lạnh?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao kinh tế NB phát triển mạnh mẽ từ sau CTTG2?

- Vì sao gọi là “thần kì” NB?

- Vì sao nói: NB là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới nửa sau thế kỷ XX ?

- Mối quan hệ VN-NB từ 1973-nay.

- Từ 1973-nay, có những nhà lãnh đạo cấp cao nào đã đến thăm VN?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ và lập bảng thống kê về tình hình KT, đối ngoại của Nhật Bản trong các giai đoạn: 1945 – 1952; 1952 – 1973; 1973 – 1991; 1991 – 2000?

Thời gian	1945 – 1952	1952 - 1973	1973 – 1991	1991 - 2000
Kinh tế				
Đối ngoại				

-Chuẩn bị bài mới Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh.

Trả lời các câu hỏi:

- + Hãy cho biết hững biểu hiện của chiến tranh lạnh?
- + Hãy cho biết trương giai đoạn chiến tranh lạnh diễn ra, có những cuộc CT cục bộ nào, những cuộc chiến tranh đó chịu sự tác động của hai phe như ra sao?

TÊN BÀI DẠY: Chương V: QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945- 2000)

Bài 9.

QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nét chính của quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai
- Nguồn gốc của mâu thuẫn Đông- Tây và biểu hiện của sự đối đầu Đông- Tây

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, khái quát, tổng hợp

3. Thái độ: Phản đối mâu thuẫn giữa 2 phe, hai khối, phản đối CS của Mĩ tại VN từ 1954-1975.

4. Hoạt động hướng tới:

- Nhận thức rõ: Mặc dù hoà bình thế giới vẫn duy trì nhưng trong tình trạng chiến tranh lạnh
- Dân tộc Việt Nam đã đóng góp phần to lớn vào mục tiêu của nhân dân thế giới, đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

II- CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1.Chuẩn bị của giáo viên: Bản đồ thế giới, tư liệu về các cuộc chiến tranh, các xung đột,...do tác động của sự đối đầu Đông - Tây.

2.Chuẩn bị của học sinh: Đọc trước bài mới, chuẩn bị phần bài tập giáo viên cho trước.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim vĩ tuyến 38 tại Triều Tiên. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

-Dự kiến HS trả lời: khu vực phi quân sự ở Triều Tiên-Hàn quốc vĩ tuyến 38. các em khác bổ sung.

- GV: hỏi thêm: Việc Triều Tiên bị chia thành 2 nước...nói lên điều gì về quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô?

Dự kiến HS trả lời: ... Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô -Mỹ GV bổ sung chốt và nhắc lại CS đối ngoại của Xô-Mỹ... và giới thiệu vào bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cục diện thế giới lâm vào tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. Chiến tranh lạnh trở thành nhân tố chủ yếu chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỷ nữa sau thế kỷ XX. Để hiểu rõ quan hệ quốc tế trong và sau thời kỳ chiến tranh lạnh diễn biến như thế nào, chúng ta tìm hiểu chương V.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cá nhân - GV: Giải thích “Quan hệ quốc tế” Treo bản đồ Quan hệ quốc tế -GV: Cho HS nhắc lại khái niệm Đông Âu -Tây Âu ? -GV: Nhận xét - Sử dụng bản đồ thế giới chỉ rõ hai khối. -GV: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ quốc tế có gì thay đổi? -HS: trả lời câu hỏi -GV: giải thích ,bổ sung Từ Mỹ- Liên Xô,mở rộng => mâu thuẫn Đông -Tây. -GV: +Mâu thuẫn Đông - Tây bắt nguồn từ đâu? +Mục tiêu của Liên Xô -Mỹ có gì khác nhau ? -HS: trả lời câu hỏi -GV:nhận xét, bổ sung	I. Mâu thuẫn Đông - Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh. -Sau chiến tranh thế giới thứ hai, từ liên minh chống phát xít, Mỹ- Liên Xô nhanh chóng chuyển sang đối đầu => mâu thuẫn Đông -Tây. Do: - Sự lớn mạnh của Liên Xô và các nước XHCN. - Mỹ có tham vọng và mưu đồ bá chủ thế giới. => Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô -Mỹ, dẫn đến chiến tranh lạnh.
* Hoạt động 2: Cá nhân, cả lớp -GV: Để vươn lên bá chủ toàn cầu Mỹ có những hoạt động gì?	* Biểu hiện của chiến tranh lạnh: - Để chống lại Liên Xô và các nước XHCN Mỹ đã tiến hành :

- Để đối phó với Mỹ, Liên Xô đã làm gì? -HS: trả lời, GV bổ sung, chốt -Giáo viên nói thêm về hai tổ chức của Liên Xô -GV: Với những hoạt động của Mỹ và Liên Xô đã dẫn đến quan hệ quốc tế như thế nào? HS: Trả lời câu hỏi , GV bổ sung kết luận.	+1947 đề ra học thuyết Truman ->khởi đầu chính sách chống Liên Xô và chiến tranh lạnh. + 1947 thực hiện” kế hoạch Macsan” viện trợ cho Tây Âu, tạo liên minh quân sự đồng minh của Mỹ. +1949 thành lập khối NATO -> liên minh quân sự lớn nhất do Mỹ cầm đầu. - Để đối phó với Mỹ, Liên Xô đã: + 1- 1949 thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế + 5- 1955 thành lập Hiệp ước Vásva. => Cục diện thế giới " hai cực", hai phe đã được xác lập rõ ràng. Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới -> tạo nên sự đối lập về kinh tế, chính trị, quân sự ... giữa hai phe TBCN - XHCN
Phần II. Không dạy	II. Sự đối đầu Đông - Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ.

*Hoạt động 3: Cá nhân Giáo viên giới thiệu về sự thay đổi trong quan hệ quốc tế vào đầu những năm 70, sau đó đặt câu hỏi: <i>Sự thay đổi này bắt nguồn từ đâu? biểu hiện của sự thay đổi đó?</i> HS trả lời, GV nhận xét và phân tích thêm - Tại sao quan hệ giữa hai nước Đức thay đổi sẽ tác động đến quan hệ quốc tế? - Nước Đức vốn được coi là tâm điểm của mâu thuẫn Đông- Tây, sự cải thiện quan hệ giữa hai nước Đức sẽ làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng - Việc 33 nước châu Âu ký Định ước Henxinki chứng tỏ hai phe đang xoa mờ	III. Xu thế hoà hoãn Đông- Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt - Đầu những năm 70 xu hướng hoà hoãn Đông-Tây đã xuất hiện * Biểu hiện: - 9- 11- 1972, Đông Đức và Tây Đức đã ký Hiệp định về những cơ sở của quan hệ hai nước (Hiệp định Bon) 1972, Liên Xô và Mỹ đã ký Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược(ABM) và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược(SALT-1) - Tháng 8- 1975, 33 nước châu Âu cùng Mỹ, Canada ký Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu
--	--

dần ranh giới phân chia và từng bước hợp tác với nhau GV: Vì sao Xô- Mỹ chấm dứt chiến tranh lạnh? HS: Suy nghĩ trả lời GV: Bổ sung, chốt, chuyển mục.	- Đầu những năm 70, hai siêu cường Xô- Mỹ đã tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao - Tháng 12- 1989, Mỹ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh * Nguyên nhân chấm dứt chiến tranh lạnh: - Chiến tranh lạnh làm suy giảm “thế mạnh” của Liên Xô và Mỹ - Sự cạnh tranh của Nhật Bản và Tây Âu - Liên Xô ngày càng lâm vào trì trệ, khủng hoảng...
*Hoạt động 4: Cá nhân GV: <i>Những biến động của thế giới sau chiến tranh lạnh ?Hệ quả của nó?</i> HS trả lời, GV nhận xét và phân tích thêm	IV. Thế giới sau chiến tranh lạnh - 1989- 1991 chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ - 6- 1991, SEV tuyên bố giải thể - 7- 1991, tổ chức Hiệp ước Vacsava ngừng hoạt động →Hệ thống XHCN thế giới không còn tồn tại, trật tự hai cực Ianta tan rã, Mỹ là cực duy nhất còn lại
Hoạt động 5: Cá nhân GV: <i>Sau chiến tranh lạnh, thế giới phát triển theo xu hướng nào?</i> HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung và chốt ý - Xung đột ở Catxmia(Ấn Độ), Palextin- Itxraen, Irắc - Từ 1945- nay, thế giới có khoảng 150- 160 cuộc chiến tranh, làm chết khoảng 7,2 triệu người, tương đương với số người chết trong CTTG thứ nhất *Hoạt động : Nhóm Chia lớp thành 4 nhóm và thảo luận vấn đề sau: <i>Tình hình thế giới sang thế kỷ XXI và những thời cơ, thách thức của các quốc gia, dân tộc trong thế giới ngày nay?</i> HS thảo luận, cử đại diện trình bày; GV nhận xét , bổ sung, kết luận	* Xu thế phát triển của thế giới - Trật tự thế giới đang hình thành theo xu hướng “đa cực” - Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế để xây dựng sức mạnh của quốc gia - Mỹ ra sức thiết lập trật tự “một cực” để làm bá chủ thế giới nhưng khó thực hiện - Hoà bình thế giới được củng cố; tuy nhiên nội chiến, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi * Sang thế kỷ XXI, xu thế chính là hoà bình, hợp tác - 11- 9 – 2001, nước Mỹ bị tấn công →Tác động mạnh đến tình hình chính trị và quan hệ quốc tế →Các quốc gia- dân tộc đứng trước thời cơ và thách thức mới: chủ nghĩa khủng bố, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ.

3. Hoạt động luyện tập:

- Thế nào là chiến tranh lạnh? biểu hiện của chiến tranh lạnh?
- Vì sao từ sau CTTG2, xô-Mĩ mâu thuẫn gây gắt?
- Vì sao chiến tranh lạnh chấm dứt? Biểu hiện TG sau chiến tranh lạnh.
- Những biểu hiện về xu thế phát triển của thế giới ngày nay?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Việt Nam có chịu tác động của chiến tranh lạnh không? Vì sao?
- Trong các xu thế phát triển của thế giới ngày nay VN chịu tác động từ những yếu tố nào? Hãy phân tích một số điểm để thấy được vai trò của Đảng ta trong xu hướng Hội nhập quốc tế.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Đọc trước bài 10, tìm hiểu về một số thành tựu khoa học- công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hóa.

TÊN BÀI DẠY: Chương VI. CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 10: CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỶ XX

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Hiểu và trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, những thành tựu chủ yếu và tác động của CMKHCN thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai.
- Như một hệ quả tất yếu của CMKHCN, xu thế toàn cầu hoá đã diễn ra mạnh mẽ trong những năm cuối thế kỷ XX.

2. Kỹ năng: Rèn luyện phương pháp tư duy phân tích, so sánh và liên hệ thực tế

3. Thái độ: Thấy được ý chí vươn lên không ngừng và sự phát triển không có giới hạn của trí tuệ con người đã làm nên bao thành tích kỳ diệu, những tiến bộ phi thường. Tất cả nhằm phục vụ cuộc sống ngày càng cao của con người

4. Năng lực hướng tới: Thấy được trách nhiệm của tuổi trẻ VN ngày nay trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, tranh ảnh, tư liệu về thành tựu của CMKHCN

2. Chuẩn bị của học sinh: Tìm hiểu về một số thành tựu CMKHCN hiện đại .

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim nước ta phóng vệ tinh VINASAT. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

-Dự kiến HS trả lời: phóng vệ tinh.... các em khác bổ sung.

GV bổ sung đây là một thành tựu của CMKHCN của VN ...nói riêng thế giới nói chung:

Trong những năm gần đây, chúng ta được chứng kiến rất nhiều thành tựu về khoa học- công nghệ thế giới, chúng ta thật sự cảm phục trước những sáng tạo phi thường mà con người đã tạo ra. Để thấy được trong hơn nửa thế kỷ qua, con người đã làm được những điều kỳ diệu gì, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: nhóm GV giới thiệu về cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học- kỹ thuật mà loài người đã trải qua Lần 1 TK 18, sau đó GV tổ chức hoạt động nhóm: chi lớp thành 4 nhóm với 4 câu hỏi tương ứng thực hiện trong thời gian 3 phút, sau đó cử đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung. Cụ thể như sau: Nhóm1: <i>Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay nguồn gốc từ đâu?cho Ví dụ?</i> Nhóm 2: <i>Trình bày về đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần hai ?cho Ví dụ? liên hệ với cuộc CMC nghiệp thế kỉ 18.</i> Nhóm 3: trình bày 2 giai đoạn phát triển của cách mạng khoa học- kỹ thuật lần hai. Giải thích rõ khái niệm “công nghệ” Nhóm 3:	I.Cuộc cách mạng khoa học- công nghệ 1. Nguồn gốc và đặc điểm * Nguồn gốc: Xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người * Đặc điểm: - Đặc điểm lớn nhất là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học gắn liền với kỹ thuật, mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học - Tốc độ phát triển nhanh, quy mô rộng lớn, đạt thành tựu kỳ diệu - Nghiên cứu khoa học → Hiệu quả kinh tế cao

GV: Với những thành tựu kỳ diệu nêu trên, theo em cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần hai có tác động gì đến đời sống con người? - GV: bổ sung, lấy ví dụ minh họa ... - GV nhận xét, chốt.	* Các giai đoạn phát triển: 2gđ - Từ những năm 40 - nửa đầu những năm 70: Diễn ra trên cả lĩnh vực khoa học và kỹ thuật - Từ 1973 - nay: Chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực công nghệ 2.Những thành tựu tiêu biểu: (Đọc SGK)
*Hoạt động 2: Cá nhân, tập thể GV giới thiệu về xu thế toàn cầu hoá và đặt câu hỏi: <i>Em hiểu thế nào là toàn cầu hoá? Những biểu hiện của nó?</i> HS trả lời, bổ sung, lấy ví dụ minh họa ... GV nhận xét.	II. Xu thế toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó: - Từ đầu những năm 80, nhất là từ sau chiến tranh lạnh, xu thế toàn cầu hoá xuất hiện - <i>Toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới</i> * Biểu hiện: - Sự phát triển nhanh chóng của thương mại quốc tế - Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia - Sự sát nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn - Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực
*Hoạt động 3: Cá nhân GV: <i>Toàn cầu hoá đã tác động như thế nào đối với các quốc gia, dân tộc?</i> HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung, lấy ví dụ minh họa. Cho HS liên hệ bản thân...	* Tác động: - Tích cực: + Mang lại sự tăng trưởng kinh tế cao + Góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế → Cải cách để tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả nền kinh tế - Tiêu cực: + Gia tăng sự bất công xã hội và khoảng cách giàu- nghèo + Làm cho mọi hoạt động và đời sống con người kém an toàn hơn

	+ Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và xâm phạm độc lập chủ quyền quốc gia → Toàn cầu hoá là xu thế tất yếu, nó vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với mỗi quốc gia, dân tộc
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Trình bày: nguồn gốc, đặc điểm, thời gian bùng nổ, tác động của CMKHHCN.
- Trình bày khái niệm, biểu hiện, tác động của toàn cầu. Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế không thể đảo ngược.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Việt Nam có chịu tác động của CMKHKT và xu thế toàn cầu hóa không? Giải thích tại sao?
- Vì sao nói: Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển?
- Vì sao Đảng, chính phủ ta kiên quyết thực hiện CS mở cửa; công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước? Em hãy nhận xét về tình hình nước ta hiện nay.
- Là một HS em phải làm gì để góp phần trong công cuộc XD đất nước hiện nay.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Chuẩn bị bài mới

BÀI 11: TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000,

TÊN BÀI DẠY: BÀI 11: TỔNG KẾT

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

A.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- củng cố kiến thức đã học từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000
- Nhận rõ mốc phân kì hai giai đoạn trong lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 và những nội dung chủ yếu trong mỗi giai đoạn.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phương pháp tư duy logic, phân tích, tổng hợp khái quát các sự kiện, các vấn đề liên quan diễn ra trên thế giới.

3. Thái độ:

Giáo dục ý thức bảo vệ hoà bình, ổn định. hợp tác phát triển thế giới.

4. Năng lực hướng tới: HS thấy được sau chiến tranh thế giới 2, có những thay đổi đáng kể: về QHQT, CMKH-CN, ...có nhận thức đúng đắn trong công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc hiện nay.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1.Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, tranh ảnh,tư liệu về thành tựu của CMKH-CN

2.Chuẩn bị của học sinh: Tìm hiểu về một số thành tựu CMKH-CN hiện đại .

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV đặt câu hỏi tái hiện: Theo em LSTG 1945-2000 có những nội dung nào cần quan tâm ? HS suy nghĩ trả lời...Một số nội dung...

c. Dự kiến sản phẩm:

-Dự kiến HS trả lời: thế giới chia thành 2 phe TBCN, XHCN..., PTĐTGPĐ tộc phát triển mạnh mẽ...; GV cho các HS khác bổ sung sau đó GV bổ sung

Chiến tranh thế giới thế hai kết thúc đã mở ra một giai đoạn mới của Lịch sử thế giới hiện đại. Chúng ta biết rằng trong lịch sử thế giới, hiếm có giai đoạn nào như giai đoạn nửa sau thế kỉ XX mà loài người đã trải qua. Chỉ trong vòng nửa thế kỉ, tình hình thế giới đã thật sôi động với bao diễn biến dồn dập, đem lại những thay đổi to lớn và cả những đảo lộn đầy bất ngờ. Vậy để hiểu rõ hơn những vấn đề đó hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài 11...

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
- GV giới thiệu: LSTGHD từ 1945-2000, do đã kéo dài thêm về thời gian, có nhiều vấn đề, sự kiện hơn nên có thể chia thành 2 giai đoạn (1945-1991; 1991-2000).	

* Hoạt động 1: cá nhân, nhóm - GV: <i>Hãy kể tên những bài đã học trong phần lịch sử thế giới 1945-2000? Nội dung đề cập đến những vấn đề gì?</i> - HS dựa vào SGK và phần chuẩn bị bài để trả lời. - GV nhận xét, chốt ý: + Những bài đã học.... + Các vấn đề.... - GV: <i>Trật tự thế giới mới được hình thành như thế nào? Đặc trưng và tác động của trật tự thế giới mới?</i> - HS trả lời, GV nhận xét, chốt ý. - GV chia lớp thành 4 nhóm, nêu yêu cầu cho mỗi nhóm: Nhóm 1: <i>Tình hình các nước XHCN (1945-1991 và PTĐTGPĐT từ 1945-2000? Nhận xét?</i> Nhóm 2: <i>Nêu những chuyển biến của hệ thống CNDQ từ nửa sau TK 20? Nhận xét?</i> Nhóm 3: <i>Nêu những nét nổi bật trong quan hệ quốc tế từ 1945-2000? nhận xét?</i> Nhóm 4: <i>Nêu những nét nổi bật quan hệ quốc tế nửa sau TK 20; CMKH-KT; CN; xu thế toàn cầu hóa.</i> - HS làm việc theo nhóm, đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. - GV nhận xét từng nhóm, đánh giá phần thảo luận, dùng bản đồ thế giới để minh họa, chốt ý đồng thời bổ sung để giúp học sinh nhận thức đúng về: Sau khi HS trình bày xong GV có thể chốt 1 số vấn đề:	I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945. 1. Trật tự thế giới mới - Được xác lập đặc trưng nổi bật là chia thành 2 phe TBCN > XHCN, do 2 siêu cường Xô, Mĩ đứng đầu mỗi phe. → Là nhân tố hàng đầu chi phối nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế. 2. CNXH - Thắng lợi của CMDTDC ở Đông Âu và châu Á CNXH từ phạm vi 1 nước trở thành hệ thống thế giới. - Trong nhiều thập kỉ hệ thống XHCN chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao KHKT thế giới. 3. Cao trào GPĐT: - Dấy lên mạnh mẽ ở Á, Phi, MLT. - Hệ thống thuộc địa của CNDQ sụp đổ. Hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời -> đóng v.trò quang trọng trong sự P.triển KT,CT của TG... 4. Nửa sau TK XX, hệ thống ĐQCN có những chuyển biến quan trọng: - Mỹ vươn lên trở thành 1 nước TBCN mạnh nhất, ráo riết thực hiện CLTC nhằm thống trị thế giới. - Nhờ sự có những điều chỉnh kịp thời, nền kinh tế các nước tư bản có sự tăng trưởng liên tục đưa đến những biến đổi về chất trong cơ cấu cũng như xu hướng P. triển. - Xu hướng liên kết kinh tế khu vực của các nước TBCN p. triển tiêu biểu là LMC.Âu (EU)
---	---

+ Vai trò của LX trong thời kỳ chiến tranh lạnh (trụ cột phe XHCN, cường quốc thứ 2TG sau Mỹ, thành trì của hòa bình thế giới) + Sự sụp đổ của LX, Đông Âu mới chỉ là sự sụp đổ của 1 mô hình CNXH chưa khoa học...tương lai của loài người vẫn là sự hướng đến CNXH. + Thắng lợi của phong trào GPDT đã làm cho bản đồ chính trị của thế giới có những thay đổi to lớn, sâu sắc. Các quốc gia sau khi giành được độc lập ngày càng tích cực tham gia và có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị. + Mặc dù CNTB hiện nay đang có tiềm lực kinh tế, đời sống con người được nâng cao, văn minh hiện đại nhưng <u>không sao giải quyết được</u> những mâu thuẫn nội tại thuộc về bản chất (bóc lột, bất công, tệ nạn...). CNTB không phải là mô hình vĩnh cửu mà loài người mong đợi. - Liên hệ trách nhiệm thế hệ trẻ VN đối với sự phát triển KH-KT nước nhà.	- Mỹ, EU và Nhật trở thành 3 trung tâm KT-TC lớn của thế giới. 5. Nửa sau TK XX, quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng hơn bao giờ hết - Sự đối đầu giữa 2 phe trong tình trạng chiến tranh lạnh kéo dài (1947-1989) - Tuy nhiên, phần lớn các q.gia trên TG vẫn tồn tại hòa bình vừa đấu tranh hợp tác. - Chiến tranh lạnh chấm dứt: TG chuyển dần sang xu thế đối thoại hợp tác phát triển. 6. Từ những năm 40 TK XX Cuộc cách mạng KH-KT, từ đầu những năm 70 được gọi là CMKH-CN; xu thế toàn cầu hóa. - Khởi đầu ở Mỹ và lan nhanh khắp thế giới. - Đạt nhiều thành tựu, những hệ quả vô cùng to lớn - Đặt ra nhiều vấn đề mới cho các quốc gia: nhân lực, bảo vệ môi trường, công bằng xã hội...
* Hoạt động 2: cả lớp - GV: <i>Sau khi trật tự 2 cực Ianta sụp đổ, 1 trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành. Theo em trật tự đó sẽ diễn ra như thế nào?</i> - HS trả lời. - GV: <i>Điểm nổi bật của quan hệ quốc tế giai đoạn này là gì?</i> Gợi mở: + Xu hướng chung mà các quốc gia trên thế giới lựa chọn là gì? + Quan hệ giữa các nước lớn ra sao? + Ngược lại với xu thế chung của nhân loại là hòa bình ổn định, hợp tác phát triển là những hiện tượng gì? Biểu hiện ở những khu vực nào?	II. XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH. - Từ 1991, trật tự 2 cực Ianta sụp đổ, 1 trật tự thế giới mới (đa cực) đang dần dần hình thành với sự xuất hiện nhiều hiện tượng và xu thế mới. + Các quốc gia, <u>điều chỉnh chiến lược phát triển</u>, lấy kinh tế làm trọng điểm + Các nước lớn <u>điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp</u>, tránh xung đột trực tiếp.

+ Dưới tác động của CMKHKT, xu thế toàn cầu hóa đã đặt ra cho mỗi dân tộc và toàn thể loài người những vấn đề gì? - HS theo gợi ý của GV để trả lời, GV tổng kết và liên hệ VN (đường lối đổi mới 12/1986).	+ Ở nhiều nơi, <u>nội chiến, xung đột, khủng bố</u> vẫn diễn ra <u>gây nhiều tai hại</u>, báo hiệu nguy cơ mới với thế giới. + <u>Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ</u> có ảnh hưởng to lớn đến nhiều quốc gia, dân tộc, đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn.
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nhắc lại những nội dung chính của 2 giai đoạn
- Yêu cầu HS giải thích mốc phân kỳ (1991)
- củng cố nhận thức về vai trò của LX; hiểu đúng về sự sụp đổ của XHCN ở LX-Đông Âu cũng như sự phồn thịnh hiện nay của CNTB; liên hệ VN.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Ôn tập Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết. Hình thức: kiểm tra trắc nghiệm.
- + Toàn bộ chương trình LSTG đã học
- + Trọng tâm: Những nội dung cơ bản đã hướng dẫn trong từng bài, tiết

TÊN BÀI DẠY:

PHẦN HAI

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 12. Phong trào dân tộc dân chủ 1919 - 1925

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Làm cho HS hiểu được tình hình thế giới sau chiến tranh thế giới thứ nhất, chương trình khai thác lần II của Pháp, tác động của nó đến kinh tế, xã hội Việt Nam.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kĩ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử trong bối cảnh cụ thể của đất nước và thế giới

3. Thái độ: Bồi dưỡng ý thức phản kháng dân tộc trước sự thống trị của đế quốc, lòng cảm thông đối với NDLD

4. Năng lực hướng tới:

Hiểu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai đối với kinh tế, xã hội Việt Nam từ đó rút ra được mâu thuẫn cơ bản nhất của XHVN lúc bấy giờ là gì?

II- PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Lược đồ khai thác lần 2 của Pháp.

2. Chuẩn bị của học sinh: Suu tầm ca dao, tục ngữ về thân phận của người nông dân, công nhân VN thời kì này.

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 số hình ảnh về khai thác thuộc địa. Sau đó hỏi HS Theo em LSTG 1945-2000 có những nội dung nào cần quan tâm ? HS suy nghĩ trả lời...Một số nội dung...

c. Dự kiến sản phẩm:

HS trả lời về CS khai thác thuộc địa của TD Pháp sau CTTG thứ nhất sau đó GV bổ sung và giới thiệu vào bài mới

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp tiến hành chương trình khai thác lần II ở Việt Nam với quy mô rộng lớn, trước chính sách khai thác đó đã làm chuyển biến sâu sắc XH Việt Nam, các giai tầng mới ra đời bổ sung lực lượng cho CM VN...

Tiết 15

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cả lớp GV giải thích khái niệm phong trào dân tộc dân chủ... PTDTDC có bước tiến mới so với thời kì trước. Sở dĩ như vậy là do sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước. Vì vậy, trước hết chúng ta tìm hiểu phần I	

GV: <i>Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp diễn ra khi nào? Đặc điểm?</i> - Tiền vốn: + Lần 1: 1888-1820: 500 triệu phrăng vàng + Lần 2: 1924-1929: 3 đến 4 tỉ phrăng vàng. HS trả lời, GV chốt lại GV: <i>Vậy cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp diễn ra trong hoàn cảnh nào?</i> HS trả lời, GV bổ sung, phân tích thêm - Hơn 1,4 triệu người chết - Mất gần 200 tỉ phrăng - Công, nông nghiệp đều sa sút, đồng phrăng mất giá... GV: <i>Xuất phát từ bối cảnh lịch sử nêu trên, em hãy cho biết cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp nhằm mục đích gì?</i> HS: Suy nghĩ trả lời GV: Bổ sung, chốt ý: GV: <i>Nhằm mục đích khai thác nêu trên, chương trình khai thác thuộc địa lần hai bao gồm những nội dung gì?</i> HS: Suy nghĩ trả lời GV sử dụng lược đồ khai thác lần 2 của Pháp hướng dẫn học sinh tìm hiểu về nội dung CTKTTĐ lần II của Pháp. <i>*PV: Mục đích phát triển GTVT của Pháp là gì?</i> HS: Suy nghĩ trả lời: (Phục vụ cho việc khai thác và quân sự) GV: Hướng dẫn HS tìm hiểu một số thuế vô lí... GV: <i>Em có nhận xét gì về chính sách khai thác thuộc địa lần hai của Pháp?</i>	I. Những chuyển biến mới về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất . 1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. a. Hoàn cảnh lịch sử: - Một trật tự thế giới mới ra đời, có lợi cho Pháp - Pháp chịu hậu quả nặng nề từ chiến tranh thế giới thứ nhất. - 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Quốc tế Cộng sản ra đời, có tác động mạnh đến CMVN → Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần hai (1919- 1929). b. Mục đích: - Bù đắp thiệt hại do chiến tranh gây ra. - Khôi phục địa vị của Pháp trong thế giới TBCN c. Nội dung : - Vốn đầu tư tăng nhanh: Từ 1924 đến 1929 vốn đầu tư tăng 4 tỉ phrăng. - Nông nghiệp: chủ yếu là trồng cao su. (tăng về diện tích và mở nhiều công ti mới) - Công nghiệp: chú trọng khai thác mỏ than..., ngoài ra đầu tư khai thác kẽm, thiết sắt... mở mang các ngành CN chế biến. - Thương nghiệp: có bước phát triển mới. - Ngân hàng Đông Dương nắm toàn quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương... phát hành giấy bạc. - GTVT phát triển, các đô thị được mở rộng, dân cư đông hơn - Tăng thuế, đặt thêm nhiều thứ thuế mới
---	--

GV: <i>Hãy cho biết những tác động của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp đối với nền kinh tế Việt Nam?</i> - Tác động tích cực ? - Tác động tiêu cực ?	* Tác động: -<i>Tích cực:</i> Kinh tế nước ta có bước phát triển mới: kĩ thuật , nhân lực và đầu tư. -<i>Tiêu cực:</i> K.tế P.triển ko cân đối, bản chất của nền kinh tế vẫn không thay đổi, vẫn là nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu và bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp.
Mục 2: GV hướng dẫn HS đọc thêm *Hoạt động 2: cá nhân, nhóm HS: Suy nghĩ trả lời, GV bổ sung ,chốt ý -HD nhóm: <i>*Nhóm 1: Tìm hiểu về sự tác động của CSKT thuộc địa dẫn đến sự phân hóa của gi/c Địa chủ phong kiến.</i> <i>*Nhóm 2: Tìm hiểu về sự tác động của CSKT thuộc địa dẫn đến phân hóa của gi/c nông dân.</i> <i>*Nhóm 3: Tìm hiểu về tác động của CSKT thuộc địa dẫn đến sự phân hóa của gi/c tiểu tư sản, tư sản.</i> <i>*Nhóm 4: Tìm hiểu về sự tác động của CSKT thuộc địa dẫn đến phân hóa của gi/c công nhân.</i> Các nhóm tiến hành thảo luận trong 4 phút sau đó cử đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, GV bổ sung chốt . -GV: Gọi ý HS nêu một số câu ca dao, tục ngữ nói về thân phận công nhân, nông dân.	2. Các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp. 3. Những chuyển biến mới giai cấp xã hội ở Việt Nam. a. Kinh tế: Chuyển lên mục 1 b. Xã hội : tiếp tục phân hóa - Địa chủ phong kiến: Chỗ dựa của Pháp, cấu kết với Pháp để bóc lột nhân dân; địa chủ nhỏ, vừa có lòng yêu nước, tham gia CM khi có điều kiện. - Nông dân: bị bản cùng hóa => là lực lượng hăng hái, đông đảo nhất của CM. - Tiểu tư sản: Phát triển nhanh, gồm có học sinh, sinh viên, công chức...=> là lực lượng hăng hái trong CMDTDC. - Giai cấp tư sản: Số lượng ít, thế lực yếu...phân hóa thành: + TS mại bản : Cấu kết với đế quốc + Tư sản dân tộc: Có tinh thần CM nhưng không kiên định. - Giai cấp công nhân: + Ngày càng phát triển từ 1924 đến năm 1929 lên 22 vạn người. + Bị nhiều tầng áp bức, bóc lột...có quan hệ gần gũi với nông dân. + Kế thừa truyền thống yêu nước đấu tranh bất khuất của dân tộc. + Sớm chịu ảnh hưởng trào lưu cách mạng vô sản thế giới nên nhanh chóng vươn lên trở thành 1 động lực của phong trào dân tộc dân

Riêng giai cấp công nhân. GV có thể nhấn mạnh đưa ra đặc điểm. -GV: Từ đặc điểm công nhân VN, liên hệ đặc điểm công nhân quốc tế, từ đó liên hệ vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp này. *HD cá nhân: -GV: <i>Sự phân hóa XH VN lúc bấy giờ, chứng tỏ XH ta tồn tại nhiều mâu thuẫn...trong đó mâu thuẫn cơ bản nhất là gì?</i> -HS trả lời theo gợi ý của GV -GV:Nhận xét, bổ sung, phân tích, chốt ý. Mục: II, 1 hướng dẫn HS đọc thêm.	chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại. =>XH VN tồn tại nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn chủ yếu là giữa dân tộc VN với ĐQ Pháp và bọn phản động và tay sai. II.Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919-1925. 1.Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài
--	---

Tiết 16

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân GV yêu cầu HS đọc SGK và đặt câu hỏi: <i>Cho biết những phong trào đấu tranh tiêu biểu của giai cấp tư sản?</i> HS :trình bày GV: nhận xét, chốt ý GV: <i>Em hãy nhận xét về phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc ?</i> - Mục tiêu đấu tranh? - Đặc điểm phong trào? GV: Trình bày thân phận của TTS trong xã hội thuộc địa và các phong trào đấu tranh của họ, sau đó đặt câu hỏi: <i>Em có nhận xét gì về phong trào</i>	II. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919-1925. 1. 2. Hoạt động của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam *Hoạt động của tư sản dân tộc: - Phong trào chấn hưng hàng nội, bài trừ hàng ngoại - 1923 đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu gạo ở Nam Kỳ - 1923 một số tư sản và địa chủ Nam Kỳ thành lập Đảng Lập Hiến - Báo chí bênh vực quyền lợi của GCTS *Hoạt động của tiểu tư sản: - Bao gồm học sinh, sinh viên, viên chức trí thức ,nhà báo ...

<i>đấu tranh của TTS: Hình thức, Mục tiêu? Ý nghĩa?</i> HS trả lời GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận	- Thành lập các tổ chức chính trị: Việt Nam nghĩa đoàn, Phục Việt, Đảng Thanh niên - Hoạt động sôi nổi, hình thức phong phú : Mít tinh, biểu tình, bãi khoá, xuất bản sách báo ... - Phong trào đòi thả Phan Bội Châu (1925) và để tang Phan Châu Trinh (1926) - Đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ → Thể hiện tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, góp phần truyền bá tư tưởng tiến bộ và cách mạng vào trong nước
*Hoạt động 2: Cả lớp, cá nhân -GV: yêu cầu HS đọc SGK tìm hiểu phong trào đấu tranh của công nhân trong giai đoạn(1919-1925), sau đó phát vấn: <i>Tại sao cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son là mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân ?</i> -HS trả lời, GV phân tích , làm rõ mục tiêu, tính chất...của cuộc đấu tranh -GV: <i>Em có nhận xét gì về phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919 - 1925?(Mục tiêu, hình thức, lực lượng)</i> -HS trả lời, GV nhận xét, kết luận.	*Đấu tranh của công nhân: - Phong trào còn lẻ tẻ, tự phát - 1920: Công nhân Sài Gòn- Chợ Lớn lập Công hội(bí mật) - 8- 1925: Công nhân xưởng đóng tàu Ba son bãi công →Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân bước đầu từ tự phát sang tự giác. *Kết luận: Phong trào dân tộc dân chủ trong giai đoạn này (1919- 1925) đã có bước phát triển mới về mục tiêu ,hình thức ,lực lượng tham gia.
Tiết 17 *Hoạt động 1: Nhóm Trước khi vào HĐ nhóm GV: tóm tắt tiểu sử của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và giới thiệu con đường tìm đường con đường cứu nước của người từ 1911 đến 1917 và hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu hoạt động yêu nước của Người từ 1917 đến 1924. GV Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận với thời gian 4 phút. <i>Nhóm 1: Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917-1919.</i>	II. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919-1925. 1. 2 3. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Ngày 5 - 6- 1911 Nguyễn Tất Thành đi tìm đường cứu nước

<i>Nhóm 2: Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc năm 1920.</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc năm 1921-1922.</i> <i>Nhóm 4: Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1923-1924.</i> Cử đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. - Giáo viên chốt ý: nhóm 2. sự kiện 7/1920, Đánh dấu 1 bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Người : tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc - Tích hợp tư tưởng HCM: Giáo viên minh họa đoạn trích trong hồi ký của Người khi đọc luận cương của Lênin: “ Luận cương của LN làm tôi tin tưởng biết bao, tôi vui mừng đến phát khóc...” GV mở rộng: <i>Nét độc đáo trong con đường tìm chân lý của Nguyễn Ái Quốc? Con đường này có gì khác so với các bậc tiền bối?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV phân tích thêm	- Cuối 1917 Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp - Năm 1919 Người gia nhập Đảng Xã Hội Pháp - 18- 6- 1919 Người gửi bản yêu sách đến hội nghị Vecxai - 7 - 1920 Nguyễn Ái Quốc đọc luận cương về vấn đề dân tộc thuộc địa của V.I Lênin → Tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc * Ý nghĩa: + <i>Đánh dấu bước nhảy vọt trong tư tưởng chính trị: Từ chủ nghĩa yêu nước → chủ nghĩa Mác- Lênin, theo con đường CMVS</i> + <i>Mở đường giải quyết khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc VN</i> - 12 - 1920 Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội Tua. Người đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. - 1921 Sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari. Xuất bản báo người cùng khổ, viết bài cho báo Nhân đạo, đặc biệt viết Bản án chế độ thực dân Pháp. - 6- 1923 Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô dự hội nghị quốc tế nông dân, viết bài cho báo sự thật, nhân đạo, tạp chí thư tín Quốc tế... - 1924 dự Đại hội V Quốc tế cộng sản.
*Hoạt động 2: Nhóm(Theo bàn) - Giáo viên: <i>Trong thời gian từ 1921-1924, Nguyễn Ái Quốc viết rất nhiều sách báo gửi về nước, những hoạt động này có tác dụng như thế nào đối với CMVN?</i> - Học sinh thảo luận, cử đại diện trả lời	→ Những quan điểm cách mạng của Nguyễn Ái Quốc gửi về nước đã giác ngộ những người VN yêu nước, kích thích phong trào cách mạng phát triển, nhanh chóng chuyển sang xu thế mới: Xu thế CMVS (Là bước chuẩn bị quan trọng về chính trị- tư tưởng cho việc thành lập chính Đảng vô sản) - 11 - 11 - 1924 Người về đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp tuyên truyền, giáo

- GV: bổ sung nhận xét, chốt kết thúc bài.	đục lý luận, xây dựng tổ chức cho cách mạng VN - 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội VNCM thanh niên. - 1928 - 1929 PTCN phát triển mạnh, bước đầu liên kết nhiều ngành, nhiều địa phương thành <i>phong trào chung, làm nòng cốt cho phong trào dân tộc</i> trong cả nước, thu hút những người yêu nước thuộc tầng lớp khác theo khuynh hướng vô sản → <i>Chuẩn bị trực tiếp về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i>
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu những chính sách khai thác thuộc địa lần 2, mục đích lần này khác lần trước không?
- Từ nội dung cuộc khai thác rút ra đặc điểm cuộc khai thác.
- Tác động của cuộc khai thác đối với kinh tế, xã hội VN.
- Trình bày hoạt động chính về kinh tế, chính trị của TTS và TS dân tộc Việt Nam.
- Nêu những hoạt động của công nhân VN.
- Trình bày hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 đến 1924.
- Chỉ ra được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc chứng tỏ Người đã hoạt động chuẩn bị về chính trị- tư tưởng cho việc thành lập chính Đảng vô sản VN?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Từ cuộc khai thác lần này hãy so sánh điểm giống và khác nhau so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX đến đầu TKXX?
- Vì sao trong cuộc khai thác lần này kinh tế, XHVN có tác động mạnh mẽ?
- Vì sao giai cấp TS, TTS VN không thể lãnh đạo được phong trào GPDT ở nước ta?
- Giai cấp công nhân VN là giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất trong XH thuộc địa nhưng lại có khả năng lãnh đạo CMVN GPDT? Hãy giải thích?
- Vì sao sự kiện Ba son đã đánh dấu công nhân VN đấu tranh tự giác?
- Ý nghĩa của việc đọc những luận cương về vấn đề dân tộc thuộc địa của Lê Nin.
- Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và các bậc tiền bối đi trước có điểm gì khác? Điểm khác đó khẳng định điều gì?
- Ý nghĩa của việc Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội VNCM thanh niên 6/1925.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.

Lập niên biểu những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc 1919-1925:

Thời gian	Nội dung hoạt động	Ý nghĩa

- Tìm đọc bài thơ: Người đi tìm hình của nước của nhà thơ Chế Lan Viên.

- Chuẩn bị bài mới: Tìm hiểu nội dung

QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TÊN BÀI DẠY: Bài 13: Phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1925 - 1930

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm được những nét cơ bản nhất về sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng trong những năm 1925- 1929

- Nhận thức được sự phát triển của phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam dưới tác động của các tổ chức cách mạng có khuynh hướng dân tộc dân chủ.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích tính chất, vai trò lịch sử của các tổ chức cách mạng

3. Thái độ: Bồi dưỡng tinh thần dân tộc theo tư tưởng cách mạng vô sản.

4. Năng lực hướng tới:

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1921 đến 1929 không chỉ chuẩn bị về mặt chính trị tư tưởng mà còn chuẩn bị về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng CSVN đánh dấu sự chấm dứt thời kì khủng hoảng lãnh đạo cứu nước của VN.

- Đảng cộng sản VN đội tiên phong là giai cấp công nhân là lực lượng nòng cốt lãnh đạo CMVN theo khuynh hướng vô sản.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, tranh ảnh, tư liệu tham khảo...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- SGK, vở ghi, vở soạn.

-Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về Nguyễn Thái Học và ba tổ chức cách mạng.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem bức tranh Nguyễn Ái Quốc giảng dạy những thanh niên yêu nước ở Quảng Châu. Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: Nguyễn Ái Quốc giảng dạy những thanh niên yêu nước ở Quảng Châu. Nếu ko trả lời được, GV tiếp tục mời các em khác bổ sung.

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Từ những năm 1925 -1930, trên đất nước ta lần lượt xuất hiện các tổ chức cách mạng hoạt động song song với nhau. Đó là Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng, ... Để hiểu được quá trình hình thành và hoạt động của các tổ chức trên, chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay: **Bài 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930.** Bài này có 2 tiết, hôm nay chúng ta học tiết thứ nhất từ mục I. *Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cách mạng đến phần 1. của mục II. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. 1.Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 18

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân GV: <i>Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập như thế nào?</i> HS: Dựa vào nội dung SGK để trả lời. GV: Nhận xét rồi chốt ý. GV: <i>Là một tổ chức cách mạng, mục đích chủ yếu của tổ chức đó là gì?</i> GV: <i>Để thực hiện mục đích trên, Hội đã có những hoạt động gì?</i>	I.Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cách mạng: 1.Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. a. Sự thành lập: - 11/11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ - 2/1925, NAQ chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm Tâm Xã lập ra Cộng sản đoàn. - 6/925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, nòng cốt là Cộng sản đoàn - <u>Mục đích</u>: Tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh để giải phóng dân tộc b. Hoạt động: - Mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ đưa về nước hoạt động. - 21/6/1925, ra tuần báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận của Hội - Đầu năm 1927 xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh nhằm trang bị lý luận cho cán bộ của Hội để truyền bá về nước.

HS: Thông qua các bài giảng lý luận và tuần báo thanh niên... GV: Sử dụng tư liệu để làm rõ nội dung tác phẩm Đường kách mệnh. GV: Vì sao Hội phải thực hiện chủ trương "vô sản hoá"? HS: Để gắn lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. GV Vậy Vai trò của Hội VNCMTN đối với phong trào cách mạng Việt Nam? HS: Thảo luận, rút ra kết luận, cử đại diện trình bày. GV: Nhận xét, phân tích và chốt ý	- Xây dựng tổ chức cơ sở trong và ngoài nước - Cuối năm 1928 Hội thực hiện chủ trương "vô sản hoá" nhằm kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. c. Vai trò: - Đào tạo đội ngũ cán bộ đông đảo - Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác vào PTCN → Thúc đẩy phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác.
*Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục 2. Tân Việt Cách mạng đảng.	2. Tân Việt Cách mạng đảng
Tiết 19.	
HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Nhóm. Chia lớp thành 2 nhóm, chuẩn bị trong vòng 5 phút.	3. Việt Nam Quốc dân đảng: a. Sự ra đời và hoạt động: - Ngày 25/12 /1927, VNQDD ra đời. (Cơ sở hạt nhân là NXB Nam Đồng thư xã) - Mục đích, tôn chỉ: + Trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng → Mơ hồ, không rõ ràng, + Đến năm 1929, đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền. → Theo khuynh hướng DCTS -> Tổ chức cơ sở của đảng trong quần chúng rất ít, địa bàn hoạt động hẹp, tổ chức lỏng lẻo, thành phần phức tạp... => Non yếu b. Khởi nghĩa Yên Bái: * Nguyên nhân trực tiếp:

Nhóm 1. <i>Tìm hiểu về tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng: Sự ra đời và hoạt động, Khởi nghĩa Yên Bái, Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa.</i> Nhóm 2. <i>Tìm hiểu về Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929: Hoàn cảnh ra đời, sự thành lập, ý nghĩa.</i> Cử đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung...GV bổ sung nhận xét và chốt kết thúc bài. GV KL: Từ Hội VNCMTN đã phân liệt thành ĐDCSĐ và ANCSĐ chứng tỏ bước phát triển của phong trào (Phân liệt: Phá vỡ hình thức cũ không	-Tháng 2- 1929 Việt Nam Quốc dân đảng ám sát tên Ba Danh ở Hà Nội, từ đó Pháp tăng cường khủng bố. - Bị tổn thất lớn, nên đảng quyết định khởi nghĩa. * Diễn biến: - 9- 2- 1930 khởi nghĩa bùng nổ ở Yên Bái sau đó ở Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương, ...→Nhanh chóng thất bại. * Nguyên nhân thất bại: - Khách quan: Pháp đang còn mạnh. - Chủ quan: Thiếu đường lối chính trị đúng, phạm nhiều sai lầm trong tổ chức và lãnh đạo. * Ý nghĩa: - Cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù giặc của ND ta - Thể hiện lòng yêu nước, bất khuất của một bộ phận tiên tiến trong TSDT - Khởi nghĩa Yên Bái thất bại chấm dứt vai trò lịch sử của VNQDDĐ. II. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời: 1.Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929 a. Hoàn cảnh ra đời: - 1929, PTCM đặc biệt là phong trào công nông phát triển mạnh, khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế→Yêu cầu cần phải thành lập ĐCS đủ khả năng lãnh đạo CM - 3- 1929 một số hội viên tiên tiến của Hội VNCMTN ở Bắc kỳ đã lập chi bộ cộng sản đầu tiên(7 người) số nhà 5D Hàm Long (HN), chuẩn bị thành lập ĐCS để thay thế cho Hội VNCMTN - 5- 1929 tại ĐH lần 1 của Hội Việt Nam CMTN, đoàn đại biểu Bắc kỳ kiến nghị thành lập Đảng →Không chấp nhận b. Sự thành lập: - 6- 1929, đại biểu các tổ chức cộng sản ở Bắc kỳ thành lập ĐDCSĐ
--	---

đủ chứa nội dung mới của thời đại). Sự ra đời 3 tổ chức cộng sản khẳng định: ĐK thành lập ĐCS hoàn toàn chín muồi. Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng về TQ để thống nhất các tổ chức cộng sản	- 8- 1929, các cán bộ lãnh đạo tiên tiến của Hội VNCMTN ở Nam kỳ thành lập An Nam Cộng sản đảng - 9- 1929, những người tiên tiến trong Tân Việt thành lập ĐDCSLĐ c. Ý nghĩa: - Phản ánh xu thế khách quan của cuộc vận động GPDT ở VN - Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của phong trào CMVN - Chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của ĐCSVN
---	---

Tiết 20.

GV: Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái dẫn đến VNQDD chấm dứt hoạt động, sự phát triển của Hội VNCMTN, sự phân hoá của Tân Việt chứng tỏ hệ tư tưởng cộng sản đã giành ưu thế trong phong trào dân tộc. Những biến chuyển trên đã đưa đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản để thống nhất thành ĐCSVN. Vậy ĐCSVN đã ra đời như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu phần còn lại của bài 13.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN ĐẠT
	II. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời: 1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929
*Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân GV: Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến hội nghị thành lập đảng? HS: Dựa vào SGK trả lời GV: Nội dung hội nghị thành lập đảng? HS trả lời GV giải thích k/n “Cương lĩnh”(Mục đích, đường lối, nhiệm vụ của một tổ chức chính trị, một đảng) *Sử dụng kiến thức liên môn: GV đọc Đoạn thơ Bài Từ Ấy của Tố Hữu	2. Hội nghị thành lập ĐCSVN: a. Hoàn cảnh lịch sử: - 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời và hoạt động riêng lẻ → Ảnh hưởng đến phong trào CM → Yêu cầu phải thống nhất thành một đảng duy nhất - Được sự uỷ nhiệm của QTCS, NAQ từ Thái Lan về TQ để thống nhất các tổ chức cộng sản thành 1 Đảng duy nhất... - Từ ngày 6- 1- đến 8- 2- 1930, hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tiến hành tại Cửu Long (Hương Cảng, TQ)
*Hoạt động 2: Nhóm GV chia lớp thành 3 nhóm, thời gian 5 phút chuẩn bị	b. Nội dung hội nghị: - Thống nhất 3 tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là ĐCSVN

<i>Nhóm 1: Tính khoa học, đúng đắn thể hiện ở điểm nào trong Cương lĩnh?</i> <i>Nhóm 2: Tính dân tộc thể hiện ở điểm nào trong Cương lĩnh?</i> <i>Nhóm 3: Sự sáng tạo thể hiện ở điểm nào trong Cương lĩnh?</i> - HS thảo luận, cử đại diện trả lời, GV phân tích thêm * Tính KH: Vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác- Lênin khi xác định các vấn đề cơ bản của CMVN: Đường lối, nhiệm vụ, lãnh đạo CM...(Liên hệ con đường phát triển CMVN 1954- 1975) *Tính DT: Đánh đổ ĐQ, PK và TS phản động * Sự sáng tạo: Vận dụng sáng tạo học thuyết Mác vào hoàn cảnh cụ thể của VN .Đề cao nhiệm vụ chống ĐQ, phân hoá PK và TS...rất phù hợp với XH thuộc địa	- Thông qua chính cương, sách lược văn tắt do NAQ soạn thảo, đây là bản cương lĩnh C.trị đầu tiên của Đảng * Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của đảng: - <u>Đường lối chiến lược</u>: CMTSDQ và thổ địa CM để đi tới xã hội cộng sản → Con đường phát triển tất yếu của CMVN là ĐLDT gắn liền CNXH - <u>Nhiệm vụ</u>: Đánh đổ đế quốc, phong kiến và tư sản phản động làm cho nước VN được độc lập, tự do. → Nhiệm vụ DTDC nhưng đề cao nhiệm vụ DT - <u>Lực lượng CM</u>: Công, nông, TTS, trí thức. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và TS thì lợi dụng hoặc trung lập - <u>Lãnh đạo CM</u>: ĐCSVN- đội tiên phong của giai cấp VS. - <u>CMVN phải liên lạc</u> với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới *KL: Là Cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn <u>vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này</u>
*Hoạt động : Cá nhân -GV: ĐCSVN ra đời có ý nghĩa gì? -HS: Dựa vào SGK trả lời, GV: bổ sung chốt -GV: Tại sao nói đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử CMVN? -HS: Suy nghĩ trả lời, GV bổ sung chốt và kết thúc bài.	c. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng - Là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc ở VN, là sự lựa chọn của lịch sử - Là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp chủ nghĩa Mác- Lênin với PTCN và yêu nước - Tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử CMVN + Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối, vai trò lãnh đạo CM. Từ đây quyền lãnh đạo thuộc về giai cấp công nhân + CMVN trở thành một bộ phận của CMTG + Là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của CMVN

3. Hoạt động luyện tập:

- Nắm được sự ra đời, hoạt động và vai trò của 3 tổ chức cách mạng trên.

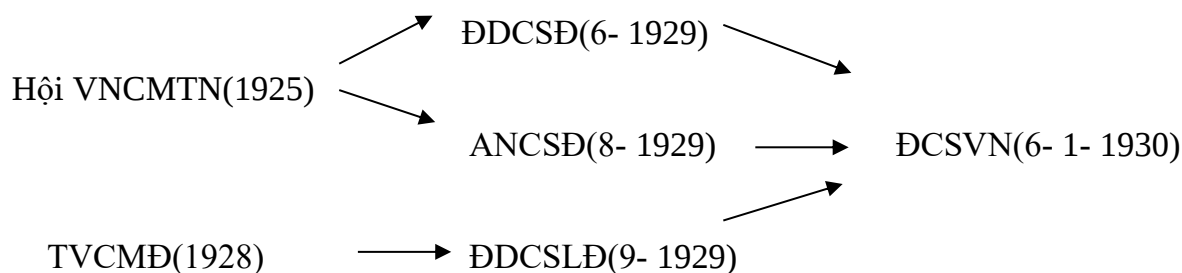
- Từ sự phát triển của Hội VNCMTN, sự phân hoá của Tân Việt, sự thất bại của VNQDDĐ → Rút ra nguyên nhân chung.

- Trình bày hoàn cảnh ra đời, nội dung hội nghị và cương lĩnh thành lập Đảng CSVN.

- Nêu ý nghĩa lịch sử của hội nghị và việc Đảng CSVN ra đời.

- Nội dung hội nghị thành lập đảng và Cương lĩnh chính trị của Đảng

Dùng sơ đồ để củng cố



4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao Việt Nam Quốc dân Đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại?
- Vì sao 3 tổ chức CS ra đời vào năm 1929? sự ra đời đó khẳng định điều gì?
- Vì sao Đảng cộng sản VN ra đời? chứng minh sự ra đời của Đảng là một tất yếu lịch sử?
- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập của Đảng CSVN.
- Vì sao cương lĩnh Đảng CSVN 1/1930 là cương lĩnh: khoa học, GPDT.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Tìm đọc bài thơ: Từ ấy của nhà thơ Tố Hữu.
- Suru tầm tranh ảnh, tài liệu về sự ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 14. Phong trào cách mạng 1930-1935.

Suru tầm thơ ca ca ngợi phong trào CM 1930- 1931 và Xô viết Nghệ - Tĩnh

TÊN BÀI DẠY: Chương II. VIỆT NAM TỪ 1930 ĐẾN 1945

Bài 14

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930- 1935

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được những nét cơ bản về tình hình Việt Nam trong những năm 1929- 1933.
- Nắm được những nét chính về phong trào cách mạng nước ta trong thời kì đầu có Đảng lãnh đạo về lực lượng tham gia, mục tiêu đấu tranh, hình thức, quy mô phong trào.

-Trình bày được những cuộc đấu tranh tiêu biểu trong phong trào cách mạng 1930-1931

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng xác định kiến thức cơ bản để nắm vững bài.
- Có hiểu biết về phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá sự kiện lịch sử.

3. Thái độ:

tự hào về sự nghiệp đấu tranh vẻ vang của Đảng.

4. Năng lực hướng tới:

Bồi dưỡng niềm tự hào về sự nghiệp đấu tranh vẻ vang của Đảng, niềm tin vào Đảng. Từ đó biết xác định trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp cách mạng của đất nước trong thời kì mới. CMVN theo khuynh hướng vô sản.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ , tranh ảnh về phong trào Xô viết nghệ- Tĩnh.
- Một số tư liệu.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- SGK, vở ghi, vở soạn.
- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về Nguyễn Thái Học và ba tổ chức cách mạng.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem tranh về đời sống nông dân, công nhân VN năm 1929-1930, Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: Nguyễn Ái Quốc giảng dạy những thanh niên yêu nước ở Quảng Châu. Nếu ko trả lời được, GV tiếp tục mời các em khác bổ sung.

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Năm 1930 Đảng Cộng Sản Việt nam ra đời, đây là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Sau khi ra đời Đảng đã nhanh chóng tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đưa cách mạng nước ta bước vào thời kì đấu tranh quyết liệt, mạnh mẽ trong những năm 1930- 1931 với đỉnh cao là Xô viết nghệ- Tĩnh. Để hiểu rõ hơn về phong trào cách mạng nước ta trong thời kì đầu có Đảng lãnh đạo, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 21

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN ĐẠT
*Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân GV giới thiệu: Năm 1929 – 1933, khủng hoảng kinh tế thế giới. Pháp chịu hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng, (Sản lượng CN Pháp giảm 1/3, nông nghiệp giảm 2/5, thu nhập quốc dân giảm 1/3... Lương của công nhân giảm từ 30% đến 40%, thu nhập của nông dân giảm 2,7 lần) Pháp trút khủng hoảng lên ND thuộc địa → Từ 1930, kinh tế VN bước vào thời kỳ khủng hoảng GV: <i>Em hãy cho biết những biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế ở VN ?</i> HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung, kết luận (Giá lúa hạ 68 %) GV: <i>Em có nhận xét gì về cuộc khủng hoảng kinh tế ở nước ta?</i> - Cuộc khủng hoảng kinh tế đã tác động như thế nào đến tình hình xã hội VN? + 25.000 công nhân bị sa thải, lương giảm 30- 50 % + Nông dân bị cướp đoạt ruộng đất, thuế cao, giá nông phẩm giảm, lãi lớn ... GV: <i>Tình hình kinh tế, xã hội như trên sẽ đưa đến hệ quả gì?</i> HS: Suy nghĩ trả lời. GV bổ sung chốt GV: <i>Nguyên nhân của phong trào cách mạng 1930- 1931?</i> HS: Dựa vào SGK trả lời. GV bổ sung chốt GV trình bày trên bản đồ - Trong tháng 5, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của CN, 34 cuộc đt của nông dân, 4 cuộc đt của HS và dân nghèo thành thị	I. Việt Nam trong những năm 1929- 1933. 1. Tình hình kinh tế. - Từ 1930, kinh tế VN bước vào thời kỳ suy thoái, khủng hoảng - Nông nghiệp: Lúa gạo bị sụt giá, ruộng đất bỏ hoang nhiều. - Công nghiệp: sản lượng các ngành đều suy giảm. - Thương nghiệp: Xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ. → Khủng hoảng toàn diện và trầm trọng 2. Tình hình xã hội: - Đời sống ND càng cực khổ + Công nhân: Thất nghiệp, đồng lương giảm + Nông dân : Mất đất, sưu cao thuế nặng, vay nợ nặng lãi → Bần cùng hoá + Công chức mất việc, TTS, TSĐT cũng điêu đứng → Mâu thuẫn DT, mâu thuẫn giai cấp phát triển gay gắt II. Phong trào cách mạng 1930- 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh 1. Phong trào cách mạng 1930- 1931 a. Nguyên nhân: - Chính sách thống trị tàn khốc của TDP → Mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt - Chính sách khủng bố → Tình hình chính trị căng thẳng - 6- 1- 1930 ĐCSVN ra đời → Lãnh đạo

- Chú ý các sự kiện tiêu biểu: 1- 5- 1930, 12- 9- 1930... -GV:Cung cấp một số tư liệu. Trước khi thể đấu tranh của nhân dân ta, bọn Pháp hết sức hoang mang. Báo cáo của tướng Pháp Moocsê viết: “<i>chỉ trong vài tuần, chủ nghĩa cộng sản lan dần từ chỗ này đến chỗ khác, hầu như khắp các làng trong thung lũng sông Cả và đồng bằng Hà Tĩnh...</i>”. Toàn quyền Rô-banh viết về bọn tay sai như sau: “Họ hoàn toàn bất lực, chẳng làm được điều gì để ngăn cản sự mở rộng của phong trào. Chính quyền bản xứ thuộc mọi cấp trong tỉnh bị tê liệt...” GV: Qua việc tìm hiểu diễn biến phong trào, em hãy nhận xét về: lực lượng chủ yếu tham gia phong trào, hình thức đấu tranh, mục tiêu đấu tranh, quy mô phong trào? HS trả lời, GV nhận xét- chốt ý GV: Xô viết Nghệ- Tĩnh ra đời trong hoàn cảnh nào? - Căn cứ vào đâu để khẳng định XVNT là hình thức sơ khai của chính quyền công nông nước ta, và đó là chính quyền của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng? *Sử dụng kiến thức liên môn: GV đọc Đoạn thơ của Tố Hữu về PT Xô viết nghệ tĩnh (chuyển ý)	b. Diễn biến: - Từ tháng 2 → 4 - 1930: nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân với khẩu hiệu tăng lương, giảm giờ làm, đòi giảm sưu, thuế, chống ĐQ, PK... - Tháng 5, trên cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày QTLĐ → Lần đầu tiên công nhân VN biểu tình kỷ niệm ngày QTLĐ và thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản - Trong tháng 6, 7, 8. liên tiếp nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác trên phạm vi cả nước - Tháng 9- 1930 phong trào đấu tranh lên cao, nhất là ở Nghệ -Tĩnh. Tiêu biểu là cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12/ 9/1930... =>Hệ thống chính quyền địch ở nhiều thôn xã tan rã, các Xô viết được thành lập 2. Xô viết Nghệ- Tĩnh. a. Hoàn cảnh ra đời: - Từ tháng 9 - 1930, phong trào ở Nghệ -Tĩnh phát triển đến đỉnh cao, chính quyền địch ở nhiều thôn xã tan rã - Trước tình hình đó, Đảng lãnh đạo quần chúng thành lập các Xô viết
*Hoạt động 2: Nhóm Chia lớp thành 3 nhóm và giao N. vụ Nhóm 1: Tìm hiểu những hoạt động về chính trị Nhóm 2: Tìm hiểu những hoạt động về kinh tế Nhóm 3: Tìm hiểu những hoạt động về văn hoá- xã hội	b. Những hoạt động của chính quyền Xô- viết: - Chính trị: Thực hiện các quyền tự do, dân chủ, thành lập các đội tự vệ đỏ và toà án ND - Kinh tế: Chia ruộng đất cho nhân dân, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, xoá nợ cho người nghèo...

- GV: Em có nhận xét gì về chính quyền XVNT ?(Chính quyền do ai bầu ra, mục đích của những hoạt động trên, so sánh với các chính quyền của thực dân- PK)	- Văn hóa-xã hội: Mở các lớp dạy chữ quốc ngữ, xoá bỏ phong tục lạc hậu, giữ vững trật tự trị an, xây dựng nếp sống mới. => Chính quyền của dân, do dân và vì dân. - Giữa 1931 phong trào lắng xuống.
--	---

Tiết 22.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN ĐẠT																
* Hoạt động 1: Cả lớp,cá nhân . GV: yêu cầu HS dựa vào SGK nắm được hoàn cảnh triệu tập, nội dung của Hội nghị TW Đảng và nội dung của Luận cương chính trị. GV : Vì sao <i>Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng được triệu tập?</i> HS trả lời, GV củng cố. GV: <i>Cho biết tiến trình của hội nghị?</i> GV: mời HS giới thiệu nét cơ bản về Trần Phú- các em khác bổ sung, GV bổ sung, chốt. chuyển sang nội dung của Luận cương chính trị. * Hoạt động nhóm: cặp đôi GV: chuẩn bị bản phụ hoặc giấy A0 sẵn theo nội dung sau để HS trình bày so sánh điểm giống và khác nhau của CLCT 1/1930 và LCCT 10/1930: mời 2 em điền vào những nội dung đã chuẩn bị... <table><tr><th>Nội dung</th><th>LCCT 10/1930</th><th>CLCT 1/1930</th><th>Điểm giống/khác</th></tr><tr><td>Đường lối CM</td><td></td><td></td><td>G</td></tr><tr><td>Nhiệm vụ CM</td><td></td><td></td><td>K</td></tr><tr><td>Lực lượng CM</td><td></td><td></td><td>K</td></tr></table>	Nội dung	LCCT 10/1930	CLCT 1/1930	Điểm giống/khác	Đường lối CM			G	Nhiệm vụ CM			K	Lực lượng CM			K	II. Phong trào cách mạng 1930- 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh 1. 2. 3. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10- 1930). - Tháng 10 – 1930 Hội nghị BCH. TW lâm thời ĐCSVN họp tại Hương Cảng (TQ) * Nội dung hội nghị: - Đổi tên Đảng thành Đảng Cộng Sản Đông Dương. - Cử BCH TW chính thức do đồng chí Trần Phú làm Tổng bí thư. - Thông qua Luận cương chính trị của Đảng do Trần Phú khởi thảo. * Nội dung Luận cương chính trị: - <u>Đường lối CLCM:</u> CMTSDQ => CM.XHCN.(Bỏ qua thời kỳ TBCN) - <u>Nhiệm vụ CM:</u> Đánh đổ phong kiến, ĐQ. Hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít với nhau
Nội dung	LCCT 10/1930	CLCT 1/1930	Điểm giống/khác														
Đường lối CM			G														
Nhiệm vụ CM			K														
Lực lượng CM			K														

Lãnh đạo CM			G	- <u>Lực lượng (Động lực) cách mạng:</u> Công nhân và nông dân.
MQ hệ CMTG			G	- <u>Lãnh đạo cách mạng:</u> ĐCSĐD - Mối quan hệ giữa CMĐD và CMTG.
Từ ND đã trình bày của 2 HS hãy nhận xét và so sánh về các nội dung: của LCCT với CLCT - <u>Đường lối CLCM:</u> - <u>Lực lượng (Động lực)CM:</u> - <u>Lãnh đạo CM:</u> ... - <u>Mối quan hệ giữa CMĐD và TG:</u> ... Từ đó rút ra những điểm hạn chế của LC 10/1930 GV <i>Luận cương có hạn chế gì?</i> GV: <i>Qua phân tích, em hãy nhận xét, đánh giá về Luận cương?</i> -GV chốt: những hạn chế đó của LCCT được điều chỉnh dần trong quá trình CMVN sau này... chuyển mục				* Hạn chế: - Chưa thấy được mâu thuẫn của XH thuộc địa, chưa đề cao nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu, còn nặng đấu tranh giai cấp - Đánh giá không đúng khả năng CM của các giai cấp khác ngoài công nhân và nông dân
* Hoạt động 2: cả lớp - GV : <i>Qua tiến trình của phong trào 1930 - 1931 và đỉnh cao là XVNT mà chúng ta đã học ở tiết 1 bài này, em hãy cho biết ý nghĩa lịch sử của PT?</i> - HS: suy nghĩ trả lời câu hỏi. - GV nhận xét bổ sung và đưa trích đoạn "<i>Đó là bước thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển về sau của cách mạng, trực tiếp mà nói không có những trận chiến đấu giai cấp rung trời chuyển đất những năm 1930 -1931 trong đó công nông đã "vung ra nghị lực phi thường" của mình thì không thể có cao trào những năm 1936 - 1939"</i>.				4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 - 1931: *Ý nghĩa lịch sử: - Trong nước: +PT khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân + Hình thành khối liên minh công nông - Đối với TG: +QTCS công nhận ĐCSĐD là 1 phân bộ h/động độc lập dưới sự l/đạo của QTCS.

-GV: chỉ ra hoặc cho HS nhớ lại trình bày những điểm bài học kinh nghiệm... sau đó chốt và kết thúc bài	→ Là cuộc tập dượt đầu tiên của quần chúng chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám sau này. *Bài học kinh nghiệm: về công tác: tư tưởng; phương pháp DT, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh...
Phần III. Không dạy	III- PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1932-1935. 1. Cuộc đấu tranh phục hồi lực lượng CM 2. Đại Hội Đại Biểu lần thứ nhất của Đảng CSĐD (3-1935)

3. Hoạt động luyện tập:

- Nắm được nguyên nhân bùng nổ của PTCM 1930-1931, các mức độ phát triển của phong trào.
- Xô Viết Nghệ Tĩnh: đỉnh cao đã làm được những gì? Nêu những việc làm của Xô Viết.
- Phong trào đấu tranh sôi nổi, quy mô lớn, hình thức đấu tranh quyết liệt, tính chất triệt để, lực lượng tham gia chủ yếu là công nhân và nông dân
- Trình bày hoàn cảnh ra đời, nội dung hội nghị và luận cương 10/1930.
- Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Suy tầm thơ ca ca ngợi phong trào cách mạng 1930- 1931 và Xô viết Nghệ- Tĩnh.
- Trình bày đôi nét về phong trào cách mạng ở Quảng Trị trong những năm 1930-1931.
- Hãy nhận xét về phong trào cách mạng 1930 – 1931? (Về quy mô, mức độ, hình thức, lực lượng...)
- Vì sao XVNT là chính quyền của dân, do dân, vì dân?
- So sánh giữa Cương lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc với Luận cương chính trị của đồng chí Trần Phú, từ đó rút ra nhận xét.
- Ý nghĩa lịch sử của phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh, để lại những và bài học kinh nghiệm gì cho những giai đoạn sau?

- Vì sao phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh là cuộc tập dượt chuẩn bị cho CMT8?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Suru tầm tranh ảnh, tài liệu về Phong trào cách mạng 1930-1935. Đỉnh cao là XVNT
- Chuẩn bị bài mới: Bài 15. Phong trào dân chủ 1936-1939.
- Suru tầm thơ ca ca ngợi phong trào dân chủ 1936-1939

TÊN BÀI DẠY: Bài 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Phong trào dân chủ (1936-1939) diễn ra dưới tác động của nhiều yếu tố khách quan, đặc biệt là nghị quyết đại hội VII QTCS và sự kiện mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp
- Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành đấu tranh với mục tiêu, khẩu hiệu, hình thức, phương pháp đấu tranh hoàn toàn mới so với thời kì trước
- Thu được kết quả to lớn (buộc chính quyền thực dân Pháp phải nhượng bộ một số yêu cầu của quần chúng)
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, được xem là đợt tập dượt cho cách mạng tháng Tám.

2. Kỹ năng :

Rèn luyện kỹ năng phân tích đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử để qua đó thấy được sự trưởng thành của Đảng ta trong việc đề ra chủ trương, biện pháp trong từng thời kì lịch sử .

3. Thái độ :

- Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng ,với đường lối, chủ trương đúng đắn sáng tạo
- Nhằm nâng cao nhiệt tình cách mạng, khuyến khích tham gia vào các phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng vì lợi ích của nước của dân .

4. Năng lực hướng tới:

HS hiểu được khả năng chỉ đạo của Đảng CS Đông Dương trong tình hình mới là phù hợp, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và đưa lại hiệu quả cao trong đấu tranh.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Một số tư liệu:

+Cuộc biểu dương lực lượng 1/5/1938, tại khu Đấu Xảo...

+tranh ảnh liên quan khác...

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, vở soạn.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động tạo tình huống:**

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh về CNPX Đức duyệt binh, Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: quân đội duyệt binh ...GV tiếp tục mời các em khác bổ sung.

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Đến 1935 phong trào CM nước ta đã được phục hồi. Trước những biến động của tình hình thế giới và trong nước, Đảng lãnh đạo nhân dân ta bước vào thời kỳ đấu tranh mới, với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, nhằm mục tiêu: Tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình ...

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Cá nhân Giáo viên khái quát lại tình hình thế giới những năm 30 (XX) . -GV: Em hãy cho biết Hậu quả của cuộc khủng hoảng 1929- 1933? -GV: Em hãy cho biết nội dung đại hội VII của QTCS 7 – 1935? - HS: dựa vào sách giáo khoa trả lời... -GV: nói vài nét về đoàn Đại biểu nước ta tham gia ĐH... -GV: Tình hình ở Pháp chính trị ở Pháp chuyển biến ntn? - Học sinh đọc sách giáo khoa trả lời, giáo viên chốt lại	I. Tình hình thế giới và trong nước 1. Tình hình thế giới: - CN phát xít xuất hiện, chuẩn bị gây chiến tranh đe dọa hòa bình thế giới - 7 – 1935, ĐH VII QTCS (Matxcova) + Xác định kẻ thù là CNPX + Đề ra nhiệm vụ: Chống phát xít, bảo vệ hoà bình, dân chủ + Chủ trương thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi * Tại Pháp:

	- 6/1936, MTND Pháp lên nắm quyền (nòng cốt là ĐCS) thi hành một số CS tiến bộ, tạo ĐK cho PT ĐT đòi tự do dân chủ ở thuộc địa
Hoạt động 2: Cả lớp -GV: Tình hình Việt Nam trong thời kỳ này như thế nào? - Chính trị ? - Kinh tế ? - Xã hội ? -GV: chú ý phân tích những chính sách của mặt trận nhân dân Pháp -GV: <i>Em có nhận xét gì về tình hình kinh tế Việt Nam trong giai đoạn này?</i> -HS: +Kinh tế Phục hồi và phát triển + Kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và phụ thuộc Pháp -GV: <i>Những biến chuyển về kinh tế, chính trị tác động đến xã hội Việt Nam như thế nào ?</i> -HS: <i>tác động XHVN:</i> + Đời sống đại đa số nhân dân khó khăn, cực khổ + nhân dân hăng hái tham gia phong trào đấu tranh	2.Tình hình trong nước: a. Chính trị : - Chính phủ Pháp <u>nới rộng</u> quyền tự do dân chủ, ân xá tù chính trị, cử phái đoàn sang điều tra tình hình thuộc địa - Nhiều Đảng phái chính trị đẩy mạnh hoạt động, mạnh nhất là ĐCS ĐD b. Kinh tế : - Phục hồi và phát triển nhưng chỉ những ngành giúp Pháp thu lãi lớn và phục vụ cho chiến tranh... - KTVN vẫn lạc hậu và phụ thuộc vào kinh tế Pháp c.Xã hội: Đời sống đại đa số nhân dân khó khăn, cực khổ. (nông dân mất 2/3 ruộng đất, thuế tăng, công nhân thất nghiệp nhiều, TSĐT bị chèn ép) => Mọi tầng lớp ND hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng .
Hoạt động 3 : Hoạt động nhóm -GV:<i>Chia lớp thành 2 nhóm, các nhóm chuẩn bị thời gian 3 phút, GV mời đại diện trình bày.</i> +Nhóm 1: <i>Tìm hiểu về: nhiệm vụ trước mắt, So với thời kỳ 30-31 có gì khác? vì sao?</i> +Nhóm 2: <i>phương pháp ĐT, chủ trương So với thời kỳ 30-31 có gì khác? vì sao?</i> -HS trả lời, giáo viên phân tích để học sinh thấy được sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong thời kỳ này, trên cơ sở đó thấy được sự sáng tạo của Đảng ta.	II. Phong trào dân chủ 1936-1939 1. Hội nghị BCHTU ĐCS ĐD (7-1936) - 7/1936 hội nghị BCHTU ĐCS ĐD họp tại Thượng Hải (TQ) -<u>Nhiệm vụ TM:</u> ĐT chống <u>bọn phản động thuộc địa</u>, chống PX, chống CT, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình -<u>Phương pháp ĐT:</u> Kết hợp nhiều hình thức ĐT, công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp - <u>Mặt trận:</u> thành lập mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương(3-1938 đổi thành mặt trận dân chủ ĐD)

Sau khi các nhóm làm việc xong GV bổ sung, nhận xét và hỏi <i>Vậy những nghị quyết của Đảng (7- 1936) có Ý nghĩa ntn?</i> -HS: suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, chuyển mục.	→ <i>Nghị quyết của hội nghị làm đẩy lên trong cả nước phong trào dân chủ dưới nhiều hình thức DT</i>
Hoạt động 4: cá nhân -GV: em hãy cho biết Phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do,dân chủ,dân sinh: Quy mô, hình thức đấu tranh, kết quả? -HS: dựa vào SGK trình bày, Giáo viên bổ sung kết luận chốt ý cho học sinh ghi - Cho học sinh xem một số hình ảnh như mít tinh ở Đấu Xảo(Hà Nội) -GV hướng dẫn HS đọc thêm mục b, c b. Đấu tranh nghị trường c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí	2. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu a. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ - 1936 phong trào “ Đông Dương đại hội... - 1937 phong trào “ Đón Gôđa” ... - 1936-1939 các cuộc mít tinh, biểu tình đòi quyền sống của các tầng lớp nhân dân diễn ra khắp nơi. đặc biệt là cuộc đấu tranh nhân ngày 1-5-1938, (2,5 vạn người tham gia tại Đấu Xảo (Hà Nội) thuộc 25 đoàn thể) →TD Pháp phải giải quyết một số yêu sách của nhân dân... b. Đấu tranh nghị trường c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí
Hoạt động 5: Cá nhân và cả lớp -GV: <i>Ý nghĩa lịch sử của phong trào (1936-1939) ?</i> - Học sinh qua tiết học rút ra nhận xét chung để trả lời câu hỏi + Lãnh đạo:... + Lực lượng:... +Hình thức DT:... -GV: <i>Em hãy Nêu những bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ (1936-1939)?</i> - HS: +<i>Những ưu điểm:...</i> +<i>Hạn chế:...</i> -GV: <i>chốt, kết thúc bài.</i>	3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm *Ý nghĩa lịch sử - Là PT <u>quần chúng</u> rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của ĐCSDD. - PT buộc chính quyền thực dân phải <u>nhường</u> <u>bộ</u> một số yêu sách về dân chủ, dân sinh -QCND được <u>giác ngộ</u> về chính trị, tạo nên một lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng - Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện và ngày càng trưởng thành -Là cuộc tập dượt lần 2 chuẩn bị cho CMT8 sau này. * Bài học kinh nghiệm: -Thành lập MTDTT thống nhất, sử dụng nhiều hình thức đấu tranh... - Hạn chế trong công tác mặt trận...

3. Hoạt động luyện tập:

- Nắm được nguyên nhân bùng nổ của PTDC 1936-1939, các mức độ phát triển của phong trào.

- Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào DC 1936 – 1939.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Suu tầm thơ ca ca ngợi phong trào cách mạng 1936- 1939.

- Trình bày đôi nét về phong trào dân chủ ở Quảng Trị trong những năm 1936- 1939.

- Hãy nhận xét về phong trào DC 1936 – 1939? (Về quy mô, mức độ, hình thức, lực lượng...)

- Vì sao phong trào DC 1936 – 1939, là cuộc tập dượt thừa 2 chuẩn bị cho CMT

- So sánh về mục tiêu, hình thức tập hợp lực lượng, hình thức đấu tranh giữa 2 thời kì 1930-1931 và 1936-1939 (đã cho học sinh chuẩn bị trước)

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.

+ Học bài.

+ Suu tầm tranh ảnh, tài liệu về Phong trào DC 1936-1939.

- Tìm hiểu bài mới:

+ Tìm hiểu phần tình hình Việt Nam trong những năm (1939-1945). Chuẩn bị bài 16: tiết 1 phần Hội nghị BCH trung ương 11/1939 và Hội nghị BCHTW 5/1941.

+ Suu tầm tranh ảnh liên quan.

TÊN BÀI DẠY: Bài 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Nắm được những nét cơ bản về tình hình kinh tế, xã hội VN trong những năm 1939 – 1945, qua đó thấy được yêu cầu giải phóng dân tộc đặt ra một cách cấp thiết

- Chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng trong giai đoạn này

- Những cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong thời kỳ đấu tranh mới

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện kỹ năng xác định kiến thức cơ bản, sự kiện cơ bản

- Kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử

3. Thái độ :

- Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Đảng, với đường lối, chủ trương đúng đắn sáng tạo

- Nhằm nâng cao nhiệt tình cách mạng, trân trọng, giữ gìn và phát huy thành quả Cách mạng tháng Tám

4. Năng lực hướng tới: HS hiểu được cuộc CTTG 2 đang diễn ra, tình hình rất cấp bách Đảng ta phải đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu ...

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên: Một số tư liệu: Phim về chiến tranh TG thứ 2, tranh ảnh quân Nhật tấn công Lạng Sơn...

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, vở soạn.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC: Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 đoạn phim PX Đức tấn công Ba Lan hoặc phim PX Nhật tấn công cảng Trân Châu..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về đoạn phim trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời:....GV tiếp tục mời các em khác bổ sung.

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Tình hình thế giới biến chuyển, CTTG thứ 2 bùng nổ, Pháp đầu hàng phát xít Đức, ở Đông Dương cuối tháng 9/1940 Nhật vào nước ta. Nhật Pháp cấu kết nhau bóc lột nhân dân ta thậm tệ. Trước tình hình đó, Hội nghị BCH TW ĐCSVN họp đã chuyển hướng chỉ đạo - đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu, đưa nhân dân ta bước vào một thời kì đấu tranh mới. Những cuộc ĐT đó diễn ra như thế nào? để lại những bài học gì? hôm nay chúng ta học bài 16

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động 1: Nhóm GV chia lớp thành 2 nhóm Nhóm 1: Em hãy cho biết về tình hình chính trị thế giới và trong nước thời kì (1939-1945)? Nhận xét	I- Tình hình Việt Nam trong những năm 1939-1945 1. Tình hình chính trị - 1/9/1939, CTTG2 bùng nổ, C/phủ Pháp đầu hàng PX Đức. - Ở ĐD: TD Pháp t/hiện CS thù địch với thuộc địa, vơ vét sức Người, của cung ứng cho CT. - Ở VN: + 9/1940, PXN vào MB VN, Pháp đầu hàng Nhật + Các Đảng phái thân Nhật h/động ra sức tuyên truyền: sức mạnh của Nhật, thuyết Đại Đông á -> Hắt cẳng Pháp.

Nhóm 2: <i>Nêu tình hình kinh tế xã hội, nét nổi bật so với giai đoạn trước? Nhận xét?</i> <i>Các nhóm chuẩn bị 3 phút cử đại diện trình bày. GV mời nhóm khác bổ sung.</i> <i>GV bổ sung, chốt, chuyển mục.</i>	- Bước sang năm 1945: + Châu Âu: PX Đức thất bại nặng nề + Châu Á-TBD: PX Nhật thua to + Đông Dương: tối 9/3, Nhật đảo chính Pháp -> các Đảng phái tăng cường h/động, q/c sôi sục khí thế k/n. 2. Tình hình kinh tế-xã hội a. Kinh tế: - <u>CS của Pháp</u>: CS “KT chỉ huy”: tăng thuế, đặt thuế mới, sa thải CN, viên chức, giảm lương, tăng giờ làm... - <u>CS của Nhật</u>: Cướp RD của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa trồng Đay, trồng thầu dầu, y/c Pháp xuất các nguyên liệu CT sang Nhật với giá rẻ... b. Xã hội: - CS bóc lột của P-N đẩy ND đến chỗ cùng cực-> cuối 1944 đầu 1945 gần 2 triệu đồng bào ta chết đói. - Các giai cấp, tầng lớp đều bị ảnh hưởng bởi CS bóc lột của P-N => Trước những chuyển biến của tình hình TG, ĐD và trong nước Đảng đề ra đường lối DT phù hợp.
*Hoạt động 2: Cả lớp và cá nhân. GV: <i>Em hãy trình bày nét chính của Hội nghị BCHTW Đảng cộng sản ĐD (11/1939)?</i> HS: Dựa vào SGK trình bày GV hỏi: <i>Qua nội dung của Hội nghị em có nhận xét gì về mục tiêu nhiệm vụ trước mắt của Đảng trong giai đoạn này?</i> -HS: Dựa vào SGK trình bày -GV: Các em có thể so sánh với giai đoạn (1936-1939) về: + Nhiệm vụ trước mắt:... + Phương pháp DT:... + Mặt trận:...	II- Phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9/1939 đến 3/1945 1. Hội nghị BCHTW Đảng cộng sản ĐD (11/1939) -11/1939, Hội nghị diễn ra tại Bà Điểm-Hóc Môn (Gia định), do đ/c Nguyễn Văn Cừ chủ trì. - Nội dung Hội nghị: +Nhiệm vụ trước mắt: Đánh đổ ĐQ, tay sai -> ĐD độc lập. ((n/vụ dân tộc) +Phương pháp DT: Bí mật. +Về mặt trận: thành lập MT thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương với Hội phản đế

-HS: suy nghĩ thực hiện. -GV bổ sung và rút ra ý nghĩa Của Hội nghị	* Ý nghĩa: Đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu đưa ND vào cuộc ĐT mới
* Hoạt động 3: Cả lớp và cá nhân. GV gọi lại quá trình tìm đường cứu nước của NAQ suốt 30 năm từ 1911-1941, - HS: Lúc này CTTG lan rộng và ngày càng quyết liệt. Ở Đ. Dương N-P cầu kết nhau đàn áp ND ta->, >< nhân dân lên cao hơn bao giờ hết nhiều cuộc ĐT vũ trang chống ĐQ đã nổ ra. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: ”.....” -GV: Qua HN, hãy cho biết ý nghĩa của HN đối với CMT sau này? - HS suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung... GV bổ sung, nhận xét và chốt. Chuyển mục	3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ tám BCHTWĐCSĐĐ (5-1941) - 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. - 10 - 19/5/1941 Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị TW lần 8 tại Pắc bó (Cao Bằng). *Nội dung: - Nhiệm vụ trước mắt: là GPDT (n/vụ dân tộc) - Về mặt trận: VN độc lập Đồng minh (Việt Minh) với hội cứu quốc - Phương pháp ĐT: từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa. * Ý nghĩa: - Đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng ĐT của Đảng từ HN 11/1939 - Chuẩn bị mọi mặt, quyết định đến thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.
*Hoạt động 4: Nhóm - GV chia lớp thành 3 nhóm giao nhiệm vụ cho từng nhóm; - Nhóm 1: Quá trình xây dựng và phát triển của lực lượng chính trị ? - Nhóm 2: Quá trình hình thành và phát triển của lực lượng vũ trang ? - Nhóm 3: Quá trình xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng? - Các nhóm làm việc theo yêu cầu của GV, mỗi nhóm cử đại diện trả lời kết quả của nhóm mình. - GV: Gọi các nhóm khác bổ sung, sau đó giáo viên bổ sung nội dung & nhận xét kết quả của từng nhóm, có thể cho điểm động viên.	4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền a. Xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang *Xây dựng lực lượng chính trị Mở rộng MTVM, xây dựng và phát triển các hội Cứu quốc - Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các đoàn thể “Cứu quốc”. - Đầu năm 1943, Hội văn hoá Cứu quốc được thành lập và Đảng dân chủ VN. * Xây dựng lực lượng vũ trang: - Đội du kích Bắc Sơn, phát triển và thống nhất lại thành các trung đội Cứu quốc quân: I, II, III - Cuối năm 1941, ở Cao Bằng thành lập các đội vũ trang tự vệ, tổ chức các lớp huấn luyện quân sự.

Nếu ko đủ thời gian GV có thể cho HS về nhà chuẩn bị nội dung.	* Xây dựng căn cứ địa cách mạng: - Căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai (k/n Bắc sơn) - 1941, Nguyễn Ái Quốc xây dựng căn cứ địa Cao Bằng => 2 căn cứ địa CM đầu tiên ở nước ta.
*Hoạt động 5: Cả lớp và cá nhân. - GV: <i>Vì sao BTV TW Đảng Hợp gấp rút chuẩn bị K/n V.trang giành chính quyền ?</i> -HS: Tình hình thế giới thay đổi có lợi cho ta. - GV: Bổ sung và chốt ý. -GV: <i>Công tác chuẩn bị đạt những kết quả gì, ý nghĩa tác động của việc chuẩn bị đó ?</i> - HS: suy nghĩ trả lời, GV nhận xét bổ sung, phân tích và chốt ý. - HS: Trả lời, GV nhận xét, bổ sung, chốt ý	b. Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền - Từ 25 đến 28 – 2 - 1943, BTV TW Đảng Hợp tại Võng La (Đông Anh-Phúc Yên). Hội nghị đã vạch ra kế hoạch cụ thể về chuẩn bị toàn diện cho cuộc K/n vũ trang. - 22 – 12 – 1944, Đội VN tuyên truyền GPQ ... * Kết luận: Sau 3 năm chuẩn bị, xây dựng lực lượng, vũ trang, chính trị, căn cứ địa CM. Thời cơ cách mạng đang đến gần.

Tiết 26.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động 1: Cá nhân, cả lớp GV: <i>Nêu hoàn cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến tháng 8- 1945?</i> HS: Đọc SGK, suy nghĩ trả lời GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận - <i>Tác động của sự kiện Nhật đảo chính Pháp ?</i> Gây ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương (hai quân cướp nước cắn xé nhau chí tử ,chính quyền Pháp tan rã ,chính quyền Nhật chưa ổn định ,các tầng lớp đứng giữa hoang mang ,quần chúng cách mạng muốn hành động).	III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền 1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8 – 1945) a. Hoàn cảnh lịch sử * Thế giới: Phe phát xít sắp thất bại * Ở ĐD: Quân Pháp ráo riết hoạt động, chờ thời cơ để lật đổ Nhật →Mâu thuẫn Nhật – Pháp gay gắt - 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm ĐD b. Chủ trương của Đảng : - 9/3/1945 ban thường vụ trung ương Đảng họp tại làng Đình Bảng (Bắc Ninh) - 12/3/1945 ra chỉ thị : “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” * Nội dung: - Xác định kẻ thù: PXN và tay sai

GV trình bày và phân tích tầm quan trọng của chỉ thị : “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta ” GV thuyết trình, nhấn mạnh sự sáng tạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo nhân dân đấu tranh GV: <i>Những cuộc khởi nghĩa từng phần có tác dụng gì đối với Tổng khởi nghĩa tháng Tám?</i> HS: Suy nghĩ trả lời GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận GV: <i>Hãy cho biết những công việc cuối cùng mà Đảng ta đã chuẩn bị trước ngày Tổng khởi nghĩa?</i> HS: Suy nghĩ trả lời GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận + Vận dụng đường lối đúng đắn, sáng tạo...	- Khẩu hiệu: “Đánh đuổi phát xít Nhật” - Hình thức đấu tranh: Từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện - Phát động “cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa”. 2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa - 15 → 20/4/1945, HN Quân sự cách mạng Bắc Kỳ: Thống nhất lực lượng vũ trang ..., thành lập UBQS cách mạng Bắc Kỳ . - 16/4/1945, thành lập UBDTGP Việt Nam và Ủy ban dân tộc GP các cấp . - 15/5/1945, hợp nhất CQQ và VNTTGPQ thành VNGPQ . - Tháng 5/1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào, lấy Tân Trào làm trung tâm chỉ đạo khởi nghĩa - 4/6/1945, Thành lập khu GP Việt Bắc ... UBLT khu GP được thành lập. → <i>Việc chuẩn bị đã hoàn thành, toàn dân tộc ta đã sẵn sàng chờ thời cơ vùng dậy Tổng k/n nghĩa giành chính quyền</i>
*Hoạt động 2: Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động khởi nghĩa. Sử dụng lược đồ để trình bày diễn biến, chú trọng ở Hà Nội , Huế, Sài Gòn. GV : <i>Dựa vào những điều kiện nào mà Đảng ta ban bố lệnh Tổng khởi nghĩa?</i> Hoàn cảnh quốc tế? Hoàn cảnh trong nước? GV: <i>Đảng ta đã chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa như thế nào? Em có nhận xét gì về hành động của Đảng?</i> HS: Suy nghĩ trả lời	3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 a. Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố - 9/8/1945, Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật. - Trưa 15/8/1945, Nhật hoàng đầu hàng Đồng minh không điều kiện → Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang ,quân Đồng Minh chưa kịp vào Đông Dương → <i>Điều kiện khách quan có lợi cho Tổng khởi nghĩa đã đến</i> - Từ 14, 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, Q. định phát động Tổng k/n trong cả nước... - Từ 16, 17 - 8 – 1945, Đại hội Quốc dân ở Tân Trào

GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận và liên hệ với các nước trong khu vực để làm rõ sự nhạy bén, kịp thời, dũng cảm, quyết tâm cao của TW Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh GV: <i>Ý nghĩa của hội nghị toàn quốc và Quốc dân đại hội?</i> (Liên hệ nhà Trần trong sự kiện chống Mông – Nguyên) * Nhận biết đây là thời cơ “ngàn năm có một” cho tổng k/n thắng lợi: - Chưa có lúc nào như lúc này CM nước ta hội tụ được những điều kiện như thế. - Thời cơ “ngàn năm có một” chỉ tồn tại từ thời gian sau khi quân phiệt Nhật đầu hàng quân Đồng minh đến trước khi quân Đminh kéo vào giải giáp quân đội Nhật (đầu tháng 9/1945). - Chúng ta kịp thời phát động tổng k/n giành C/quyền trước khi quân ĐM (A-P-Tướng) vào ĐD giải giáp quân đội Nhật. Cuộc K/n nổ ra nhanh chóng ít đổ máu. -GV trình bày diễn biến trên bản đồ:... -GV: có thể mời HS trình bày... -GV: Phân tích việc giành CQ tại Hà Nội... -GV: <i>Em có nhận xét gì về diễn biến của cách mạng tháng Tám trong cả nước?</i> -HS: + Thắng lợi nhanh + Ít đổ máu - Vì sao? + Chuẩn bị chu đáo + Nắm vững thời cơ -GV: Vài nét về thoái vị của vua Bảo Đại	+ Tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng + Thông qua 10 chính sách của Việt Minh + Cử ra Ủy ban DTGPVN do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch b. Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa - Tổng khởi nghĩa diễn ra trong vòng 15 ngày(Từ 14/8→28/8) - 14/8, Nhiều địa phương đã phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa - 16/8 một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên - 18/8 bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam - 19/8, hàng vạn ND đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch, như phủ khâm sai, tòa thị chính... giành chính quyền Hà Nội. - 23/8 Huế giành chính quyền - 25/8 Sài Gòn giành chính quyền →Cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở 3 thành phố lớn có tác dụng quyết định đối với thắng lợi trong cả nước - 28 - 8 Những địa phương cuối cùng giành chính quyền: Đồng Nai Thượng và Hà Tiên - 30 - 8 Bảo Đại thoái vị, trao ấn kiếm cho cách mạng...
--	---

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
- GV: giới thiệu sự ra đời của Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ... *Hoạt động 1: Tập thể - GV: chiếu đoạn phim Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình (HN) - GV hỏi : Qua đoạn phim trên em cho biết <u>nội dung cơ bản</u> và ý nghĩa của bản tuyên ngôn độc lập -HS: trình bày các em khác bổ sung. -GV: phân tích thêm và chuyển mục + Phù hợp nguyên tắc dân tộc, bình đẳng quốc tế + Khẳng định nền độc lập dân tộc. + Quyết tâm bảo vệ độc lập	IV. Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời - 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh, TW Đảng, Ủy ban Dân tộc giải phóng VN từ Tân Trào về đến Hà Nội. - 28/8/1945, <u>cải tổ</u> Ủy ban Dân tộc giải phóng VN thành chính phủ lâm thời nước VNDCCH - 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập tại quảng trường Ba Đình (HN) <i>* Nội dung bản Tuyên ngôn</i> - Tuyên bố độc lập, khai sinh ra nước VNDCCH... - Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập của toàn thể DTVN => Ngày 2/9, mãi trở thành ngày Hội lớn, vẻ vang nhất của LS dân tộc ta.
* Hoạt động 2: Nhóm Chia lớp thành 4 nhóm Nhóm 1,2: tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi Nhóm 3,4: tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử + Nguyên nhân chủ quan? + Nguyên nhân khách quan? - HS trả lời: từng nguyên nhân. - GV: yêu cầu HS phân tích từng nguyên nhân, các em khác bổ sung, GV phân tích bổ sung và chốt ý.	V. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng Tám năm 1945 1. Nguyên nhân thắng lợi -Nguyên nhân chủ quan: +Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, khi Đảng kêu gọi, cả dân tộc nhất tề đứng lên. +Sự lãnh đạo của Đảng CSDD, đứng đầu là Chủ tịch HCM: với đường lối đúng đắn, sáng tạo, chuẩn bị chu đáo, nhanh chóng chớp thời cơ.

- GV hỏi tiếp: <i>Trong 2 nguyên nhân (CQ, KQ nguyên nhân nào quyết định nhất? vì sao?</i> -HS: suy nghĩ trả lời... - GV: phân tích thêm và chốt chuyên mục Nguyên nhân chủ quan là quyết định nhất, nguyên nhân khách quan là quan trọng ... - <i>Ý nghĩa lịch sử của CMT Tám?</i> + Đối với dân tộc? + Đối với thế giới? -GV: <i>Theo em ý nghĩa nào quan trọng hơn?</i> - HS thảo luận, trả lời... - GV chốt ý: Ý nghĩa đối với đất nước là quan trọng nhất, mở đầu kỷ nguyên mới - độc lập, tự do. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội. Đảng CSDD trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện cho những thắng lợi về sau	-Nguyên nhân khách quan: Quân Đồng Minh đánh thắng phát xít → tạo thời cơ cho ND ta giành chính quyền. 2. Ý nghĩa lịch sử * Đối với dân tộc: - Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta: Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp, Nhật, lật nhào chế độ PK ngót 10 thế kỉ; nước VNDCCH ra đời, NDLD làm chủ. - Mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc: độc lập tự do; nhân dân lao động nắm CQ; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội. - Đảng CSDD trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện cho những thắng lợi về sau. * Đối với thế giới: - Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa PX, làm suy yếu CNĐQ. - Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, ảnh hưởng to lớn đến Miên và Lào.
* Hoạt động 3: Tập thể -GV:<i>Sự thành công của CM tháng Tám để lại những bài học kinh nghiệm quý báu gì ?</i> -HS thảo luận: Lấy ví dụ để chứng minh những bài học kinh nghiệm... - GV: bổ sung, chốt kết luận, kết thúc bài.	3. Bài học kinh nghiệm - Đảng có đường lối đúng đắn, nắm bắt tình hình TG → chủ trương, biện pháp phù hợp. - Tập hợp rộng rãi các lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất - trên cơ sở liên minh công - nông vững chắc, phân hoá kẻ thù cao độ. - Kết hợp ĐT chính trị với ĐT vũ trang, k/n từng phần, <u>chớp thời cơ</u> phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

3. Hoạt động luyện tập:

- Nắm được bối cảnh lịch sử PTGPDT (1939-1945).
- Nêu được nội dung cơ bản của HNBCHTUW 11/1939 và 5/1941.
- Những công tác chuẩn bị cho k/n vũ trang, ĐT chính trị.
- Nêu được hoàn cảnh lịch sử... chủ trương của Đảng trong tình hình mới: Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.

- Nhận biết về thời cơ ngàn năm có một...
- Nét chính diễn biến CMT 8/1945.
- Nét chính tình hình nước VNDCCH ra đời.
- Nét cơ bản tuyên ngôn độc lập 2/9/1945.

-Trình bày được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng 1945.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao HNBCHTUW 11/1939 chuyển hướng “đặt nhiệm vụ GPDT” lên hàng đầu?
- Vì sao HNBCHTUW 5/1941, hoàn thành chuyển hướng “đặt nhiệm vụ GPDT” lên hàng đầu?
- Vì sao nói Từ 15/8 đến 28/8/1945 là thời cơ ngàn năm có một?
- Vai trò của CTHCM đối với thắng lợi CM tháng 8/1945.
- Vì sao 2/9/1945, là ngày Hội lớn của toàn dân tộc?
- Vì sao Đảng lãnh đạo là nguyên nhân quan trọng nhất đối với thắng lợi CM tháng 8/1945?
- Vì sao chớp thời cơ k/n giành thắng lợi là 1 bài học quan trọng trong thắng lợi CM tháng 8/1945.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
 - +Học bài.
 - + Suu tầm tranh ảnh, tài liệu về Phong trào GPDT 1939-1945.
- Tìm hiểu bài mới:

Bài 17 : NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ TỪ SAU NGÀY 2 - 9 - 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 - 12 – 1946 (Tiết 1- phần I &II).

- + Những thuận lợi và khó khăn của nước VNDCCH sau cách mạng tháng Tám
- + Biện pháp để giải quyết tình thế "Ngàn cân treo sợi tóc", của CT Hồ Chí Minh.
- + Suu tầm tranh ảnh, phim , tư liệu liên quan.

TÊN BÀI DẠY: Chương III. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954 .

Bài 17. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ TỪ SAU NGÀY 2 - 9 - 1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19 - 12 – 1946.

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I- MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Những thuận lợi cơ bản cũng như khó khăn to lớn của nước ta trong năm đầu sau cách mạng tháng Tám.

- Sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, thực hiện những chủ trương và biện pháp xây dựng chính quyền bảo vệ thành quả cách mạng.

2. Kỹ năng :

Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước sau cách mạng tháng Tám và nhiệm vụ cấp bách trong năm đầu của nước VNDCCH.

3. Thái độ :

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, niềm tự hào dân tộc.

4. Năng lực hướng tới:

HS hiểu được tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" là gì, phương cách giải quyết của Đảng, CP và Bác Hồ lúc bấy giờ: nhảy bèn và mềm dẻo. Đảng và nhà nước ta đã vận dụng như thế nào trong công cuộc XD và phát triển đất nước hiện nay?

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Một số tư liệu:

+Hình ảnh nạn đói cuối 1944 đầu 1945...; một số phim về quân đồng minh vào VN, phim ảnh về giặc đốt, giặc đói, tình hình tài chính...

+Tranh ảnh liên quan khác...

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, vở soạn. Bài chuẩn bị theo nhóm...

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh về nạn đói cuối năm 1944-đầu 1945, Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: nạn đói ...GV tiếp tục mời các em khác bổ sung.

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Ngay sau khi ra đời, nước VNDCCH phải đối mặt trước những khó khăn chồng chất, đặt cách mạng vào tình thế "Ngàn cân treo sợi tóc". Đảng, chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải quyết vấn đề đó như thế nào? Kết quả ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 27.

Mục tiêu, phương thức	Nội dung cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân. - GV yêu cầu HS đọc phần I và trả lời câu hỏi: <i>Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945 có những khó khăn gì?</i> - HS trả lời, bổ sung, GV chốt ý và ghi bảng. - GV cho HS xem một số hình ảnh về nạn đói ở Bắc bộ và Bắc Trung bộ cuối 1944, đầu 1945. <i>-GV: Âm mưu của lực lượng đế quốc và các tổ chức, đảng phái trong nước?</i> - HS trả lời, bổ sung, GV chốt ý và ghi bảng. <i>-GV: Em hãy trình bày Những khó khăn của một nước vừa thoát khỏi ách thống trị của chế độ phong kiến, thực dân?</i> - HS trả lời, bổ sung, GV chốt ý và ghi bảng. <i>-GV:Theo em, khó khăn nào là lớn nhất? Tại sao nói nước VNDCCH đang đứng trước tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc”?</i>	I . Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám 1945: a. Khó khăn : * Chính trị: - Sau cách mạng tháng Tám, lực lượng đế quốc đông, mạnh vào nước ta với danh nghĩa quân Đồng minh +Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc : 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc kéo vào + Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam : Quân Anh vào, dọn đường cho Pháp quay trở lại xâm lược . + 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp, tiến hành những hoạt động chống phá ta - Theo sau chúng là bọn tay sai phản động"Việt Quốc", "Việt Cách" Đại việt,Torôkit.. → Âm mưu thủ tiêu thành quả cách mạng, chính quyền cách mạng . - Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, lực lượng vũ trang còn non yếu . * Kinh tế, tài chính: - Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chiến tranh tàn phá nặng nề . - Ngân sách nhà nước trống rỗng... * Văn hoá- xã hội: - 90% dân số không biết chữ. - Các tệ nạn xã hội chưa giải quyết được => Khó khăn lớn nhất là ngoại xâm, nội phản . Đất nước đứng trước tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc”.
Hoạt động 2: Cá nhân.	b. Thuận lợi:

- GV: Bên cạnh những khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi cách mạng nước ta có những thuận lợi cơ bản nào? - HS trả lời, GV chốt ý ghi bảng.	*Trong nước: - Nhân dân giành quyền làm chủ, phấn khởi gắn bó với chế độ mới. - Có Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo tin tưởng tuyệt đối... * Thế giới: -Hệ thống XHCN trên TG đang hình thành... -PT GPDT phát triển mạnh đã cổ vũ, động viên nhân dân ta đấu tranh.
Hoạt động 3: Hoạt động nhóm. - GV chia lớp thành 4 nhóm + Nhóm 1 : Nêu những biện pháp và kết quả, ý nghĩa của việc xây dựng chính quyền cách mạng . + Nhóm 2 : Nêu những biện pháp và kết quả giải quyết nạn đói . + Nhóm 3 : Nêu những biện pháp và kết quả giải quyết nạn đói . + Nhóm 4 : Nêu những biện pháp và kết quả giải quyết khó khăn về tài chính Sau thời gian thảo luận đại diện từng nhóm trình bày , GV cho nhận xét , bổ sung , GV chốt ý và ghi bảng theo từng mục . GV lần lượt cho HS xem hình ảnh về bầu cử quốc hội khoá I , về phong trào “hũ gạo tiết kiệm” , “ngày đồng tâm” , “tuần lễ vàng” , lớp “ bình dân học vụ ” - Chú ý phân tích ý nghĩa của thắng lợi trong bầu cử quốc hội và thành lập	II. Bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn đói và khó khăn về tài chính. 1. Xây dựng chính quyền cách mạng: - 6 - 1 - 1946, tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Hơn 90% cử tri đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu - Ở các địa phương Bắc Bộ và Trung Bộ, tiến hành bầu cử hội đồng nhân dân các cấp - 2 - 3 - 1946, Quốc hội thông qua danh sách <u>Chính phủ liên hiệp kháng chiến</u> (HCM làm chủ tịch) - 9 - 11 - 1946, Quốc hội thông qua hiến pháp đầu tiên. - Lực lượng vũ trang được chấn chỉnh - 22 - 5 - 1946, Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời. => CQCM bước đầu được củng cố. 2. Giải quyết nạn đói: - Biện pháp trước mắt: Tổ chức quyên góp, phát huy tinh thần “tương thân tương ái”... - <u>Biện pháp lâu dài</u>: Tăng gia sản xuất, giảm tô, xoá bỏ những thứ thuế vô lí... => Nạn đói cơ bản bị đẩy lùi. 3. Giải quyết nạn đói:

chính quyền các cấp (Củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, biểu dương sức mạnh khối đại đoàn kết, phát huy lòng yêu nước, thể hiện quyền, nghĩa vụ của công dân. Đánh bại âm mưu chia rẽ, lật đổ của bọn phản động, đế quốc)	- 8 - 9 - 1945, Hồ Chủ tịch kí sắc lệnh thành lập “Nha bình dân học vụ”. Sau một năm, cả nước có 76 nghìn lớp học với 2,5 triệu học viên. - Các trường tiểu học, THPT và đại học phát triển mạnh, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục. => Nạn đói được đẩy lùi 4. Giải quyết khó khăn về tài chính: - Kêu gọi nhân dân đóng góp qua “quỹ độc lập”, “tuần lễ vàng”... Quyên góp được 370 kg vàng và 20 triệu đồng. - Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam - 23 - 11 - 1946 tiền Việt Nam được lưu hành. => Tình hình TC bước đầu được củng cố...
Hoạt động 4 : Cá nhân -GV:Hãy cho biết ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết các khó khăn trên là gì ? - HS: Suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung - GV: bổ sung chốt và kết thúc tiết.	* Ý nghĩa: - Đưa cách mạng nước ta vượt qua những khó khăn to lớn, đánh bại âm mưu chia rẽ, lật đổ của bọn phản động, đế quốc, củng cố và tăng cường sức mạnh của chính quyền nhà nước. - Thể hiện tính ưu việt của chế độ mới. - Cổ vũ, động viên nhân dân bảo vệ chính quyền và nền độc lập, tự do vừa mới giành được.

Tiết 30, 31 (tiếp theo bài 17)

Mục tiêu, phương thức	Nội dung cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân. -GV điểmlại tình hình Nam Bộ sau ngày cách mạng tháng Tám thành công. GV: Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược lần hai của ND Nam Bộ	III. Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản 1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ. - Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, TD Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban Nam Bộ, chính thức gây chiến tranh xâm lược VN lần thứ hai.

<i>diễn ra như thế nào ?Kết quả bước đầu của cuộc kháng chiến?</i> -GV : Bổ sung một số mẫu chuyện, tư liệu lịch sử ở giai đoạn này. - Dùng tranh ảnh minh họa.	- Quân dân Sài Gòn- Chợ Lớn và Nam Bộ nhất tề nổi dậy chống Pháp, đốt tàu Pháp, đánh kho tàng, phá nguồn tiếp tế, dựng chướng ngại vật... -Những đoàn quân "Nam tiến", vào Nam chiến đấu, ND quyên góp ủng hộ đồng bào Nam Bộ KC. => <i>Cuộc KC đã bước đầu làm thất bại kế hoạch "Đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, tạo điều kiện cho cả nước kháng chiến lâu dài</i>
Hoạt động 2: Hoạt động nhóm Chia lớp thành 3 nhóm thảo luận 4 phút <i>Nhóm 1: Chủ trương của Đảng ta đối với quân Trung Hoa Dân quốc ?</i> <i>Nhóm 2: Căn cứ vào đâu ta chủ trương hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc?</i> <i>Nhóm 3: Kết quả, ý nghĩa của chủ trương sách lược hoà hoãn?</i> <i>Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.</i> GV: bổ sung, nhận xét (Quân Đồng minh, lực lượng đông... Để thực hiện sách lược phân hoá kẻ thù...) GV: kẻ giải quyết vụ án Ô Như hầu (nếu còn thời gian) -GV : Bổ sung, chốt ý	2. Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn phản cách mạng ở miền Bắc : - Trước hoàn cảnh phải đối phó với Pháp ở Miền Nam và sự uy hiếp của quân THDQ ở miền Bắc, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tạm thời hoà hoãn, tránh cùng một lúc ta phải đối phó với nhiều kẻ thù -Ta nhân nhượng một số yêu sách kinh tế, chính trị cho quân THDQ: như tiêu tiền: "Quan kim", Quốc tệ" (mất giá), cung cấp một phần lương thực cho chúng; nhường 70 ghế trong quốc hội và 4 ghế bộ trưởng trong chính phủ (ko qua bầu cử). ;ĐCSĐD tuyên bố tự giải tán (Rút vào hoạt động bí mật) - Ta kiên quyết vạch trần âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại của bọn phản động tay sai, trừng trị theo pháp luật những kẻ phá hoại có đủ bằng chứng - Ý nghĩa: + Hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai. + Làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền CM của chúng.
Hoạt động 3: Cả lớp, cá nhân. GV : Phân tích âm mưu, thủ đoạn của quân THDQ, Pháp	3. Hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi nước ta

Dẫn thêm 1 số sự kiện. -GV: <i>Tại sao lúc này ta chủ trương đàm phán với Pháp ?</i> HS : -GV : Giải thích : Pháp lúc này còn gặp khó khăn, chưa đủ lực lượng đánh ra Bắc. Ta hoà hoãn tạm thời sẽ tránh được tình trạng phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng lúc, mượn tay Pháp để đuổi nhanh 20 vạn quân Trung hoa Dân quốc về nước ' -GV: <i>Nội dung hiệp định sơ bộ ?</i> GV : Hướng dẫn HS đọc SGK - Phân tích 1 số chi tiết quan trọng. - <i>Quan hệ Việt - Pháp sau Hiệp định sơ bộ?</i> -GV:<i>Em có nhận xét gì về chủ trương và biện pháp của Đảng, Nhà nước ta trong thời kỳ này?</i> HS : suy nghĩ trả lời GV: bổ sung, nhận xét: Chủ trương biện pháp của Đảng hết sức đúng đắn và sáng tạo, thể hiện sự mềm dẻo trong sách lược nhưng cứng rắn về nguyên tắc chiến lược. ? <i>Ý nghĩa của việc hoà hoãn với Pháp.</i> HS : Thảo luận để trả lời câu hỏi GV : Phân tích chốt ý, kết thúc bài	- 28-2-1946, Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí hiệp ước Hoa - Pháp. - Hiệp ước Hoa – Pháp đặt ND ta trước hai con đường phải lựa chọn: + Hoặc chống Pháp, không cho Pháp đổ bộ lên MB + Hoặc chủ động đàm phán, hoà hoãn với Pháp để tránh tình trạng phải đối phó với nhiều kẻ thù trong một lúc →Ta chọn giải pháp "Hoà để tiến" - Chiều 6- 3 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ ký với Pháp "Hiệp định sơ bộ". - Nội dung Hiệp định sơ bộ: + CP Pháp công nhận VNDCCH là 1 quốc gia tự do có CP, nghị viện, quân đội, tài chính riêng nằm trong khối liên hiệp Pháp. +CPVN đồng ý cho 15.000 quân Pháp được ra miền Bắc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật và rút dần trong thời hạn 5 năm. + Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam đi đến cuộc đàm phán chính thức ở Pa-ri... -Ý nghĩa: + Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống nhiều kẻ thù cùng một lúc. + Đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta. + Có thêm thời gian hoà bình để củng cố chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài. - Ta & Pháp tiếp tục cuộc đàm phán tại Phôngtennoblô nhưng thất bại→14- 9 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp bản tạm ước, tiếp tục nhượng một số quyền lợi kinh tế, văn hoá cho Pháp Để tranh thủ thêm thời gian HB chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Nắm được tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” ở nước ta”...
- Nêu được những giải pháp của Đảng, CP để giải quyết tình hình trên.
- Ý nghĩa của những giải pháp.
- Nêu được những giải pháp của Đảng, CP để giải quyết tình hình giặc ngoại xâm.
- Ý nghĩa của những giải pháp.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

Vì sao Đảng ta đã thực hiện những giải pháp giải quyết tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” hiệu quả ?

Hãy chỉ ra nghệ thuật chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc điều hành chính phủ Liên Hiệp?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.

+ Học bài.

+ Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu liên quan .

+ Hãy hoàn thành bảng thống kê dưới đây về thành tích bước đầu của công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

Lĩnh vực	Thành tích
Chính trị - quân sự	- Ngày 6 - 1 - 1946, tiến hành bầu cử Quốc hội thành công, hơn 90% cử tri cả nước đi bầu. - Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua.
Kinh tế - tài chính	
Văn hoá – giáo dục	

- Tìm hiểu bài mới:

Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950).

HS tìm hiểu các bài tập

1. Vì sao Đảng ta và CTHCM phát động cuộc kháng chiến chống Pháp? Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Pháp?
2. Kết quả và ý nghĩa Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc v.tuyên 16.

TÊN BÀI DẠY: Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh nắm được

- Hành động xâm lược trắng trợn của TD Pháp buộc Đảng, chính phủ phát động "Toàn quốc kháng chiến"
- Đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cách sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế
- Những nét cơ bản về cuộc chiến đấu trong các đô thị, và sự chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài

2. Kỹ năng :

Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, nhận định, đánh giá tình hình.

3. Thái độ :

- Giáo dục lòng căm thù thực dân Pháp
- Học tập tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất của nhân dân ta.
- Cũng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, chủ tịch Hồ Chí Minh.

4. Năng lực hướng tới:

HS hiểu được thời gian hòa bình không còn, nếu tiếp tục nhân nhượng TD Pháp thì sẽ vi phạm nguyên tắc độc lập dân tộc. Vì vậy cho nên ta không còn con đường nào khác phải cầm súng chống Pháp.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Một số tư liệu: Phim, tranh ảnh quân Pháp tấn công ta ở Hà Nội, File âm thanh lời kêu gọi của CTHCM trên đài phát thanh đêm 19/12/1946.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, vở soạn; tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC.

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS Pháp đàn áp ta ở Hà Nội..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về bức tranh trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

Việc ký hiệp định sơ bộ và tạm ước là sự nhân nhượng có nguyên tắc của Đảng và chính phủ ta. Nhằm tranh thủ thời gian hoà bình, tích cực chuẩn bị cho kháng chiến. Nhưng ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và tạm ước 14 - 9 - 1946, thực dân Pháp ngày càng tỏ ra trắng trợn vi phạm hiệp định, thể hiện rõ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa...Đứng trước tình hình trên thì chính phủ ta phải làm gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 18 để hiểu rõ vấn đề trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 33.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Hiểu được nguyên nhân bùng nổ KCTQ. GV: <i>Vì sao cuộc KCTQ bùng nổ?</i> HS: suy nghĩ trả lời: GV: bổ sung: Pháp đã bội ước, XL nước ta GV: <i>Em hãy cho biết những hành động bội ước của Pháp?</i> - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. GV thuyết trình: Trước hành động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, đã đặt ra cho Đảng, chính phủ ta 2 con đường lựa chọn: - Hoặc là cầm vũ khí đứng lên KC để bảo vệ độc lập tự do của tổ quốc, hoặc là cúi đầu làm nô lệ cho Pháp. GV: <i>Theo em, Đảng ta đã chọn con đường nào? Vì sao?</i> HS: suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung. -GV: bổ sung: +Đảng ta và ND ta đã lựa chọn con đường: cầm vũ khí đứng lên KC để bảo vệ độc lập tự do của tổ quốc, hoặc là cúi đầu làm nô lệ cho Pháp. +Đó là lựa chọn đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân, cũng như yêu cầu phát triển của CMVN. +Sự lựa chọn này xuất phát từ thực tế là những điều kiện tiến hành đấu tranh chính trị - ngoại giao với Pháp ko còn nữa. GV: Chuyển ý: vậy đường lối KC của Đảng ta như thế nào? Chúng ta sang mục 2. Đường lối kháng chiến của Đảng:	I. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ 1. Thực dân Pháp bội ước và tiến công nước ta. - Sau HDSB 6 - 3 – 1946 và tạm ước 14-9-46, Pháp tăng cường hễ khiêu khích tấn công ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Hải Phòng, Lạng Sơn, nhất là ở HN (12/1946) - 18 - 12 – 1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng. Nếu ko chúng sẽ hành động vào sáng 20/12/1946. → Chủ quyền độc lập dân tộc đã bị vi phạm, buộc ta phải cầm vũ khí đứng lên chống Pháp

Hoạt động 2: Trình bày nội dung cơ bản của đường lối KC chống TD Pháp. GV: Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta được thể hiện trong các văn kiện nào? HS trả lời, các học sinh khác bổ sung. GV: bổ sung: - Đọc lời kêu gọi <i>Toàn quốc kháng chiến</i> của CTHCM (19/12/1946). - Tác phẩm <i>Kháng chiến nhất định thắng lợi</i> của Tổng bí thư Trường Chinh (9 – 1947): nêu rõ tính chất, mục đích, nội dung, phương châm của cuộc KC chống TD Pháp. GV: giải thích đường lối kháng chiến, sau đó nêu câu hỏi: Tại sao phải kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh? HS: suy nghĩ trả lời GV: bổ nhận xét, chốt lại.	2. Đường lối kháng chiến của Đảng: - Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta được thể hiện trong các văn kiện: + Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của BTVTW Đảng (12/12/1946) + Lời kêu gọi <i>Toàn quốc kháng chiến</i> của CTHCM (19/12/1946). + Tác phẩm <i>Kháng chiến nhất định thắng lợi</i> của Tổng bí thư Trường Chinh (9 – 1947) → Nội dung đường lối kháng chiến chống Pháp: Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
Hoạt động 3: Trình bày được cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân ta ở thủ đô HN và các đô thị Bắc vĩ tuyến 16. Thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng và chính phủ, ta bắt đầu phát động cuộc chiến đấu đầu tiên ở các đô thị. GV nên trình bày cuộc chiến đấu 60 ngày đêm ở Hà Nội. Chuyển: Cuộc chiến đấu ở các đô thị ta đã giành một số kết quả, tạo điều kiện tích cực cho cuộc chiến đấu lâu dài của nhân dân ta. GV: Vì sao ta phải tiến hành cuộc kháng chiến ở các đô thị trước? HS: suy nghĩ trả lời vì có ý nghĩa rất lớn:	II. Cuộc chiến đấu ở các đô thị và việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. 1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 - Ở Hà Nội: khoảng 20 giờ ngày 19/12/1946, cuộc chiến đấu bắt đầu: nhân dân khiêng bàn, tủ... làm chướng ngại vật Trung đoàn thủ đô được thành lập, đánh địch quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, chợ Đồng Xuân, Nhà Bưu điện...sau 2 tháng chiến đấu quân ta rút ra căn cứ an toàn (2/1947). - Ở các đô thị như Bắc Giang, Bắc Ninh, Vinh, Huế, Đà Nẵng...quân dân ta bao vây, tiến công, tiêu diệt địch. - Ý nghĩa: Tiêu hao một bộ phận địch, giam chân địch trong thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Tiêu hao một bộ phận địch, giam chân địch trong thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến lâu dài <i>GV: Hướng dẫn HS đọc thêm phần 2: HS biết được sự chuẩn bị mọi mặt của ta cho cuộc KC lâu dài.</i>	2. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài
---	---

Tiết 34. Tiếp theo bài 18.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: Cá nhân <i>-GV: Âm mưu của Pháp khi mở cuộc tấn công lên Việt Bắc?</i> - HS dựa vào SGK trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt. <i>-GV: Sử dụng lược đồ Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 để trình bày việc triển khai kế hoạch tiến công lên Việt Bắc của Pháp</i> <i>-GV: Cho học sinh trình bày diễn biến trên bản đồ</i> <i>-GV: Cho biết kết quả và ý nghĩa của chiến dịch?</i> - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. loại khỏi vòng chiến đấu 6.000 tên, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô...	III. <u>Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 và việc đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện</u> 1. <u>Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947</u> a. <u>Âm mưu của Pháp:</u> Tấn công lên Việt Bắc nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh - 7 - 10 - 1947 Pháp huy động 12.000 quân mở cuộc tiến công lên Việt Bắc b. <u>Chủ trương của ta và diễn biến chiến dịch:</u> * <u>Chủ trương của ta:</u> Phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp * <u>Diễn biến:</u> - Ở Bắc Kạn, Chợ Mới, địch vừa nhảy dù đã bị ta tiêu diệt, 11/1947, địch rút ở Chợ Đồn, chợ mới. - Trên mặt trận hướng Đông, ta phục kích tại đèo Bông Lau, tiêu diệt đoàn xe cơ giới của địch - Trên mặt trận hướng Tây: sông Hồng Lô, ta đánh địch tại Đoan Hùng, Khe Lau... - 19 - 12 - 1947, Pháp rút khỏi Việt Bắc c. <u>Kết quả, ý nghĩa:</u> - Đập tan cuộc tấn công của Pháp lên Việt Bắc... cơ quan đầu não KC an toàn, bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành.

-GV:<i>hướng dẫn HS đọc thêm: mục 2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện</i>	- Đánh bại kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta <u>2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện</u> <i>(hướng dẫn HS đọc thêm)</i>
Hoạt động 2: Nhóm <i>GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận 4 vấn đề trong thời gian 4 phút. Thứ tự Đại diện các nhóm trình bày</i> <i>-Nhóm 1. Bước sang 1950 hoàn cảnh quốc tế có ảnh hưởng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?</i> - HS: trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. GV có thể Kể chuyện chị Rây Mông Diêng, Anh Hăng ri Mác Tanh <i>-Nhóm 2: Đề đối phó với hoàn cảnh bất lợi, TD Pháp thực hiện âm mưu gì đối với cách mạng nước ta?</i> - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. <i>-Nhóm 3: Tại sao Đảng ta chủ động mở chiến dịch Biên giới?TRình bày diễn biến CD trên lược đồ.</i> - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. Sử dụng bản đồ để tường thuật diễn biến (mời HS trình bày) -GV: +Chú ý phân tích nghệ thuật quân sự của Đảng. + Kể chuyện một số tấm gương chiến đấu quên mình trên mặt trận biên giới... <i>- Nhóm 4: Hãy cho biết Kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới?</i>	<u>IV- Hoàn cảnh lịch sử mới và chiến dịch thu – đông 1950</u> 1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến - 1/10/1949 nước CHND Trung Hoa ra đời, tạo điều kiện cho CMVN liên lạc với LX - XHCN - 1/1950 các nước XHCN đặt quan hệ ngoại giao với ta - Mỹ từng bước can thiệp sâu vào chiến tranh ĐD → Được sự đồng ý của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Rove, chuẩn bị tấn công Việt Bắc lần thứ hai để nhanh chóng kết thúc chiến tranh 2. <u>Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950</u> - 6/1950 Đảng, chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới * <u>Mục đích:</u> - Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông đường sang TQ và thế giới - Mở rộng và củng cố căn cứ địa V.Bắc * <u>Diễn biến:</u> - 16/9/1950 ta đánh cụm cứ điểm Đông Khê - 18/9 ta tiêu diệt hoàn toàn →Cao Bằng bị cô lập, Thất Khê bị uy hiếp →Pháp phải rút khỏi Cao Bằng - Ta bố trí mai phục, chặn đánh địch trên đường 4, phá tan kế hoạch rút quân của chúng →22/10/1950 đường 4 được giải phóng - Kết hợp các chiến trường khác: Tây Bắc, Nam Bộ ,Khu 5, BTT ta đẩy mạnh hoạt

- HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, Ta tiêu diệt hơn 8.000 tên địch cuối cùng GV nhận xét, chốt và kết thúc tiết dạy	động, kìm chế địch, không cho chúng tiếp viện cho Biên giới * <u>Kết quả, ý nghĩa:</u> - Giải phóng biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân - Chọc thủng hành lang Đông - Tây, phá thế bao vây của địch cả trong lẫn ngoài đối với Việt Bắc, khai thông biên giới Việt - Trung - Ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nắm được bối cảnh lịch sử sau hiệp định sơ bộ 6/3 và tạm ước 14/9/1946.
- Nêu được nội dung cơ bản của của đường lối KC của ta.
- Nêu được hoàn cảnh lịch sử, âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả ý nghĩa của CDVB thu - đông 1947.
- Nêu được hoàn cảnh lịch sử MỐI, âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả ý nghĩa của CDBG thu - đông 1950.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao Đảng ta phát động KC toàn quốc chống thực dân Pháp?
- Phân tích, chứng minh đường lối KC của Đảng ta để thấy được tính: *Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.*
- Vì sao sau chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, thực dân Pháp chủ trương “đánh lâu dài” với ta?
- Vì sao năm 1950, ta chủ động mở chiến dịch Biên giới?
- Chỉ ra nghệ thuật quân sự của 2 CD trên.
- Nêu và kể về một số tấm gương anh hùng trong 2 chiến dịch.
- Tại sao ta khẳng định từ Việt Bắc thu - đông 1947 đến Biên giới thu - đông 1950 là một bước phát triển của cuộc kháng chiến?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- + Học bài.
- + Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu 2 chiến dịch: VB thu đông 1947, Biên giới thu đông 1950.
- Bài mới:

Bài 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953). Tìm hiểu một số nội dung sau:

- + Âm mưu mới của Pháp- Mỹ
- + Nội dung, ý nghĩa của ĐH II của Đảng

+ Biện pháp củng cố hậu phương, phát triển kháng chiến từ sau 1950

TÊN BÀI DẠY: Bài 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Lí do Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương; nét chính của kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xinhi.
- Nội dung và ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.
- Những thành tựu chính trong công tác xây dựng hậu phương từ sau chiến thắng Biên giới thu-đông 1950

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng tranh, ảnh, lược đồ lịch sử, những đoạn trích dẫn để nhận thức lịch sử.
- Kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử.

3. Thái độ :

- Củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.
- Biết ơn, trân trọng sự ủng hộ quý báu của bè bạn quốc tế đối với nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Có thái độ căm thù thực dân Pháp và can thiệp Mỹ xâm lược nước ta.

4. Năng lực hướng tới:

Biết được sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta đã đưa cuộc KC của dân tộc có những bước phát triển như thế nào.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951)
- Các đại biểu dự Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh- Liên Việt
- Bảng thống kê các chiến dịch trong những năm 1951-1953.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước bài ở nhà và trả lời các câu hỏi cuối các mục trong bài.
- Lập bảng thống kê các chiến dịch trong mục IV: tên chiến dịch, thời gian, diễn biến, kết quả và ý nghĩa.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh ĐH II..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951)...

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Với thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, ta đã giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc bộ. Bước sang giai đoạn 1951-1953, cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức được đẩy mạnh. Trước tình hình đó Đảng và Bác Hồ đã lãnh đạo quân và dân ta kháng chiến và phát huy quyền chủ động chiến lược ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
-HD1: <i>Biết được sau cd Biên giới thu-đông 1950, Mỹ can thiệp sâu vào chiến trường ĐD.</i> -GV: <i>Những hành động nào chứng tỏ Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương?</i> - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. - Tăng cường viện trợ cho Pháp: Từ 52 tỉ phrăng (1950) chiếm 19% ngân sách lên 555 tỉ phrăng (1954) chiếm 73% GV: <i>Vì sao Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương?</i> - HS suy nghĩ trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại.	<u>I. Thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương</u> 1. <u>Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh</u> - 23 - 12 - 1950, Mỹ ký với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương. - 9 - 1951 Mỹ ký với Bảo Đại “HƯ’ hợp tác kinh tế Việt-Mỹ”, tích cực viện trợ cho Pháp → Mỹ từng bước can thiệp sâu nhằm thay chân Pháp ở Đông Dương
HD2: <i>Trình bày được âm mưu và hành động của Pháp Mỹ: Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.</i> Sau thất bại ở Biên giới, Pháp vẫn tìm cách để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh. Được sự giúp đỡ của Mỹ, 12-1950, Pháp thông qua kế hoạch Đờ lát đơ Tátxinhi.	<u>2. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi</u> - Cuối 1950, Pháp đề ra kế hoạch Đờlát đơ Tatxinhi. * Nội dung:

GV: Yêu cầu một HS đứng dậy đọc nội dung 4 điểm trong SGK. GV: Nội dung cơ bản của kế hoạch Đờlát đơ Tatxinhi? +Giữ vững vùng đông dân nhiều của... +Giành lại quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc bộ→phản công và kết thúc chiến tranh. GV: Hậu quả của kế hoạch Đờlát đơ Tatxinhi? - HS suy nghĩ trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại, chuyển mục.	+ Tập trung quân Âu - Phi xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển nguy quân + Lập tuyến phòng thủ "Boong ke", "Vành đai trắng" quanh trung du, ĐBBB +Tiến hành "chiến tranh tổng lực", bình định vùng tạm chiếm... + Đánh phá hậu phương của ta bằng biệt kích, gián điệp, thổ phỉ; kết hợp oanh tạc bằng phi pháo với chiến tranh tâm lý và chiến tranh kinh tế →Làm cho cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp được đẩy lên quy mô lớn→ gây khó khăn cho cuộc kháng chiến của ta.
HD 3: Trình bày được nội dung và ý nghĩa Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951). Do hoàn cảnh đặc biệt sau cách mạng Tháng Tám, ĐCSĐD đã tuyên bố tự giải tán (11 - 1945), nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật và quyền lãnh đạo của Đảng lúc này vẫn được giữ vững. Do yêu cầu của tình hình mới đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đưa Đảng ra hoạt động công khai. GV: ĐH đã có những quyết định gì? - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại. GV: Việc đưa đảng ra hoạt động công khai có ý nghĩa gì? - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét, chốt lại.	II. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951). - Từ 11 đến 19 - 2 - 1951, ĐH đại biểu lần thứ II của Đảng họp ở Xã Vinh Quang (Chiêm Hoá- Tuyên Quang) * Nội dung: - ĐH đã thông qua Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình và Bàn về cách mạng Việt Nam do Trường Chinh trình bày: Xác định nhiệm vụ của CMVN là đánh đuổi đế quốc, giành độc lập; xoá bỏ tàn tích phong kiến, thực hiện người cày có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân... - Thảo luận và quyết định nhiều chính sách về xây dựng và củng cố chính quyền, quân đội, mặt trận... - Tách ĐCS ĐD và thành lập ở mỗi nước VN, Miên, Lào một ĐCS riêng.

GV: <i>Nêu ý nghĩa lịch sử của ĐH?</i> - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung, cuối cùng GV nhận xét chuyển mục	- Đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. - Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới: xuất bản báo Nhân dân làm cơ quan ngôn luận của TW Đảng. - Bầu BCH TW Đảng và Bộ Chính trị: Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng và Trường Chinh làm Tổng Bí thư. * Ý nghĩa: ĐH II đã thể hiện bước trưởng thành của Đảng ta, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, thúc đẩy cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.
HD4: <i>Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc XD kinh tế, c/trị, VH-GD, y tế; ý nghĩa.</i> Theo nhóm Nhóm 1: Nêu những quyết sách về chính trị? Nhóm 2: Nêu các thành tựu về mặt kinh tế? Nhóm 3: Nêu các thành tựu về mặt văn hoá, giáo dục, y tế? Nhóm 4: Nêu ý nghĩa của những thành tựu trên? - ĐH đã bầu chọn 7 vị anh hùng: - Năm 1953, vùng tự do từ liên khu IV trở ra đã sx 2,7 triệu tấn thóc, 65 vạn tấn hoa màu, 3 500 tấn vũ khí đạn dược, cung cấp tạm đủ về thuốc men, quân trang, quân dụng. - Đến 1952, ở Việt Bắc, III, IV, V có trên 1 triệu học sinh phổ thông, 14 triệu người thoát nạn mù chữ. - Phong trào bài trừ mê tín dị đoan. - Các bệnh viện, bệnh xá, phòng y tế, trạm cứu thương được xây dựng → ý nghĩa: Xây dựng hậu phương vững mạnh và xây dựng nền móng cho chế độ mới từ trong khối lửa chiến tranh. GV hướng dẫn HS nắm nét chính các CD Trung Du và ĐB Bắc Bộ (cuối 1950-giữa năm 1951); CD Hòa Bình đông –xuân 1951-1952; CD Tây Bắc	III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt. * Chính trị: - 7 - 3 - 1951, Thống nhất MTVM và Hội Liên Việt thành MT Liên Việt. - 11 - 3 - 1951, thành lập liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào. - 1 - 5 - 1952, Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc, biểu dương 7 anh hùng (Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa và Hoàng Hanh). * Kinh tế: - 1952, Mở rộng cuộc vận động LĐ sản xuất và thực hành tiết kiệm. Năm 1953, vùng tự do SX được: 2.757.000 tấn thóc. - TCN và CN đáp ứng được n/cầu về công cụ SX và những mặt hàng thiết yếu, thuốc men, quân trang, quân dụng. - Đầu năm 1953, ta thực hiện triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất ở vùng tự do Thái Nguyên, Thanh hóa. - Chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng, thương nghiệp * Văn hoá, giáo dục, y tế - Tiếp tục thực hiện cuộc cải cách giáo dục từ năm 1950 đến 1952, đến 1952 có 1 triệu HSPT, khoảng 14 triệu dân thoát nạn mù chữ...

<i>thu-đông; CD Thượng Lào xuân –hè 1953.</i>	- Văn nghệ sĩ thâm nhập mọi mặt của cuộc sống, sản xuất, chiến đấu - Các hđ Y tế được phát triển vệ sinh phòng bệnh, bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện đời sống mới. IV. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên chiến trường (<i>hướng dẫn HS đọc thêm</i>)
---	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu được những biểu hiện việc Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương.
- Nêu được Nội dung cơ bản của Đại Hội Đại Biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng.
- Nêu được nét chính sự phát triển của cuộc KCTQ (1951-1953)

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào ĐD?
- Vì sao Đại Hội Đại Biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng diễn ra trong thời gian này?
- Ý nghĩa lớn nhất của Đại Hội Đại Biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng là gì?
- Kể tên 7 anh hùng trong Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc diễn ra 1 - 5 – 1952. Kể một số câu chuyện về các anh hùng mà em biết.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
 - + Học bài cũ và lập niên biểu những thắng lợi tiêu biểu của quân và dân ta trên các mặt trận quân sự, chính trị - ngoại giao, kinh tế, văn hoá-giáo dục từ sau thu-đông 1950 đến trước đông-xuân 1953 -1954.
- Bài mới:
 - Đọc phần I, II bài 20 và sưu tầm các tranh ảnh.
 - Nghiên cứu 2 lược đồ hình 53: Hình thái chiến trường trong đông-xuân 1953-1954.

TÊN BÀI DẠY: Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DẪN PHÁP KẾT THÚC (1953- 1954)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I- MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Âm mưu của Pháp - Mỹ trong kế hoạch Nava
- Nét chính về diễn biến và tác dụng của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đối với cuộc kháng chiến chống Pháp

2. Kỹ năng :

Rèn luyện thao tác phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện ,đọc bản đồ chiến sự

3. Thái độ :

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn , làm tăng thêm lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

4. Năng lực hướng tới:

Biết được sự lãnh đạo tài tình của Đảng ta đã đưa cuộc KC của dân tộc có những bước phát triển như thế nào.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bản đồ Đông Xuân 1953-1954, tranh ảnh liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu trước bài mới.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh tướng Na va..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: tướng Na va....

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Năm 1953 Đảng đã quyết định mở cuộc tiến công Đông Xuân 1953-1954 nhằm phân tán lực lượng của địch ở Bắc Bộ, với thắng lợi đạt được ta chủ động mở chiến dịch Điện Biên Phủ quyết định số phận của Pháp ở Đông Dương.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 37.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Trình bày và phân tích bối cảnh lịch sử, âm mưu, thủ đoạn mới của TD pháp và can thiệp Mĩ trong k/h Nava. GV: Vì sao, Kế hoạch Nava ra đời? HS: HS suy nghĩ để trả lời - Pháp gặp nhiều khó khăn ... - Dựa vào Mĩ để tìm thắng lợi, kết thúc chiến tranh trong danh dự	I. Âm mưu mới của Pháp - Mĩ ở Đông Dương: Kế hoạch Nava - Sau 8 năm tiến hành CTXLVN, Pháp thiệt hại ngày càng lớn, loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn quân, ngày càng lâm vào thế bị động trên chiến trường.... - Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào chiến trường Đông dương. - 7-5 - 1953, được sự thỏa thuận của Mĩ, Pháp cử tướng Nava làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở ĐD. Na va đề ra kế hoạch quân sự mới.

GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận GV: Nội dung và mục đích của kế hoạch Nava? HS dựa vào SGK để trả lời Sau đó GV khắc sâu một lần nữa qua phân tích và trình bày trên lược đồ. GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận Như vậy kế hoạch Nava Pháp-Mĩ dự kiến tiến hành trong thời gian 18 tháng với mục đích “chuyển bại thành thắng” kết thúc chiến tranh trong danh dự. Âm mưu của Pháp Mĩ có thành công hay không chúng ta sang tiếp tục tìm hiểu phần II của bài...	- Kế hoạch Na va chia thành hai bước: +Bước 1: thu-đông 1953-xuân 1954: Giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông dương, <i>giành lấy nguồn nhân lực vật lực; xóa bỏ vùng tự do LK V, đồng thời ra sức mở rộng nguy quân</i>, tập trung binh lực xây dựng quân đội cơ động chiến lược mạnh. +Bước 2: thu-đông 1954: Chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược cô giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng - Từ thu-đông 1953, Na va tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn cơ động /84 tiểu đoàn toàn ĐD. Tiến hành càn quét, bình định vùng chiếm đóng, mở các cuộc tiến công lớn.
Hoạt động 2: <i>Tình bày được diễn biến cuộc tiến công chiến lược Đ-Xuân 1953-1954 theo lược đồ, hiểu rõ được cuộc tiến công bước đầu làm phá sản k/h Nava</i> -GV: Để đối phó với kế hoạch Nava, ta có chủ trương gì? HS dựa vào SGK để trả lời Cuối tháng 9/1953, Bộ CTBCHTW Đảng họp tại Việt Bắc để bàn k/h quân sự trong đông-xuân 1953-1954. ta chủ trương : GV: Nhận xét, bổ sung, kết luận -GV: Em có nhận xét gì phương hướng chiến lược của ta? - HS:Điều khiển địch, buộc chúng phân tán theo kế hoạch của ta HS dựa vào SGK để trả lời -GV : Nhận xét, trình bày diễn biến trên bản đồ.	II. Cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 1. Cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. * Chủ trương, kế hoạch của ta. - Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào <i>những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu</i> nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai =>buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng ko thể bỏ. - Do địch phải phân tán lực lượng mà tạo điều kiện thuận lợi tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng. *Các cuộc tiến công chiến lược: - Tháng 12/1953, bộ đội ta tiến công giải phóng Lai Châu, P buộc phải điều quân tăng cường cho ĐBP, biến ĐBP trở thành nơi tập trung quân thứ 2...

GV: <i>Em có nhận xét gì về kết quả đạt được trong đông – xuân 1953-1954?</i> GV gợi ý : <i>Điểm then chốt của kế hoạch Nava?</i> HS suy nghĩ để trả lời - Tập trung quân...ta phá thế tập trung <i>Như vậy với cuộc tiến công đông – xuân 1953-1954, Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi lớn ở Điện Biên Phủ</i>	- Đầu tháng 12/1953, Liên quân V-Lào t/c Trung Lào giải phóng Thà Khết, uy hiếp Xavannakhét và Xê nô buộc chúng phải tăng quân cho Xê nô biến nơi đây trở thành nơi tập trung quân thứ 3... - Tháng 1/1954, liên quân Lào -Việt tiến công địch ở thượng Lào, GP lưu vực sông Nậm Hu và tỉnh Phongxali, buộc Pháp tăng quân cho Luôngphabăng và Mường Sài, Luôngphabăng và Mường Sài trở thành nơi tập trung quân thứ 4... -Tháng 2/1954, ta GP thị xã Kontum, uy hiếp Playku, địch phải tăng cường lực lượng cho Playku, Playku trở thành nơi tập trung quân thứ 5... - Ở vùng sau lưng địch, ta đẩy mạnh chiến tranh du kích → địch phải phân tán lực lượng để đối phó <i>* Ý nghĩa : Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản, tạo điều kiện cho ta giành thắng lợi lớn ở Điện Biên Phủ</i>
--	---

Tiết 38. tiếp theo bài 20

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân -GV: <i>Tại sao trong thế bị động, Nava quyết định chọn ĐBP làm nơi chấp nhận một trận quyết chiến chiến lược?</i> -HS: Suy nghĩ trả lời? -GV: <i>Để phá tan âm mưu của địch, ta có chủ trương gì?</i> HS: nghiên cứu SGK trả lời: Đầu tháng 12-1953, Bộ CTTW Đảng thông qua k/h tác chiến của Bộ tổng tư lệnh quyết định mở CD ĐBP. GV: bổ sung thêm về công việc chuẩn bị của ta: huy động 1L. lượng lớn: 4 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công pháo, nhiều tiểu đoàn công binh, thông tin, vận	II. Cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 1. Cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. 2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954, ĐBP Vị trí chiến lược quang trọng... <i>* Âm mưu của địch:</i> ĐBP có vị trí chiến lược quan trọng → Xây dựng ĐBP thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương: gồm 3 phân khu, 49 cứ điểm, 16.200 quân, trang bị hiện đại nhất Đông Nam Á...

tải, quân y...với tổng số 55.000 quân. Hàng chục nghìn tấn vũ khí đạn dược, 27.000 tấn gạo, 628 ô tô tải, 11.800 thuyền bè, 21.000 xe đạp, hàng nghìn xe ngựa, trâu bò...chuyển ra mặt trận. Tích hợp môn văn: Dốc Pha Đin anh gánh chị thò Đèo lũng Lô anh hò chị hát -> Tinh thần chuẩn bị cho cuộc KC hằng say sôi nổi, ko quân khó khăn gian khổ... *Chủ trương của ta: Quyết tâm đập tan tập đoàn cứ điểm ĐBP Phương châm cách đánh: Từ “Đánh nhanh, thắng nhanh” sang “Đánh chắc, tiến chắc” Cuộc chiến đấu giữa Hồ và Voi như thế nào chúng ta vào phần diễn biến.	
Hoạt động 2: Trình bày diễn biến theo lược đồ, nêu kết quả, ý nghĩa của CD. -GV: Tại sao ta quyết tâm đập tan tập đoàn cứ điểm ĐBP? HS: suy nghĩ trả lời GV: Sự chuẩn bị đã hoàn tất ngày mở màn cho chiến dịch đã đến -GV trình bày diễn biến trên bản đồ - HS: theo dõi tiếp thu và ghi bài -GV: giới thiệu một số tranh ảnh Điện biên phủ.Sử dụng kiến thức liên môn: Môn văn: đọc đoạn thơ của Tố Hữu: Bài thơ: Hoan hô chiến sĩ Điện biên: 56 ngày đêm khoét núi ngủ hầm, mưa dầm cơm vắt máu trộn bùn non,gan ko núng,chí ko mòn. - GV: chiến dịch ĐBP có kết quả, Ý nghĩa gì?	*Diễn biến: chiến dịch ĐBP được chia làm 3 đợt - Đợt 1: Từ 13→17 - 3 - 1954: quân ta tấn công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc - Đợt 2: Từ 30 - 3→24 - 4 - 1954: quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như các cứ điểm: E1, D1, C1, A1,...bao vây chi cắt địch. - Đợt 3: Từ 1→7 - 5 - 1954: quân ta đồng loạt tiến công vào phân khu Trung tâm và phân khu Nam. →Chiều 7 - 5 - 1954 Tổng công kích vào sở chỉ huy địch bắt sống tướng Đờ Cátxtori toàn bộ, bộ chỉ huy ... *Kết quả: Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu: 16.200 tên trong đó có 1 thiếu tướng, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh *Ý nghĩa - Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, đè bẹp ý chí xâm lược của TD Pháp

-HS: suy nghĩ và kết hợp SGK để trả lời, GV bổ sung nhận xét. - Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh: Nói về thắng lợi Điện Biên Phủ CTHCM khẳng định: “Điện Biên Phủ như là một cái móc chối lợi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi CNTD lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào GPDT khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn”	- Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở ĐĐ, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi. - Là thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp
*Hoạt động 3: <i>Trình bày được nội dung cơ bản, ý nghĩa hiệp định</i> hướng dẫn HS đọc thêm: mục 1.Hội nghị Giơnevơ: HS nắm cho được 3 sự kiện - 1-1954, HN ngoại trưởng 4 nước: LX, M, A, P họp tại Béc-lin thỏa thuận triệu tập HNHB ở ĐĐ - Ngày 8-5-1954, Hội nghị Giơnevơ về ĐĐ họp. Phái đoàn CP ta do PVĐ làm trưởng Đoàn tham dự. - Ngày 21-7-1954, hiệp định Giơnevơ về ĐĐ được kí kết. GV giới thiệu về nét chính HN Giơnevơ sau đó cho các em nắm nội dung của Hiệp định.SGK hình 56... GV phân tích và yêu cầu HS trả lời 1 số câu hỏi sau: -GV: Nhận xét về nội dung của hiệp định Giơnevơ? Nội dung nào của HĐ là quan trọng nhất? Vì sao? -HS: suy nghĩ và kết hợp SGK để trả lời, GV bổ sung nhận xét. -GV:Tại sao nói thắng lợi của ta giành được ở Hội nghị chưa trọn vẹn,bị hạn chế so với thắng lợi của ta trên chiến trường? -HS: suy nghĩ và kết hợp SGK để trả lời, GV bổ sung nhận xét.	III. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương. 1.Hội nghị Giơnevơ hướng dẫn HS đọc thêm 2. Hiệp định Giơnevơ: Ngày 21-7-1954, hiệp định Giơnevơ về ĐĐ được kí kết, nội dung: -Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. - Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương. - Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực. - Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự và vũ khí nước ngoài vào ĐĐ. - Việt Nam: quân đội nhân dân VN và quân Pháp tập kết ở 2 miền Bắc – Nam, lấy vĩ tuyến thứ 17 làm ranh giới tạm thời; tiến tới

-GV: tổ chức thảo luận, mời 1 số em trình bày. GV nhận xét, bổ sung, phân tích, kết luận, tiếp tục nêu câu hỏi -GV: Hiệp định Giơnevơ có ý nghĩa gì? - HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, nhận xét và chốt.	thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sẽ được tổ chức vào 7/1956. *Ý nghĩa: - Đánh dấu thắng lợi của cuộc KC chống Pháp, buộc Pháp chấm dứt CT rút quân về nước. - Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, chiến tranh xâm lược ĐD.
---	---

* Hoạt động 1: Rút ra những nguyên nhân cơ bản dẫn đến những thắng lợi của cuộc KC chống Pháp. GV : phân tích giới thiệu sau đó hỏi : -GV? Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất, vì sao? - HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, phân tích, nhận xét và chốt. chuyển ý	IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp(1945-1954). 1. Nguyên nhân thắng lợi: * Chủ quan : - Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là CT. Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự, ngoại giao và đường lối KC đúng đắn sáng tạo. - Có chính quyền DCND, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang 3 thứ quân, có hậu phương rộng lớn vững mạnh. *Khách quan : - Có liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước ĐD. - Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Trung quốc, Liên xô, các nước DCND và các nước khác..
* Hoạt động 2: Tập thể, cá nhân : trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc KCC Pháp xâm lược. -GV: Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi có ý nghĩa lịch sử như thế nào? - HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, nhận xét và chốt. *Đối dân tộc ta:	2. Ý nghĩa lịch sử: *Đối dân tộc ta: - Chấm dứt chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị thực dân của Pháp gần 1 thế kỉ trên đất nước ta. - Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng chuyển sang cách mạng XHCN, tạo cơ sở để ND ta giải phóng hoàn toàn MN. *Đối với thế giới: - Giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của CNĐQ, góp

<i>*Đối với thế giới:</i> -GV gọi các em trả lời sau đó bổ sung và chốt ý. Kết thúc bài	phần làm góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng. -Cổ vũ phong trào GPDT các nước châu Á, châu Phi và KV MLT.
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Cho biết chủ trương của ta, kết quả, ý nghĩa lịch sử cuộc tiến công CL Đông Xuân 1953-1954?
- Trình bày nội dung cơ bản Kế hoạch Nava.
- Nêu nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao Pháp thực hiện Kế hoạch Nava, nội dung cơ bản.
- Nghệ thuật quân sự của Đảng ta khi chỉ đạo tiến công trong Đông xuân 1953-1954?
- Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, làm bài tập ở SGK.
- Bài mới : ôn tập kiểm tra học kỳ

TÊN BÀI DẠY: Chương IV. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 21

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ, nguyên nhân của việc nước ta bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.
- Nhiệm vụ của cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965.
 - + Miền Bắc: Hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng DTDCND, khắc phục hậu quả chiến tranh, thực hiện cách mạng XHCN.
 - + Miền Nam: Tiếp tục cách mạng DTDCND, chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn
- Thành tựu của miền Bắc giai đoạn 1954-1960 trong hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất và những khó khăn, yếu kém, sai lầm khuyết điểm trong quản lý xã hội ở miền Bắc.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước, nhiệm vụ cách mạng từng miền, âm mưu và thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam.

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, nhận xét các tranh, ảnh trong SGK, qua đó nhận thức lịch sử.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho học sinh lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, chính phủ, tinh thần yêu nước, yêu quê hương, tình cảm ruột thịt Bắc – Nam.

4. Năng lực hướng tới:

Biết được sau hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta bị chia thành 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm giới tuyến. Miền Bắc được giải phóng tiến hành XDCNXH; miền Nam bị Mỹ xâm lược, ND miền Nam thực hiện cuộc KCC Mĩ cứu nước.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tài liệu liên quan: phim đôi bờ giới tuyến 17; tiểu sử Ngô Đình Diệm, Ken-nơ-đi.

2. Chuẩn bị của học sinh: Vở soạn, vở ghi, sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 bức ảnh hoặc đoạn phim về đôi bờ giới tuyến 17..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: Vĩ tuyến 17, sông Hiền Lương

- GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, hiệp định Giơnevơ được ký kết, Mỹ vẫn nuôi dưỡng ý đồ kéo dài chiến tranh ĐD. Mỹ dùng chính quyền Ngô Đình Diệm phá hiệp định và can thiệp trực tiếp vào MN với ý đồ biến MN thành thuộc địa kiểu mới. Mỹ thực hiện ý đồ đó như thế nào? Tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ ra sao? MB đã đạt được những thành tựu và hạn chế gì trong bước đầu xây dựng CNXH?

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 40.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân.	I. <u>Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.</u>

GV: Sau hiệp định Giơnevơ kí kết, việc thi hành hiệp định được tiến hành như thế nào?

HS: Nêu tình hình thực hiện ở hai miền...

GV: Nhân mạnh tinh thần nghiêm túc của quân dân ta:

- Ngừng bắn, tập kết chuyên quân, chuyển giao khu vực...

- Hướng dẫn h/s quan sát hình 57 (sgk): nhân dân Hà Nội mừng đón bộ đội vào tiếp quản thủ đô để thấy không khí tràn ngập niềm vui giải phóng.

-Việt Nam – Pháp hoàn thành tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực sau thời hạn 30 ngày.

- **Nêu hành động của Pháp trước khi rút quân** : Phá hỏng một số cơ sở vật chất, công trình văn hoá của ta, cưỡng bức đồng bào công giáo di cư vào Nam...

Chốt ý: 16 - 5 - 1955 miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng

GV: Hành động của Mỹ ở MN?

HS: Dựa vào SGK trả lời

GV: bổ sung, kết luận.

- Dựng chính quyền tay sai 7 - 7 - 1954. Đưa Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng.

- Lập khối SEATO(9 - 1954) đặt MN dưới sự bảo trợ của khối này. Viện trợ kinh tế, quân sự cho Diệm

- Hành động của Diệm : Công khai tuyên bố tại Oa-sinh-tơn : "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17" Chúng ta không kí hiệp định nên trong bất cứ trường hợp nào chúng ta không bị ràng buộc bởi hiệp định".

GV: Đặc điểm tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ?

HS: Dựa vào SGK trả lời

GV: bổ sung, kết luận.

GV: Do đâu mà có tình trạng đó?

1.Đặc điểm tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ

*** Miền Bắc:**

- 10 - 10 – 1954, quân ta vào tiếp quản Hà Nội

- 1 - 1 - 1955 Trung ương Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân Thủ đô.

- 16 - 5 - 1955 toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải phòng)

→MB nước ta được hoàn toàn giải phóng

***Miền Nam:**

- Giữa 5 - 1956 Pháp rút toàn bộ quân khỏi Miền Nam khi chưa tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam-Bắc

- Mỹ từng bước thay thế Pháp, dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến MN thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Dương và Đông Nam Á.

HS: Dựa vào SGK trả lời GV: bổ sung, kết luận. Do âm mưu hành động vi phạm hiệp định của Pháp, sau đó là Mỹ và chính quyền Sài Gòn. GV: Với đặc điểm trên, nhiệm vụ đặt ra cho cách mạng Việt Nam lúc này là gì? GV hướng dẫn hs chỉ rõ: Hai miền tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược song song. Nhiệm vụ chung của CM cả nước. Mỗi quan hệ của CM hai miền...	* Nhiệm vụ của CM VN trong thời kì mới: - Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đưa MB tiến lên CNXH. - Tiếp tục cách mạng DTDCND ở MN, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước.
*Hoạt động 2: Cá nhân. GV giải thích khái niệm cải cách ruộng đất: GV: Tại sao cải cách RĐ là nhiệm vụ trước mắt của cách mạng MB? Căn cứ: - Thực tế MB ruộng đất chủ yếu trong tay giai cấp địa chủ; xuất phát từ yêu cầu quyền lợi của nông dân - Củng cố LMCN, mở rộng mặt trận DTTN . GV: Cải cách RĐ tiến hành từ khi nào? , kết quả, ý nghĩa? -Kết quả: (Số liệu sgk) -GV. giới thiệu hình 58 sgk -GV phát triển ý: Đánh đổ giai cấp địa chủ, chế độ chiếm hữu RĐ của địa chủ vĩnh viễn xoá bỏ. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ nông thôn. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực. GV: Hướng dẫn hs tìm hiểu hạn chế và việc sửa sai của Đảng, Chính Phủ .	II. <u>Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất(1954-1960)</u> 1.<u>Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1957).</u> a. <u>Hoàn thành cải cách ruộng đất .</u> - Thực hiện 2 năm (1954 – 1956) : Tiến hành tiếp đợt 6 giảm tô, 4 đợt cải cách ruộng đất ở 22 tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ. - Kết quả: Qua 5 đợt cải cách RĐ đã tịch thu, trưng thu, trưng mua 81 vạn héc ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ chia cho 2 triệu hộ nông dân. -Sai lầm: kịp thời sửa sai - Tác dụng:Bộ mặt nông thôn MB thay đổi, khối LMCN củng cố
*Hoạt động 3: GV Phần I.1.b và I.2, III.1 (hướng dẫn HS đọc thêm)	b. <u>Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.</u> 2.<u>Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội(1958-1960)</u> III. <u>Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ</u> - Diệt, giữ gìn và phát triển lực lượng

	<u>cách mạng, tiến tới “Đồng khởi” (1954-1960):</u> <u>1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm. giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954-1959)</u>
*Hoạt động 4: hoạt động nhóm Chia lớp thành 4 nhóm với 4 nội dung, tiến hành thảo luận trong 4 phút, mời đại diện nhóm trình bày Nhóm 1: Vì sao phong trào “Đồng khởi” bùng nổ? Nhóm 2: Trình bày Diễn biến PT Đồng khởi trên lược đồ? Nhóm 3: Trình bày Kết quả của phong trào “Đồng khởi”. Nhóm 4: Cho biết Phong trào “Đồng khởi” có ý nghĩa gì? Các nhóm bổ sung Giáo viên: bổ sung, nhận xét, chốt ý	<u>2. Phong trào “Đồng khởi”(1959-1960)</u> <u>a. Hoàn cảnh lịch sử:</u> - Những năm 1957-1959, Mĩ-Diệm tăng cường khủng bố PT đấu tranh của quần chúng, đề ra luật 10/59, đặt CS ra ngoài vòng pháp luật... - 1 - 1959: Hội nghị Trung ương lần XV quyết định: Để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm. <i>(Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang)</i> <u>b. Diễn biến:</u> - Ngày 17 - 1 - 1960, “Đồng khởi” nổ ra ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre) phá vỡ từng mảnh chính quyền địch. - “Đồng khởi” nhanh chóng lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên, Trung Trung Bộ. đến 1960, đã làm chủ nhiều thôn, xã ở NBộ, ven biển TBộ và Tây Nguyên. <u>c. Kết quả:</u> Cuối 1960, có 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên được giải phóng(khoảng 1 nửa hệ thống chính quyền địch ở thôn, xã trên toàn MN) <u>d. Ý nghĩa:</u> - Giáng 1 đòn mạnh vào chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chính quyền Diệm - Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam: Từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công - Từ trong khí thế đó, ngày 20 - 1 - 1960: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Phong trào “Đồng khởi” giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai họ Ngô. Đứng trước tình thế đó để đối phó với cách mạng miền Nam đế quốc Mỹ đã làm gì? Và cục diện cách mạng miền Nam (1961-1965) có bước phát triển như thế nào? Chúng ta tìm hiểu phần tiếp theo

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động: 1 cả lớp, cá nhân GV? Vì sao Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được triệu tập 9/1960? Học sinh suy nghĩ trả lời GV: cho HS nhắc lại thời gian đại hội lần 1, 2.. Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý GV: Tình hình CM hai miền Nam - Bắc đến 1960? HS: GV? Nội dung của Đại hội III của Đảng HS Học sinh trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý Sử dụng kênh hình 63 Giáo viên phân tích nội dung GV? Đại hội III có ý nghĩa gì Học sinh trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý	IV. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH (1961-1965): <u>1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)</u> * Hoàn cảnh: - Cách mạng 2 miền có những bước tiến quan trọng - Từ 5->10 - 9 - 1960: Đảng Lao động VN tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội * Nội dung: - Đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng từng miền + Cách mạng miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước + Cách mạng miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp với sự nghiệp giải phóng miền Nam + Cách mạng 2 miền có mối quan hệ mật thiết gắn bó, tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cách mạng DTDCND trong cả nước, thống nhất nước nhà - Thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ I (1961-1965) - Bầu BCH.TW mới do Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất * Ý nghĩa: Mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển trong quá trình xây dựng đường lối CM XHCN MB và đấu tranh thống nhất nước nhà.
*Hoạt động 2: cá nhân	<u>2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1961-1965):</u> - Công nghiệp:

GV? Mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ I? Kết quả đạt được của kế hoạch 5 năm lần thứ I? Học sinh trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý Sử dụng kênh hình 64, 65 để phân tích GV? Em có nhận xét về kết quả đạt được trong kế hoạch 5 năm lần thứ I? GV? Kết quả đó có tác dụng gì Học sinh trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý	+ Năm 1965 : Sản lượng CN tăng 3 lần so với 1960 + CN quốc doanh chiếm 93%, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế - Nông nghiệp: + Công trình thủy nông Bắc-Hưng-Hải được xây dựng + Nhiều hợp tác xã đạt, vượt năm 5 tấn/ha - Thương nghiệp quốc doanh chiếm lĩnh thị trường - Giao thông trong nước và quốc tế thuận lợi hơn - Hệ thống giáo dục phát triển nhanh - Y tế được đầu tư phát triển * <u>Nhận xét:</u> - Củng cố vững chắc MB, có khả năng tự bảo vệ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hậu phương với miền Nam - Làm thay đổi bộ mặt miền Bắc
*Hoạt động 3: Nhóm. Chia lớp thành 4 nhóm với 4 nội dung, tiến hành thảo luận trong 4 phút, mời đại diện nhóm trình bày	<u>V. Miền Nam chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt ” của Mỹ (1961-1965)</u> <u>1. Chiến lược “chiến tranh đặc biệt ” của Mỹ ở miền Nam</u> *<u>Hoàn cảnh ra đời:</u> - Cuối năm 1960 hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai họ Ngô bị thất bại → Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt” - Đây là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới Được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị và phương tiện chiến tranh của Mỹ. * <u>Âm mưu:</u> Dùng người Việt đánh người Việt * <u>Biện pháp:</u> (thủ đoạn) - Mỹ viện trợ quân sự cho Diệm, đưa nhiều cố vấn quân sự vào MN - Tăng cường lực lượng nguy quân, trang bị hiện đại "trục thăng vận, thiết xa vận"

Nhóm: 1. Tại sao để quốc Mỹ thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam? Nhóm: 2. "chiến tranh đặc biệt" là gì? Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" thể hiện như thế nào? Nhóm 3. Trình bày diễn biến phong trào chống chiến lược chiến tranh đặc biệt trên mặt trận chống phá áp chiến lược và quân sự? Nhóm 4. Trình bày diễn biến phong trào chống chiến lược chiến tranh đặc biệt trên mặt trận chính trị và ý nghĩa lịch sử? Các nhóm bổ sung Giáo viên: bổ sung, nhận xét, chốt ý, kết thúc bài.	-Dồn dân, lập "ấp chiến lược" coi đây là quốc sách -Hành quân, càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng -Phá hoại MB, phong toả biên giới, chặn sự chi viện vào MN *Mục tiêu: Bình định MN trong 18 tháng (k/h Stalây- Taylo) và bình định có trọng điểm MN trong 2 năm(k/h Giônxon- Mác Namara) 2. Miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ : * Trên mặt trận chống, phá áp chiến lược Ta đã phá tan kế hoạch lập ấp chiến lược của địch - Đến cuối năm 1962, trên nửa tổng số ấp với gần 70 % nông dân MN vẫn do cách mạng kiểm soát *Trên mặt trận quân sự: - 2 - 1- 1963, Chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho) đánh bại cuộc hành quân của 2.000 binh lính QĐ Sài Gòn có cố vấn Mỹ chỉ huy→ chứng minh quân và dân MN có khả năng đánh bại "chiến tranh đặc biệt" mở ra PT thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công. *Trên mặt trận chính trị: -Phong trào đấu tranh chính trị diễn ra sôi nổi, đặc biệt ở các đô thị: Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn .Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của "đội quân tóc dài" và tín đồ Phật giáo... - Phong trào CMMN làm suy yếu Chính quyền Diệm Mĩ phải làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (1/11/ 1963). - Đông Xuân (1964-1965), ta giành thắng lợi ở Bình Giã (Bà Rịa), thắng lợi ở An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước)...quân đội Sài Gòn có nguy cơ tan rã→"chiến tranh đặc biệt" <u>bị phá sản về cơ bản</u>. - Đến giữa năm 1965 "chiến tranh đặc biệt" bị phá sản hoàn toàn
---	---

	*Ý nghĩa: - Thất bại có tính chất chiến lược lần thứ 2 của Mỹ, buộc Mỹ phải chuyển sang CLCTCB, trực tiếp đưa quân Mỹ vào chiến trường MN. - Cổ vũ miền Bắc, tạo nên thế và lực mới cho cách mạng 2 miền.
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Đặc điểm nổi bật trong tình hình nước ta sau hiệp định Giơnevơ và nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới.
- Những thành tựu trong việc thực hiện hoàn thành cải cách RĐ.
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960): thời gian, địa điểm; nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử.
- Chiến lược CTĐB (1961-1965): Hoàn cảnh, âm mưu, thủ đoạn của địch, NDMN chống lại CLCTĐB...

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Bằng những sự kiện lịch sử tiêu biểu, chứng minh phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công?
- Vì sao đến Đông Xuân (1964-1965), CLCTĐB -> *bị phá sản về cơ bản*.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, làm bài tập ở SGK.
- Bài mới : Bài 22. Tìm các nội dung sau.
 - + Âm mưu thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam (1965-1968).
 - + Những thắng lợi chủ yếu của quân và dân miền Nam (1965-1968).
 - + Tìm hiểu về tổng thống Giôn xon, Nguyễn Văn Thiệu.

TÊN BÀI DẠY: Bài 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 - 1973)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Bị thất bại trong "chiến tranh đặc biệt" Mỹ chuyển sang "chiến tranh cục bộ"
- Phân biệt điểm giống và khác nhau giữa "chiến tranh đặc biệt" và "chiến tranh cục bộ"
- Quân và dân MN chiến đấu chống "chiến tranh cục bộ", thu những thắng lợi lớn ở Vạn Tường, hai mùa khô và tết Mậu Thân

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh

3. Thái độ: Giáo dục lòng căm thù quân xâm lược, biết ơn cha ông

4. Năng lực hướng tới:

Biết được âm mưu thủ đoạn CLCT cục bộ; VN hóa CT, Đông Dương hóa CT, CT phá hoại của ĐQ Mỹ, vì sao Mỹ phải nổi lại đàm phán ở Pa-ri? .

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tài liệu liên quan: phim, ảnh CLCT cục bộ; VN hóa CT, Đông Dương hóa CT, CT phá hoại của ĐQ Mỹ, Hội nghị Pa-ri.

2. Chuẩn bị của học sinh: Vở soạn, vở ghi, sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 đoạn phim về máy bay B52 rải thảm trong chiến tranh phá hoại MB..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

Dự kiến HS trả lời: Máy bay ném bom... GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Từ giữa năm 1965, Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại MB và chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam. CM nước ta bước vào thời kỳ đầy cam go, thử thách nhưng đã giành được những thắng lợi to lớn ở Vạn Tường, hai mùa khô và tết Mậu Thân, đánh bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 43

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân -GV: <i>Vì sao, Mỹ thực hiện “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam VN?</i> Học sinh suy nghĩ trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý	<u>I. Chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965-1968)</u> <u>1. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở miền Nam</u> * Hoàn cảnh lịch sử: Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, từ giữa năm 1965 Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở MN và mở rộng chiến tranh phá hoại MB * Âm mưu:

- Phân biệt điểm giống nhau và khác nhau giữa "chiến tranh cục bộ" và "chiến tranh đặc biệt" -GV: Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong "chiến tranh cục bộ"? Học sinh trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý	-Chiến tranh cục bộ là loại hình chiến tranh xâm lược thức dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân Mỹ, quân một số nước Đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn -Nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hỏa lực để áp đảo quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy quân ta trở về phòng ngự, tiến tới kết thúc chiến tranh *Thủ đoạn: - Đưa quân Mỹ và Đồng minh vào MN - Tiến hành các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào "đất thánh Việt cộng" (Vạn Tường và hai mùa khô)
*Hoạt động 2: nhóm GV giới thiệu : Bắt đầu từ 1965, khi Mỹ đưa chiến tranh phá hoại ra MB, nhân dân hai miền Nam - Bắc đều trực tiếp chống Mỹ GV chia lớp thành 4 nhóm , thảo luận trong vòng 3 phút với các nội dung cụ thể, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày và mời các nhóm khác bổ sung, GV nhận xét bổ sung và chốt nội dung của từng nhóm. <i>Nhóm 1: Tường thuật bằng lược đồ diễn biến chiến thắng Vạn Tường, Ý nghĩa chiến thắng Vạn Tường?</i> <i>Nhóm 2: Tìm hiểu trình bày diễn biến cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất của ta?</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu trình bày diễn biến cuộc phản công mùa khô lần thứ 2 của ta?</i>	<u>2. Chiến đấu chống chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ</u> - Nhân dân hai miền Nam- Bắc đã kề vai sát cánh, chiến đấu anh dũng chống lại "chiến tranh cục bộ" * Chiến thắng Vạn Tường - Tháng 8 – 1965, ta đẩy lùi cuộc hành quân của 9000 quân địch vào Vạn Tường, tiêu diệt 900 tên, bắn cháy nhiều xe tăng, xe bọc thép và nhiều máy bay -> Được coi là "Áp Bắc", mở ra khả năng thắng Mỹ; mở đầu cao trào "Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt" * Mùa khô 1965 - 1966 -Với 72 vạn quân, Mỹ mở 450 cuộc hành quân nhằm 2 hướng chính là Đông Nam Bộ và Liên khu V -> Đánh bại chủ lực Quân giải phóng, giành thế chủ động Ta: Đánh địch bằng nhiều phương thức, mọi hướng, mọi nơi - Kết quả: Loại 104.000 tên, trong đó có 42.000 quân Mỹ, 3.500 Đồng minh; bắn rơi 1430 máy bay * Mùa khô 1966 - 1967 - Với 98 vạn quân, Mỹ mở 895 cuộc hành quân nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta

Nhóm 4: Tìm hiểu nét chính Phong trào đấu tranh ở nông thôn và thành thị, ý nghĩa của PT?	- Ta loại 151.000 tên, trong đó có 68.000 quân Mỹ và 5.500 quân Đồng minh; bắn rơi 1231 máy bay * Ở nông thôn: Phong trào phá ấp chiến lược phát triển mạnh mẽ * Ở thành thị: Công nhân, học sinh, sinh viên, Phật tử... đòi tự do dân chủ, đòi Mỹ rút về nước -> Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của mặt trận DTGPMN được nâng cao trên trường quốc tế
*Hoạt động 3: Cả lớp, cá nhân -GV: Tại sao TW Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn MN vào năm 1968? Học sinh trả lời Giáo viên nhận xét, phân tích, chốt ý Ý nghĩa của cuộc tiến công? Giải thích "Phi Mỹ hoá"	3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 - Ý nghĩa: Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến, buộc Mỹ "Phi Mỹ hoá" chiến tranh, chấm dứt chiến tranh phá hoại MB, chịu đến hội nghị Pari đàm phán.

Tiết 44.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Hoạt động 1 : Cả lớp và cá nhân GV thông báo : Vai trò hậu phương miền Bắc trong chống Mỹ... Mỹ tìm cách phá hoại. PV : Mỹ gây chiến tranh như thế nào ? - HS theo dõi SGK trả lời - GV : sử dụng kiến thức liên môn địa lý sử dụng lược đồ VN, tường thuật rõ sự kiện Vịnh Bắc Bộ cho HS. -GV: vì sao Mỹ dựng lên sự kiện VBB, Sự kiện VBB phản ánh điều gì? -HS: suy nghĩ trả lời. → Mỹ : Thủ đoạn vu khống lấy cớ đánh phá miền Bắc Việt Nam. -GV yêu cầu HS theo dõi SGK ...	II. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 - 1968) 1. Mỹ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc - 5 - 8 - 1964 Mỹ dựng "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" → ném bom một số nơi ở miền Bắc (Cửa sông Gianh (QB), Vinh, Bến Thủy, Lạch Trường (Thanh Hoá), Hòn Gai (Quảng Ninh)...) - 7 - 2 - 1965 lấy cớ "trả đũa"... Mỹ đánh phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ... chính thức gây chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất đối với miền Bắc.

-PV : <i>Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong chiến tranh phá hoại?</i> -HS trả lời, bổ sung -GV phân tích, chốt ý → là một bộ phận của chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam -PV : <i>Em có nhận xét gì về tội ác của Mỹ đối với nhân dân Việt Nam ?</i> - HS trả lời. - GV bổ sung, chốt ý, minh họa thêm tội ác của Mỹ đối với nhân dân miền Bắc.	* Âm mưu : - Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở MB; ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc, từ miền Bắc vào miền Nam. - Uy hiếp tinh thần của nhân dân ta. * Thủ đoạn : - Huy động lực lượng không quân, hải quân lớn, tối tân hiện đại : B52, F111... đánh vào các mục tiêu quân sự, đầu mối giao thông, các trung tâm công nghiệp, khu dân cư, bệnh viện, trường học... - Đánh liên tục, mọi nơi mọi lúc, cường độ ngày càng tăng gây thiệt hại lớn cho ND ta.
*Hoạt động 2 : cá nhân -GV phân tích : Giao đoạn cả nước đánh Mỹ... miền Bắc chuyển từ thời bình → thời chiến. : Hai nhiệm vụ chiến lược sản xuất, chiến đấu. Hậu phương - tiền tuyến → chi viện. -PV : <i>Đánh giá vai trò hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam, Lào - Campuchia?</i> -HS trả lời. -GV bổ sung chốt ý	2. <u>Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương.</u> *Vai trò: - MB thực hiện chiến tranh nhân dân chuyển mọi hoạt động từ thời bình → thời chiến, vừa chiến đấu vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương. → đảm bảo nhu cầu đời sống quân, dân và chi viện. - Chi viện miền Nam, Lào, Campuchia tăng cường (2 tuyến đường HCM)
Hoạt động 3: Cả lớp và cá nhân -PV : <i>Hoàn cảnh ra đời của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh?</i> - HS trả lời - GV chốt ý... -PV: <i>Mỹ tiến hành chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh trong hoàn cảnh nào?</i> -HS dựa SGK trả lời.	III. <u>Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh của Mỹ (1969 - 1973) :</u> <u>1. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" của Mỹ</u> * Hoàn cảnh lịch sử: Sau thất bại chiến lược " Chiến tranh cục bộ" từ 1969 Mỹ (Ních xơn) chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Dương hóa chiến tranh" *Khái niệm : Việt Nam hóa chiến tranh được thực hiện bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không

- <i>Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược VN hoá?</i> -PV : <i>Em có nhận xét gì về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược Việt Nam hóa ?</i> →Toàn diện, dã man, thâm độc - <i>So sánh Việt Nam hóa với chiến tranh đặc biệt.?</i> - HS trả lời. - GV nhận xét , bổ sung chốt ý	quân, hậu cần Mỹ và vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn. * Âm mưu cơ bản : Dùng người Việt đánh người Việt.→ Giảm xương máu cho người Mỹ * Thủ đoạn : - Tăng viện trợ quân sự, kinh tế→ chính quyền Sài Gòn tự đứng vững → gánh vác chiến tranh (hơn 1 triệu tên). - Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, xâm lược Campuchia, Lào →hỗ trợ cho Việt Nam hóa chiến tranh. - Cấu kết với các nước lớn XHCN để cô lập cách mạng Việt nam.
Hoạt động 4 : Nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm , thảo luận trong vòng 3 phút với các nội dung cụ thể, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày và mời các nhóm khác bổ sung, GV nhận xét bổ sung và chốt nội dung của từng nhóm. Từ nhóm 1 đến nhóm 3 tìm hiểu về quân và dân ta Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Đông Dương hóa chiến tranh" của Mỹ. Nhóm 4 tìm hiểu nét chính về cuộc tiến công chiến lược năm 12. <i>Nhóm 1: Tìm hiểu nét chính về thắng lợi trên mặt trận ngoại giao và sự kiện 2/9/1969?</i> <i>Nhóm 2: Tìm hiểu về Thắng lợi trên mặt trận quân sự.</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu về Thắng lợi trên mặt trận Ở đô thị và nông thôn.</i>	2. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và "Đông Đông Dương hóa chiến tranh" của Mỹ. * Thắng lợi về chính trị, ngoại giao : - 6 - 6 – 1969, Chính phủ CMLT CHMN VN thành lập, được 23 nước công nhận, 21 nước đặt quan hệ ngoại giao - 24 -> 25 - 4 – 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Việt - Lào - Campuchia → tăng cường đoàn kết chiến đấu chống Mỹ * Thắng lợi về quân sự : - 30 - 4 -> 30 - 6 - 1970 quân đội Việt Nam + quân đội Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn Mỹ - Ngụy Sài Gòn. - 12 - 2 -> 23 - 3 - 1971 quân đội Việt Nam + quân dân Lào đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn - 719" của 4,5 vạn Mỹ - Ngụy Sài Gòn * Ở đô thị, nông thôn : Đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển mạnh, sôi nổi... phá nhiều ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng 3.Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

<i>Nhóm 4: Tìm hiểu về nét chính Cuộc tiến công chiến lược năm 1972. liên hệ mặt trận Quảng Trị 81 ngày đêm ở Thành Cổ.</i> Những thắng lợi đó đã làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta - địch, theo hướng có lợi cho ta, tạo thời cơ thuận lợi để ta mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972.	- 30 - 3 - 1972 quân ta mở cuộc tiến công chiến lược với hướng chính - Quảng Trị → phát triển rộng khắp miền Nam... * Kết quả : Ta chọc thủng 3 tuyến phòng thủ mạnh của địch : Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng hơn 20 vạn quân Sài Gòn, giải phóng những vùng đất đai rộng lớn và đông dân (tỉnh Quảng Trị) * Ý nghĩa : Giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", buộc Mỹ phải tuyên bố "Mỹ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược VN.
---	---

Phần 1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. không dạy * Hoạt động 1: Nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm , thảo luận trong vòng 3 phút với các nội dung cụ thể, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày và mời các nhóm khác bổ sung, GV nhận xét bổ sung và chốt nội dung của từng nhóm. <i>Nhóm 1: Tìm hiểu nét chính âm mưu của ĐQ Mỹ trong CT phá hoại lần 2.</i> <i>Nhóm 2: Tìm hiểu nét chính thủ đoạn của ĐQ Mỹ trong CT phá hoại lần 2.</i>	<u>IV. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và làm nghĩa vụ hậu phương (1969 – 1973).</u> <u>1. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.</u> <u>2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương.</u> * Âm mưu và thủ đoạn. - 6 – 4 – 1972, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ - 16 – 4 – 1972, Níchxơn tuyên bố chính thức tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại MB lần 2 -> Cứu nguy cho chiến lược "VN hoá chiến tranh" và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Hội nghị Pari - Cuộc chiến tranh phá hoại lần 2 có quy mô lớn hơn, tốc độ nhanh hơn, cường độ mạnh hơn, sử dụng phổ biến các loại máy bay hiện đại như: B52, F111 ... * Quân dân MB đã kịp thời, chủ động chống trả địch; vừa sản xuất vừa chiến đấu - Từ 18 – 12 → 29 – 12 – 1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng B52 vào HN, HP ... * Kết quả, ý nghĩa:
--	--

<i>Nhóm 3: Cho biết kết quả và ý nghĩa của CT phá hoại lần 2?</i> <i>Nhóm 4: Tìm hiểu về nét chính về việc miền Bắc làm nghĩa vụ hậu phương đối với miền Nam.</i>	- Trong 12 ngày đêm, quân dân MB đã bắn rơi 81 máy bay (34 B52, 5 F111), bắt sống 43 phi công, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”. - 15 – 1 – 1973 Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá MB và kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở VN (27 – 1 – 1973) - Từ 6 – 4 – 1972 đến 15 – 1 – 1973 MB bắn rơi 735 máy bay Mỹ (61 B52, 10 F111) bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công... * MB làm nghĩa vụ hậu phương: - Thời kỳ 1969 – 1972 ngoài chi viện cho MN, MB còn làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, CPC, khối lượng vật chất đưa vào chiến trường tăng 1,6 lần so với 3 năm trước. - Năm 1972 có 22 vạn thanh niên bổ sung cho lực lượng vũ trang đưa vào chiến trường...
* Hoạt động 2: cá nhân - GV đặt câu hỏi: <i>Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí trong hoàn cảnh nào?</i> - HS khai thác SGK suy nghĩ trả lời - GV nhận xét bổ sung: GV: <i>Lập trường của ta và Mỹ? Nhận xét?</i> <i>- Ý nghĩa của trận “ĐBP trên không”? liên hệ chiến thắng ĐBP 1954.</i> - GV hướng dẫn HS khai thác hình 78 SGK(<i>Lễ kí chính thức hiệp định Pari</i>) – GV miêu tả: Lễ kí được tổ chức tại trung tâm Hội nghị quốc tế Clêbe ở Pari. Ngôi nhà được tổ chức trang hoàng long lộng lẫy. Các nhà báo, các hãng truyền thanh truyền hình, điện ảnh quốc tế huy động mọi máy móc phương tiện hiện đại nhất - Sau khi miêu tả quang cảnh phòng họp, GV giới thiệu ảnh “Bộ trưởng ngoại giao VNDCCCH Nguyễn Duy Trinh kí hiệp định Pari” và ảnh “Bộ trưởng ngoại giao	<u>V. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở VN.</u> 27 – 1 – 1973 Mỹ phải kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh Việt Nam * Nội dung: - Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của VN - Hai bên ngừng bắn vào lúc 24 giờ ngày 27 – 1 – 1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động QS chống MBVN. - Hoa Kỳ rút hết quân đội, huỷ bỏ các căn cứ QS, không can thiệp vào công việc nội bộ MNVN... - Nhân dân MN tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử. - Các bên thừa nhận MNVN có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị

CPCMLTCHMN Nguyễn Thị Bình” kí hiệp định Pari. - GV hướng dẫn HS nghiên cứu và học trong SGK về nội dung hiệp định	- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt. - Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở VN và ĐD .
* Hoạt động 3: cá nhân, cả lớp - Sau đó GV đặt câu hỏi: <i>Trên cơ sở nội dung hiệp định Pari, em đánh giá như thế nào về ý nghĩa lịch sử của hiệp định quốc tế quan trọng này?</i> - HS suy nghĩ, thảo luận phát biểu ý kiến - GV nhận xét và rút ra kết luận	* Ý nghĩa: - Hiệp định Pari là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của 2 miền. - Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, buộc Mỹ phải rút quân khỏi VN, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho “Ngụy nhào”, giải phóng MN thống nhất đất nước.

3. Hoạt động luyện tập: Trình được những nội dung:

- Chiến lược CT cục bộ (1965-1969): Hoàn cảnh, âm mưu, thủ đoạn của địch, NDMN chống lại CL cục bộ như thế nào?
- Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến tranh phá hoại và chiến lược VN hoá chiến tranh?
- Quân dân ta đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".
- Những thắng lợi của 3 nước ĐD trên các mặt trận trong chiến đấu chống chiến lược "VN hóa chiến tranh" và "ĐD hóa chiến tranh".
- Nội dung, ý nghĩa lịch sử của hiệp định Pa-ri?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao Đế quốc Mỹ tiến hành: Chiến lược chiến tranh cục bộ; Việt Nam hóa, Đông Dương hóa CT; chiến tranh phá hoại MB Việt Nam?
- Bằng những sự kiện lịch sử, hãy chứng minh chiến lược chiến tranh cục bộ; Việt Nam hóa, Đông Dương hóa CT; chiến tranh phá hoại MB bị phá sản về cơ bản?
- Em hiểu thế nào là “Phi Mỹ hóa” CT xâm lược Việt Nam?
- So sánh điểm giống và khác nhau giữa chiến lược CT đặc biệt với CLCT cục bộ về: quy mô, lực lượng, loại hình CT?
- Ý nghĩa của chiến thắng: Vạn Tường, hai mùa khô và cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968, chiến tranh phá hoại lần 1, 2?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, làm bài tập ở SGK; sưu tầm tranh ảnh cuộc chiến đấu 12 ngày đêm cuối 1972 ở miền Bắc, 81 ngày đêm ở Thành Cổ - Quảng Trị và Hội nghị Pa ri về Việt Nam.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 23

KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975).

TÊN BÀI DẠY: Bài 23 . KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ-ngụy sau Hiệp định Pa-ri; chủ trương của ta.
- Chủ trương kế hoạch của ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- Nắm được: diễn biến, kết quả, ý nghĩa của các chiến dịch giải phóng miền Nam.
- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc KCC Mĩ cứu nước (1954-1975).

2. Kỹ năng:

Rèn luyện cho học sinh kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá âm mưu, thủ đoạn của địch sau hiệp định Pari năm 1973 ...

3. Thái độ:

Bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần quyết tâm chống ngoại xâm gìn giữ độc lập dân tộc

4. Năng lực hướng tới:

Biết được âm mưu thủ đoạn CLCT cục bộ; VN hóa CT, Đông Dương hóa CT, CT phá hoại của ĐQ Mĩ, vì sao Mĩ phải nổi lại đàm phán ở Pa-ri? .

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1.Chuẩn bị của giáo viên: Tài liệu liên quan: phim, ảnh liên quan.

2.Chuẩn bị của học sinh: Vở soạn, vở ghi, sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 đoạn phim xe tăng ta tiến vào dinh độc lập..., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

Dự kiến HS trả lời: quân ta đánh chiếm dinh Độc lập ngày 30/4/1975... GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Sau hiệp định Pari, CMVN có sự chuyển biến lớn: Nhân dân hai miền Nam - Bắc ra sức phát triển sản xuất, tiếp tục chiến đấu để tiến tới "đánh cho nguỵ nhào" hôm nay, thầy và trò chúng ta đi tìm hiểu bài 23:..

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Tiết 45

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Phần I: ko dạy * Hoạt động 1: Cả lớp, cá nhân GV: Tình hình MN sau hiệp định Pari? Do đâu ta thiệt hại nhiều? - HS khai thác SGK suy nghĩ trả lời - GV nhận xét bổ sung, chốt. -GV: Trước tình hình đó BTVTW Đảng đã có chủ trương gì để chỉ đạo? - HS khai thác SGK suy nghĩ trả lời - GV nhận xét bổ sung, chốt. - GV: Ý nghĩa trận đường 14 - Phước Long? Thái độ của Mỹ - Thiệu? - HS suy nghĩ trả lời - GV bổ sung, nhận xét, chốt. - GV: Thái độ đó khẳng định điều gì? (Sự lớn mạnh và khả năng chiến thắng của ta: Từ 1 tỉnh -> giải phóng nhiều tỉnh và toàn bộ MN) -> Thời cơ chiến lược xuất hiện - GV: Nhận xét khái quát tình hình VN cuối 1974 - đầu 1975? (ĐK giải phóng hoàn toàn MN đã có) - HS khai thác SGK suy nghĩ trả lời - GV nhận xét bổ sung, chốt.	I. MB khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho MN II. Miền Nam đấu tranh chống địch "Bình định - lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn * Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - Thiệu - Phá hoại hiệp định Pari -> Tiếp tục chiến lược "VN hoá chiến tranh" - Tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ" và các cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng * Chủ trương của ta và kết quả: - Tháng 7 - 1973 Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 21 đã nhấn mạnh con đường cách mạng bạo lực -> phải kiên quyết đấu tranh trên cả 3 mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao - Từ cuối 1973 ta đánh trả những cuộc hành quân lấn chiếm của địch, mở những cuộc tiến công vào căn cứ của chúng -> Mở rộng vùng giải phóng - Cuối 1974 - đầu 1975 ta đẩy mạnh hoạt động quân sự ở ĐBSCL và Đông Nam Bộ -> Giành thắng lợi ở đường 14- Phước Long (12/12/1974 – 6/1/1975) giải phóng tỉnh Phước Long
* Hoạt động 2: Cả lớp - GV: Nội dung kế hoạch giải phóng MN?	III. Giải phóng hoàn toàn MN, giành toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc 1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng Miền Nam

- GV:Phân tích tính sáng tạo và táo bạo của kế hoạch do Hội nghị đề ra	- Căn cứ vào tình hình phát triển mạnh mẽ của cách mạng cả nước, bộ chính trị đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn MN trong 2 năm 1975 - 1976 - Bộ chính trị cũng dự kiến: Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975, sẽ giải phóng MN trong năm 1975.
* Hoạt động 3: Nhóm GV chia lớp thành 2 nhóm , thảo luận trong vòng 3 phút với các nội dung cụ thể, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày và mời các nhóm khác bổ sung, GV nhận xét bổ sung và chốt nội dung của từng nhóm. Nhóm 1:<i>Tại sao ta chọn Tây Nguyên làm trận mở màn, trình diễn biến trên lược đồ và nêu kết quả ý nghĩa?</i> - GV bổ sung, nhận xét, chốt. + có vị trí chiến lược quan trọng... +Đánh TN ta điểm huyết làm tê liệt hệ thống quân địch trên CT ĐĐ và toàn miền Nam... +Địch nhận định sai hướng tiến của ta... Nhóm 2: <i>Trước tình hình ntn Bộ CTTW Đảng mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng?trình bày diễn biến trên lược đồ, nêu kết quả và ý nghĩa lịch sử của CD?</i>	2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 a.Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4-3 ->24-3) - Tây Nguyên có địa bàn chiến lược quan trọng, do địch nhận định sai hướng tấn công của ta nên bố trí lực ở đây mỏng. <i>Ta quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong 1975</i> - 4- 3 ta đánh nghi binh ở Kon Tum, Plâyku, bí mật bao vây Buôn Ma Thuột - 10 – 3, quân ta t/c Buôn Ma Thuột mở màn cho CD và giành thắng lợi - 12 – 3, địch phản công chiếm lại nhưng thất bại - 14 – 3, địch được lệnh rút khỏi Tây Nguyên, về giữ vùng duyên hải miền Trung-> bị ta truy kích, tiêu diệt - 24 -3 chiến dịch kết thúc, Tây Nguyên được giải phóng hoàn toàn với 60 vạn dân -> Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường MN b.Chiến dịch Huế-Đà Nẵng (21-3->29-3-1975) - 19-3 ta giải phóng Quảng Trị-> địch co cụm giữ Huế - 21-3, ta đánh thẳng vào Huế, chia cắt, bao vây chúng trong thành phố, chặn đường rút lui của địch - 25-3 ta tiến vào cố đô Huế - 26-3 Giải phóng Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên

	- Cùng thời gian trên ta giải phóng Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai, bao vây ĐN từ 2 phía - Sáng 29-3 ta tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chiều giải phóng ĐN *Ý nghĩa: Gây tâm lý tuyệt vọng trong nguy quyền, đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta sang thế mạnh, áp đảo.
--	--

Tiết 46, 47

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động 1: cả lớp -GV: Từ kiểm tra bài cũ chuyển vào nội dung bài mới. Hỏi đứng trước tình hình như thế nào Bộ chính trị quyết định hoàn thành giải phóng miền Nam? -HS: dựa vào SGK trình bày, các em khác bổ sung, GV bổ sung kết luận. Phân tích thêm tình hình ta và địch: Nói thêm ta tấn công phòng tuyến từ xa của địch. -GV: Cho HS biết từ đầu CD Hồ chí minh có tên CD Sài Gòn – Gia Định, trong khi ta 14- 4 -> 16 - 4 chiếm Phan Rang, giải phóng Bình Thuận, Bình Tuy, Bộ chính trị đổi thành CD Hồ Chí Minh. -GV: Trình bày diễn biến trên bản đồ có thể kết hợp cho HS xem phim tư liệu (dạy máy) -GV: Em nào có thể kể về hành động cảm cờ trên Dinh Độc lập vào 10 giờ 45 phút 30 – 4. Cho biết tên... - HS: Anh tên: Bùi Quang Thận sinh năm 1948 nhập ngũ 1966. (Thụy Xuân – Thái Thụy -Thái Bình) Từ 1966-1975 trưởng thành từ pháo thủ đại đội trưởng đại đội 8, trung đoàn tăng thiết giáp 202. Tham gia CD đại đội 4, tiểu đoàn 1, Lữ đoàn tăng thiết giáp 203 (đơn vị đánh DD lập). Anh chỉ huy xe tăng 843, 390 (Nguyễn Văn Kì). - GV: Ý nghĩa của cd. HCM thắng lợi? -HS: Suy nghĩ trả lời	I. MB khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho MN II. Miền Nam đấu tranh chống địch "Bình định - lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn III. Giải phóng hoàn toàn MN, giành toàn vẹn lãnh thổ tổ quốc c. Chiến dịch Hồ Chí Minh(26-4->30-4) - Cuối tháng 3 - 1975 Bộ chính trị khẳng định "Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng MN" - 8 - 4 Bộ chỉ huy chiến dịch Sài Gòn - Gia Định được thành lập - 9 - 4 ta đánh Xuân Lộc - 21 - 4 Giải phóng Xuân Lộc - 14- 4 -> 16 - 4 chiếm Phan Rang, giải phóng Bình Thuận, Bình Tuy - 18 - 4 Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn -21- 4 Thiệu từ chức -17 giờ ngày 26 -4 chiến dịch HCM bắt đầu. Năm cánh quân của ta vượt tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

<i>-GV: bổ sung, Kết luận chốt chuyển mục</i> Sử dụng kiến thức liên môn: Đọc 1 số về chiến thắng mùa xuân năm 1975, hoặc bài hát giải phóng MN... -GV mời HS so sánh với các cuộc CT của Mĩ so với CT VN: về thời gian, số lượng bom đạn, lực lượng. - Cuộc CT kéo dài 2 thập niên: Từ 7/1954-5/1975, dài hơn bất cứ cuộc CT nào trong LS, phải chống lại 1 ĐQ mạnh nhất ĐQ Mĩ. - 5 đời tổng thống Mĩ: Aixenhao, Kennơđi, Giôn xơn, Ních xơn, Pho; điều hành 4 CLCT. - Chúng đã chi trực tiếp cho cuộc CT ở VN tới 676 tỉ Đô la (so với 341 tỉ đô la trong CTTG 2 và 54 tỉ đô la trong CT Triều Tiên); nếu tính chi phí gián tiếp tới 920 tỉ. - Huy động cao nhất 55 vạn quân viễn chinh và lôi kéo 5 nước thân Mĩ (7 vạn quân) + hơn 1 triệu quân nguy và tay sai. - Dội xuống 2 miền đất nước ta 7.8 triệu tấn bom, đạn lớn nhất trong các cuộc CT nào.	- 10 giờ 45 phút 30 – 4, xe tăng và bộ binh của ta tiến vào dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các Sài Gòn... - 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, chiến dịch HCM toàn thắng - Đến 2 - 5 – 1975, MN hoàn toàn được giải phóng
*Hoạt động 2: Nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm , thảo luận trong vòng 5 phút với các nội dung cụ thể, sau đó mời đại diện các nhóm trình bày và mời các nhóm khác bổ sung, GV nhận xét bổ sung và chốt nội dung của từng nhóm. Nhóm 1, 2: <i>Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</i> (Nhóm 1: <i>Tìm hiểu về nguyên nhân chủ quan; nhóm 2: Tìm hiểu về nguyên nhân khách quan</i>).	IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) 1. Nguyên nhân thắng lợi: *Chủ quan: - Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch HCM, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo - Truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc - Sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta

Nhóm 3, 4: <i>Tìm hiểu ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</i> <i>(Nhóm 3: Tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử đối với dân tộc; nhóm 4: Tìm hiểu về ý nghĩa lịch sử đối với thế giới.</i> <i>Về ý nghĩa lịch sử GV có thể dùng đoạn tư liệu để có thể kết luận bằng 1 đoạn trong Báo cáo CT tại ĐH 4/1976 để chốt kết thúc bài, có đoạn: Thắng lợi cuộc KCC mĩ cứu nước “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc một trong những trang chói lọi nhất. Một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của CN AHCM của trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một SKLS có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc”</i>	- Có hậu phương MB XHCN vững chắc... *Khách quan: - Tình đoàn kết chiến đấu của 3 nước Đông Dương... - Sự giúp đỡ của các nước XHCN và các lực lượng dân chủ, tiến bộ thế giới... 2. Ý nghĩa lịch sử * Đối với dân tộc: -Thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc, kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc từ sau CM.Tháng Tám, chấm dứt ách thống trị của CNTD - ĐQ trên đất nước ta... - Mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên CNXH. * Đối với thế giới: - Có tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào CMTG, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Trình bày âm mưu, hành động mới của Mỹ - Thiệu và chủ trương đối phó của Đảng ta sau hiệp định Pari?
- Tại sao có Hội nghị BCHTW Đảng bàn về kế hoạch giải phóng MN? Nội dung kế hoạch giải phóng MN?
- Trình bày diễn biến và ý nghĩa của CD Tây Nguyên, Huế-Đà Nẵng, CDHCM.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- GV Dùng biểu bản để hệ thống hóa lại bài học... mời HS rút ra nghệ thuật quân sự trong các chiến dịch, vấn đề thời cơ...
- Tìm hiểu thêm về cuộc kháng chiến chống Mỹ: Các đời Tổng thống Mỹ trong giai đoạn chiến tranh VN, số liệu thương vong về lính Mỹ, những thắng lợi tiêu biểu của ND ta trong kháng chiến chống Mỹ.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Tiết sau các em tự ôn tập chuẩn bị kiểm tra 1 tiết, hình thức kiểm tra: 60%: trắc nghiệm; 40%: tự luận.
- Nội dung Ôn tập: từ bài 21 đến bài 23.

**TÊN BÀI DẠY: Bài 24: VIỆT NAM TRONG NĂM ĐÀU
SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC**

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:** Giúp học sinh nắm được

- Hoàn cảnh đất nước sau đại thắng mùa xuân 1975 (Thuận lợi và khó khăn)
- Nhiệm vụ cụ thể giữa hai miền sau 1975 nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, hoàn thành thống nhất đất nước

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận định, đánh giá tình hình đất nước sau chiến tranh

3. Thái độ:

Giáo dục lòng yêu nước, tình cảm bác ái, tinh thần dân tộc, tin tưởng vào tiến bộ đất nước, niềm tin vào cách mạng, Đảng

4. Năng lực hướng tới:

Sau năm 1975 đất nước gặp vô cùng khó khăn khi bước ra từ cuộc KC chống Mỹ. Việc làm đầu tiên là phải thống nhất đất nước về mặt nhà nước để ổn định đất nước tiến lên XD CNXH.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tài liệu liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh: Vở soạn, vở ghi, sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**1. Hoạt động tạo tình huống:**

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem 1 đoạn phim về **bến thả hoa Thành cổ Quảng Trị...**, Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

Dự kiến HS trả lời: **bến thả hoa Thành cổ Quảng Trị...** GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Quảng Trị là một vùng đất có bề dày lịch sử, văn hoá. Trải qua nhiều thời đại, con người trên mảnh đất này đã vượt qua thử thách gian nan để làm nên những kỳ tích hào hùng mà dấu tích của nó còn in đậm trong các di tích lịch sử. Vậy, di tích lịch sử Quảng Trị có đặc điểm gì?

Qua một số di tích lịch sử tiêu biểu, chúng ta sẽ hiểu thêm điều gì về mảnh đất và con người Quảng Trị? Nội dung bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu rõ những điều đó.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
*Hoạt động1: Nhóm -GV: Chia lớp thành 4 nhóm tìm hiểu về hai nội dung: Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về tình hình miền Bắc sau năm 1975. Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về tình hình miền Nam sau năm 1975. Tìm hiểu trong thời gian 3 phút, mời đại diện trình bày, các nhóm bổ sung hoàn thiện nội dung. -GV: Bổ sung, kết luận chuyên mục.	I. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau năm 1975 1. Tình hình miền Bắc: - Thành tựu hơn 20 năm xây dựng CNXH(cơ sở vật chất - kỹ thuật) - Kinh nghiệm xây dựng CNXH - Chiến tranh đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với MB, làm chậm lại vài ba kế hoạch 5 năm 2. Tình hình miền Nam - Chế độ thực dân mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn bị sụp đổ - Cơ sở của chính quyền Sài Gòn ở địa phương và những di hại của chế độ cũ vẫn tồn tại - Hậu quả chiến tranh nặng nề - Kinh tế sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển không cân đối và lệ thuộc.
Phần II. GV không dạy. ghi mục bài và chuyển sang mục III	II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền đất nước
* Hoạt động 2: Cá nhân -GV:Tình hình nhà nước ở hai miền Nam - Bắc sau đại thắng mùa xuân 1975? -HS: nghiên cứu SGK trả lời, các em khác bổ sung. -GV: Bổ sung, kết luận chuyển ý -GV:Căn cứ vào đâu mà Đảng đề ra chủ trương thống nhất đất nước về mặt nhà nước? -HS: Suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung. -GV: Bổ sung, kết luận chuyển ý	III. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước(1975 - 1976) - Sau thắng lợi 1975, đất nước thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng mỗi miền lại tồn tại một tổ chức nhà nước riêng -> Yêu cầu đặt ra: Thống nhất đất nước về mặt nhà nước - 9 - 1975 Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước - Từ ngày 15 -> 21- 11 - 1975 hai miền tiến hành Hội nghị Hiệp thương - 25- 4 - 1976 Tổng tuyển cử bầu quốc hội chung trong cả nước

-HS: nghiên cứu SGK trả lời, các em khác bổ sung. -GV: Bổ sung, kết luận -GV: Quá trình thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước được diễn ra như thế nào? -HS: nghiên cứu SGK trả lời, các em khác bổ sung. -GV: Bổ sung -GV: Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước có ý nghĩa gì? -HS: Suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung. -GV: Bổ sung, kết luận chuyển ý	- Từ 24 - 6->3 - 7 Quốc hội khoá VI họp phiên đầu tiên, quyết định + Tên nước : Cộng hoà XHCN VN + Quyết định quốc huy, quốc kỳ, quốc ca + Thủ đô: Hà Nội + Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định -> Thành phố HCM * Ý nghĩa: - Tạo điều kiện thuận lợi để phát huy sức mạnh của cả nước trên con đường đi lên CNXH - Mở ra những khả năng to lớn để bảo vệ tổ quốc và mở rộng quan hệ quốc tế.
--	---

3. Hoạt động luyện tập:

- Những đóng góp to lớn của Đồng chí Lê Duẩn Đối với CMVN, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và với quê hương Quảng Trị
- Nêu những phẩm chất đáng quý của Đồng chí Lê Duẩn

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Tìm hiểu về nhà lưu niệm của Tổng Bí thư tại xã Triệu Thành – huyện Triệu Phong.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

Tìm hiểu hiểu Việt Nam sau năm 1975.

TÊN BÀI DẠY: Bài 25: VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1986)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. Mục tiêu bài học

Học xong bài này, học sinh cần:

1. Kiến thức

- Hiểu được, sau Đại thắng mùa xuân 1975 Việt Nam hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cả nước chuyển sang giai đoạn mới - đi lên CNXH, đó là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

- Nắm vững những thành tựu và hạn chế của ta trong hai kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 và 1981 - 1985.
- Chúng ta tiếp tục đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc (1975-1979).

2. Kỹ năng

Rèn luyện cho HS kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, nhận định, đánh giá các sự kiện lịch sử.

3. Tư tưởng, thái độ

Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, yêu CNXH, tinh thần lao động xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên CNXH mà dân tộc ta đã chọn.

II. Một số khái niệm, thuật ngữ lịch sử cơ bản

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa: cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất nhằm hạn chế đi đến xóa bỏ sự bóc lột kiểu tư bản chủ nghĩa, đưa nền sản xuất nhỏ, riêng lẻ của nông dân và thợ thủ công cá thể phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa gắn bó với nhau, là sự nghiệp lâu dài, phải tiến hành từng bước không nóng vội chủ quan.
- Quá độ: thời kì chuyển tiếp từ một chế độ xã hội cũ sang chế độ xã hội mới đang hình thành thắng lợi: thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội.
- Nạn kiều: vào những năm 1976 -1979 số lượng người Hoa ở Việt Nam về nước tăng nhanh. Trung Quốc gọi đó là "nạn kiều" và lợi dụng điều đó để gây xung đột ở biên giới phía Bắc nước ta.

III. Phương tiện dạy học chủ yếu

- Tham khảo Văn kiện Đại hội Đảng IV (1976), lần thứ V (1982).
- Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- Một số hình ảnh về công cuộc xây dựng CNXH từ năm 1976 đến 1986

Ghi chú: GV có thể liên hệ với khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội để khai thác tư liệu hình ảnh trên, hoặc tìm mua cuốn Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong SGK Lịch sử lớp 12 THPT (NXB ĐHSP, Hà Nội, 2009).

IV. Gợi ý tiến trình và phương pháp tổ chức dạy học

1. Ổn định lớp học

2. Kiểm tra bài cũ

GV có thể sử dụng câu hỏi sau:

- Hãy nêu tình hình hai miền Nam - Bắc Việt Nam sau 1975.
- Nhân dân hai miền Nam – Bắc đã đạt được thành tựu gì trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế - xã hội sau đại thắng mùa xuân 1975?
- Trình bày về quá trình hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước?

TÊN BÀI DẠY: Bài 26. ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Hiểu rõ về sự tất yếu phải đổi mới đất nước đi lên CNXH, về quá trình 15 năm (1986- 2000) thực hiện đường lối đổi mới với thành tựu đạt được và những khó khăn, yếu kém cần tiếp tục được khắc phục, sửa chữa.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phân tích, giải thích, tổng hợp, so sánh, nhận định, đánh giá về tính tất yếu về những sự kiện lịch sử...

3. Thái độ:

Bồi dưỡng tinh thần đổi mới trong lao động, công tác, học tập, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối đổi mới đất nước.

4. Năng lực hướng tới:

- Vì sao đất nước ta phải “đổi mới”?
- Hiểu thế nào cho đúng về công cuộc đổi mới hiện nay?

- Thế hệ trẻ phải làm gì để góp phần mình vào công cuộc đổi mới của đất nước?

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tài liệu liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh: Vở soạn, vở ghi, sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem bức ảnh về Đại Hội VI, 12/1986...., Sau đó GV hỏi: em biết gì về hình ảnh trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

Dự kiến HS trả lời: về Đại Hội VI, 12/1986...GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: VN chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới từ ĐH VI (12/1986) của Đảng. Trong 15 năm, từ 1986-2000 nhân dân ta đã thực hiện 3 kế hoạch 5 năm đạt nhiều thành tựu. Vì sao Đảng ta tiến hành đổi mới, quá trình đổi mới đạt những thành tựu như thế nào? Bây giờ chúng ta tìm hiểu bài 26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên CNXH (1986-2000), để hiểu và hiểu sâu sắc hơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
* Hoạt động 1: Cá nhân GV: cho HS nghiên cứu Sgk, trả lời câu hỏi: <i>Vì sao Đảng ta đề ra đường lối đổi mới?</i> HS: suy nghĩ trả lời: <i>Đảng ta đề ra đường lối đổi mới trong một Hoàn cảnh lịch sử mới...</i> GV: bổ sung phân tích thêm, chuyển ý GV: lấy dẫn chứng, phân tích cho HS về những khó khăn của nước ta (1976-1985) - Khủng hoảng kinh tế - xã hội	I. Đường lối đổi mới của Đảng 1. Hoàn cảnh lịch sử mới a. Trong nước. - Trải qua 10 năm thực hiện 2 kế hoạch 5 năm xây dựng CNXH (1976-1980 và 1981-1985), ta đạt được nhiều thành tựu đáng kể, song gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, nhất là về KT-XH. - Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, Đảng và Nhà nước phải tiến hành đổi mới.

+ Sản xuất trì trệ, năng suất thấp. + Phân phối thông qua chế độ bao cấp dẫn tới hàng hóa khan hiếm. + Lạm phát gia tăng nhanh. -> Đời sống nhân dân khó khăn. - Năm 1985 với chính sách “ giá lương tiền” sai lầm -> khủng hoảng đạt đến đỉnh điểm. -GV: Tiếp tục lấy dẫn chứng , phân tích tác động của cách mạng KHKT. - Nhiều nước tận dụng thành tựu KH-KT để phát triển vượt bậc (xuất hiện nhiều con rồng Châu Á.....) GV: liên hệ phần lịch sử thế giới, cải tổ ở Liên Xô: cải cách ở Trung Quốc	b. Hoàn cảnh thế giới: - Tác động của cách mạng KH – CN, xu thế toàn cầu ... - Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước XHCN khác...cũng đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới. <i>*KL: như vậy Đổi mới là con đường tất yếu để tồn tại và tiếp tục đi lên xây dựng CNXH</i>
Hoạt động 2: Nhóm - GV: Chiếu hình ảnh phiên Khai mạc Đại Hội VI và và khẳng định: Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại ĐH VI (12/1986), được điều chỉnh, bổ sung, phát triển qua các đại hội VII (6/1991); đại hội VIII (6/1996); đại hội IX (4/2001)... và cho HS ghi nội dung...sau đó tổ chức hoạt động nhóm theo nội dung: Nhóm 1,2: <i>Tìm hiểu Về đổi mới kinh tế.</i> Nhóm 3,4: <i>Tìm hiểu Về đổi mới chính trị.</i> Trong thời gian 3 phút và mời đại diện trình bày. Các nhóm trình bày xong GV mời các nhóm khác bổ sung và đặt thêm câu hỏi. - GV: bổ sung, phân tích thêm và chốt.	2. Đường lối đổi mới của Đảng - Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại ĐH VI (12/1986), được điều chỉnh, bổ sung, phát triển qua các đại hội VII (6/1991); đại hội VIII (6/1996); đại hội IX (4/2001)... <i>-Nội dung:</i> <i>*Về đổi mới kinh tế</i> - Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường. - Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ chế nhiều ngành nghề. - Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Thành phần kinh tế: +Kinh tế nhà nước: sở hữu toàn dân.. +Kinh tế tập thể: nòng cốt là HTX... +Kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, TB tư nhân) +Kinh tế TB nhà nước. +Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài.

- Đảng đã “cởi trói” cho nền kinh tế để giải phóng mọi năng lực sản xuất. - GV: mở rộng, nhấn mạnh về chính sách khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo chỉ thị 100 và Nghị quyết X.	- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. *Về đổi mới chính trị - Xây dựng Nhà nước Pháp quyền XHCN. - Xây dựng nền dân chủ XHCN - Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.
---	---

- GV:

Câu hỏi: *Em hãy cho biết đường lối đổi mới được tiến hành từ khi nào? Trọng tâm của công cuộc đổi mới là vấn đề gì?*

Từ nội dung kiểm tra HS, GV bổ sung chuyển nội dung tiếp theo của bài học:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
Hoạt động 1: Cả lớp -GV: <i>Em hãy trình bày nét chính nội dung của ĐH VI (12/1986)?</i> -HS: suy nghĩ trả lời -ĐH khẳng định tiếp tục đường lối chung CMXHCN và đường lối XD kinh tế XHCN do các ĐH IV, V của Đảng đề ra, nhưng tiếp tục được cụ thể hóa trên cơ sở nâng cao nhận thức về <u>đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là cả một thời kì lịch sử lâu dài khó khăn, trải qua nhiều chặng và hiện đang ở chặng đường đầu tiên.</u> -GV: <i>trình bày nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990)?</i> -HS: dựa vào SGK trả lời Trong 5 năm (1986- 1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được 3 chương trình kinh tế lớn...Muốn vậy thì <u>nông nghiệp mà kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp phải được đặt đúng vị trí là mặt trận hàng đầu.</u> -GV: bổ sung, chốt chuyển ý	I-... II- Quá trình thực hiện đường lối đổi mới (1986- 2000) Đường lối đổi mới của Đảng từ (1986- 2000) đã được thực hiện qua 3 kế hoạch nhà nước 5 năm. 1. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986- 1990. a. Đại hội VI (12/1986) mở đầu công cuộc đổi mới. - ĐH VI (15-18/12/1986): ĐH đánh giá tình hình đất nước. + Kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước. + Xác định nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng trong thời kỳ đổi mới. * Nhiệm vụ, mục tiêu: Trong 5 năm (1986-1990) cần tập trung sức người, sức của thực hiện bằng được 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực- thực phẩm; hàng tiêu dùng ; hàng xuất khẩu.
*Hoạt động 2: nhóm, cá nhân	2. Kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới

-GV: trên cơ sở chuẩn bị ở nhà của HS, chia lớp thành 4 nhóm. GV mời các nhóm trình bày theo nội dung: những thành tựu 5 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986- 1990). -Nhóm 1: về lương thực, thực phẩm -Nhóm 2: <u>về Hàng hóa trên thị trường, kiểm chế lạm phát</u> -Nhóm 3: về Kinh tế đối ngoại và việc tổ chức bộ máy chính trị. -Nhóm 4: <u>về những khó khăn, yếu kém.</u> -GV: hướng dẫn HS thảo luận (ghi vào giấy), gọi đại diện nhóm trả lời, bổ sung, nhận xét, chốt ý.	* Thành tựu 3 chương trình kinh tế lớn... - Về lương thực, thực phẩm + Từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 phải nhập 45 vạn tấn gạo. + Đến năm 1989, đáp ứng nhu cầu trong nước có <u>dự trữ và xuất khẩu</u>. (Sản xuất lương thực năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn , Năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn) - Hàng hóa trên thị trường: nhất là hàng tiêu dùng + Dồi dào chủng loại, đa dạng mẫu mã, chất lượng tốt. Lưu thông tương đối thuận lợi. + Kiểm chế lạm phát: 1986 là 20%; 1990 là 4,4% Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước. *Về Kinh tế đối ngoại, hệ thống chính trị: - <u>Kinh tế đối ngoại:</u> phát triển, mở rộng hơn về quy mô và hình thức. + Năm 1986- 1990, hàng hóa xuất khẩu tăng gấp 3 lần. + Từ năm 1989, thêm các mặt hàng: gạo, dầu thô và các mặt hàng mới khác...xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo, nhập khẩu giảm đáng kể tiến đến cân bằng giữa xuất và nhập khẩu. - <u>Hệ thống chính trị:</u> + Bộ máy nhà nước ở các cấp được sắp xếp lại. + Dân chủ được phát huy... * Khó khăn, yếu kém: - Kinh tế còn mất cân đối...lạm phát còn ở mức cao, lao động còn thiếu việc làm. - Tình trạng tham nhũng, nhận hối lộ, mất dân chủ...
--	---

-GV: Hỏi thêm: Từ những kết quả trên, đã chứng minh điều gì về sự lãnh đạo của Đảng ta? -HS: Suy nghĩ trả lời: đường lối đổi mới của Đảng là hoàn toàn đúng đắn... -GV: bổ sung, chốt. tại Đại hội VII (6/1991) của Đảng đã khẳng định: “Những thành tựu nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là <i>đúng đắn</i>, bước đi của công cuộc đổi mới về <i>cơ bản là phù hợp</i>.”	- Tiền lương một số ngành chưa hợp lí... <u>Kết luận:</u> <i>Những thành tựu nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, phù hợp.</i>
* Hoạt động 3: cả lớp (nếu không đủ thời gian GV có thể cho HS làm bài tập ở nhà) -GV : cho HS xem 1 đoạn phim khoảng 3 đến 5 phút về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0? -GV : qua đoạn phim trên em hãy cho biết cảm nhận của mình ? - HS : suy nghĩ và tự đưa ra ý trả lời, các bạn khác bổ sung... - GV : gợi ý : theo em VN phải làm gì để thực hiện có hiệu quả công cuộc đổi mới hiện nay ? - GV : như vậy công cuộc đổi mới của VN hiện nay cũng có thời cơ và thách thức, vậy thế hệ trẻ chúng ta phải làm gì giúp đất nước tiến lên ? - HS : Tự liên hệ - GV : Chốt : Như vậy công cuộc đổi mới của Đảng ta đến nay đã gần tròn 32 tuổi, XD và bảo vệ đất nước là nhiệm vụ lâu dài, thầy kêu gọi tất cả chúng ta hãy phấn đấu học tập rèn luyện thật tốt để có đủ hành trang XD và BV đất nước. Như Bác Hồ đã dạy « <i>Non sông VN có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc VN có sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không,</i>	3. Công cuộc đổi mới đi lên CNXH và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. - Đặt ra yêu cầu : + Đảng ta phải thực hiện quyết liệt hơn nữa công cuộc đổi mới đi lên XHCN. + Tiếp thu những thành tựu KHCN, đặc biệt tiếp thu và thực hiện có hiệu quả cuộc CMCN 4.0 trên mọi lĩnh vực đời sống XH.

<i>chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu »</i>	
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

* Lập bảng thống kê về 2 kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1985), (1986-1990) theo mẫu, mời HS trình bày:

Nội dung	kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1985)	kế hoạch nhà nước 5 năm (1986-1990)
1. Lương thực-thực phẩm	Thiếu ăn, nhập khẩu.	Đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu
2. Hàng hoá trên thị trường	Khan hiếm.	Dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, tiến bộ về mẫu mã và chất lượng.
3. Kinh tế đối ngoại	Mất cân đối.	Cân bằng xuất - nhập khẩu.
4. Lạm phát	Tăng nhanh.	Kiểm chế được một bước đà lạm phát.
5. Cơ chế kinh tế	Bao cấp.	Hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.
6. Bộ máy nhà nước	Cồng kềnh, quan liêu	Sắp xếp lại, phát huy dân chủ.

* Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước được nêu ra trong đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) là

- A. đổi mới kinh tế.
- B. đổi mới về văn hóa, xã hội.
- C. đổi mới về chính trị.
- D. đổi mới về kinh tế, chính trị.

Câu 2. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
- B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
- C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện có hiệu quả.
- D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 3. Trong đường lối đổi mới (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam chọn đổi mới kinh tế là trọng tâm vì

- A. hàng hóa trên thị trường khan hiếm.
- B. yêu cầu giải quyết việc làm cho nhân dân.
- C. do đất nước đang thiếu lương thực trầm trọng.
- D. đất nước đang khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng.

Câu 4. Trong đổi mới kinh tế từ Đại Hội VI (12/1986) Đảng ta coi

- A. công nghiệp nặng là mặt trận hàng đầu.
- B. nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.
- C. thương nghiệp là mặt trận hàng đầu.
- D. công nghiệp nhẹ là mặt trận hàng đầu.

Câu 5. Điểm trương đồng về kinh tế Việt Nam trước và sau đổi mới là

- A. kinh tế công nghiệp là chủ yếu.
- B. kinh tế nông nghiệp là chủ yếu.
- C. kinh tế thương nghiệp là chủ yếu.
- D. kinh tế đối ngoại là chủ yếu.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

Câu 1. Tìm hiểu về Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, nhà lãnh đạo đã đi đầu trong công cuộc đổi mới của Đảng ta từ Đại Hội VI 12-1986.

Câu 2. Sưu tầm sách báo và tranh ảnh về công cuộc đổi mới.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ
- Ôn tập các thời kỳ phát triển và các nội dung quan trọng của LSVN từ năm 1919 đến 2000

TÊN BÀI DẠY: Bài 27. TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A1, 12A2

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm chắc, hệ thống, tổng quát quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ năm 1919 đến năm 2000 qua các thời kỳ chính với những đặc điểm lớn của từng thời kỳ
- Nguyên nhân cơ bản quyết định quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, phương hướng đi lên của đất nước, bài học kinh nghiệm lớn của CMVN

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng hệ thống hóa, lựa chọn sự kiện lịch sử cơ bản, kỹ năng phân tích, xác định những sự kiện lịch sử lớn của từng thời kỳ lịch sử từ năm 1919 đến năm 2000

3. Thái độ:

- Trên cơ sở nắm chắc quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, hiểu rõ nguyên nhân của quá trình phát triển lịch sử, củng cố niềm tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự tất thắng và tiền đồ của cách mạng

4. Năng lực hướng tới :

- Giải thích được các mốc quan trọng của lịch sử Việt Nam từ 1919-2000.
- Khả năng vận dụng kiến thức lịch sử vào bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận chính xác.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. **Chuẩn bị của giáo viên:** Tài liệu liên quan.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** Vở soạn, vở ghi, sưu tầm tranh ảnh liên quan.

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem sơ đồ tổng quát về các giai đoạn của lịch sử Việt Nam..., Sau đó GV hỏi: em biết gì sơ đồ trên trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

Dự kiến HS trả lời: sơ đồ thời gian về lịch sử Việt Nam từ 1919-2000...GV bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: Lịch sử VN từ 1919 đến 2000 đã phát triển qua các thời kỳ nào? Nội dung cơ bản và những đặc điểm lớn của từng thời kỳ lịch sử? Những nguyên nhân cơ bản nào làm nên thắng lợi về vang đó..? Để nhìn lại một cách khái quát lịch sử dân tộc từ 1919 đến 2000, hôm nay chúng ta học bài 27. **TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000**

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cơ bản cần đạt
* Hoạt động 1: Nhóm - GV: Em hãy tóm tắt các thời kỳ phát triển của lịch sử dân tộc từ 1919 đến 2000 ? Sau đó chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận các vấn đề thứ tự như sau: Nhóm 1: Tìm hiểu những kiến thức cơ bản thời kì 1919-1930.	I. Các thời kỳ phát triển của lịch sử dân tộc 1. Thời kỳ 1919- 1930 - Thời kỳ vận động tiến tới thành lập ĐCSVN

Nhóm 2: Tìm hiểu những kiến thức cơ bản thời kì 1930-1945 và 1945-1954. Nhóm 3: Tìm hiểu những kiến thức cơ bản thời kì 1954-1975. Nhóm 4: Tìm hiểu những kiến thức cơ bản thời kì 1975-2000. Các nhóm thảo luận trong thời gian 3 phút, sau đó GV mời đại diện các nhóm trình bày, mời các nhóm khác bổ sung nhận xét, chốt. GV bổ sung hoàn thành nội dung các nhóm, ghi bảng.	+ Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp tạo cơ sở kinh tế- xã hội để tiếp thu luồng tư tưởng CMVS + Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào trong nước -PTCN chuyển sang tự giác, phong trào yêu nước chuyển sang lập trường vô sản dẫn đến sự ra đời của ĐCSVN đầu năm 1930 2. Thời kỳ 1930- 1945 -Thời kỳ vận động giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng + Phong trào cách mạng 1930- 1931 + Phong trào dân chủ 1936- 1939 + Phong trào GPDT 1939- 1945 3.Thời kỳ 1945- 1954 - Nhiệm vụ: Kháng chiến và kiến quốc -Thắng lợi lớn:Việt Bắc 1947, Biên giới 1950, Đông –Xuân 1953- 1954, đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã dẫn đến hiệp định Giơnevơ 4. Thời kỳ 1954- 1975 - Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước - MB làm CM XHCN, MN làm CM DTDCND MN: Đánh bại 4 chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng MN - MB: Vừa xây dựng CNXH vừa chống chiến tranh phá hoại; đồng thời hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của hậu phương lớn và giúp đỡ cách mạng Lào, Campuchia 5. Thời kỳ 1975- 2000 - Thời kỳ cả nước đi lên CNXH + Giai đoạn 1975- 1986: Bên cạnh những thành tựu, ta gặp không ít khó khăn, yếu kém...
---	--

	+ Giai đoạn 1986- 2000: Thực hiện đổi mới, giành được nhiều thành tựu, vượt qua khủng hoảng
* Hoạt động 2: cá nhân - GV dẫn dắt: Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất, đặc biệt là từ ngày ĐCSVN ra đời, lịch sử dân tộc ta đã trải qua những bước thăng trầm song cuối cùng đã giành được những thắng lợi vẻ vang. - GV: Vì sao dân tộc ta đã giành được những thắng lợi đó? - HS: suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung... Nguyên nhân chủ quan, khách quan...GV: theo em nguyên nhân nào quan trọng nhất vì sao? - GV có thể chốt và chuyển ý. -GV: có được những thắng lợi đó CM và dân tộc ta đã rút được những bài học kinh nghiệm gì? theo em bài học nào quan trọng nhất vì sao? - HS trả lời, GV bổ sung, phân tích, minh họa kết thúc bài.	II. Nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm: 1. Nguyên nhân thắng lợi: - Đảng lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng suốt, độc lập, tự chủ. Đây là nhân tố quyết định - Nhân dân ta đoàn kết, giàu lòng yêu nước, chiến đấu dũng cảm, lao động cần cù 2. Bài học kinh nghiệm: - Nắm vững ngọn cờ ĐLDT và CNXH - Sự nghiệp cách mạng là của dân , do dân và vì dân... - Không ngừng củng cố khối đoàn kết trong nước và đoàn kết quốc tế - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại... - Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của CMVN

3. Hoạt động luyện tập:

Hãy nêu các thời kỳ phát triển của lịch sử dân tộc từ năm 1919 đến năm 2000 và cho biết những thắng lợi tiêu biểu của CMVN từ 1930 đến 2000 ?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

Lập niên biểu những sự kiện tiêu biểu gắn với từng thời kỳ trong tiến trình LSVN từ từ 1919 đến 2000 (theo mẫu)

Thời kỳ	Sự kiện tiêu biểu
1919- 1930	
1930- 1945	
1945-1954	
1954-1975	
1975-2000	

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Chuẩn bị tiết sau ôn tập để kiểm tra học kỳ II

- Nội dung: Toàn bộ phần LSVN từ 1919 đến 2000
- Trọng tâm: Những nội dung được giới hạn trong chương trình ôn tập lớp 12 (Phần LSVN từ 1919 đến 2000)